



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 18/2026
Từ 11/5 - 15/5/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ**

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẮT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

PHÁT TRIỂN ĐỒNG BỘ HẠ TẦNG SỐ, CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN, TẠO THUẬN LỢI TỐI ĐA CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 246/TB-VPCP kết luận Phiên họp lần thứ ba năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.



Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hùng chủ trì Phiên họp Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

Ngày 11/5/2026, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hùng, Trưởng Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo của Chính phủ) chủ trì Phiên họp lần thứ ba năm 2026.

Trong đó, về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 5, quý II năm 2026 và thời gian tới, Thông báo số 246/TB-VPCP nêu rõ, cơ bản thống nhất đề xuất về nhiệm vụ, giải pháp theo báo cáo của Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan và ý kiến của các thành viên Ban Chỉ đạo tại Phiên họp; yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương tập trung thực hiện quyết liệt, hiệu quả, không để quá hạn; trong đó lưu ý một số nội dung trọng tâm sau:

(1) Về thể chế, cơ chế, chính sách:

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan liên quan: (i) Xác định cụ thể phương án xử lý đối với các vướng mắc, điểm nghẽn, rào cản về quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm 2026; (ii) Rà soát, nghiên cứu đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025) về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, hoàn thành trong tháng 6/2026.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan: (i) Xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, nghiệm thu theo kết quả đầu ra đối với sản phẩm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hoàn thành trong tháng 6/2026; (ii) Chủ động rà soát, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế định giá, mua sắm, thuê dịch vụ, hướng dẫn lập dự toán, quản lý chi đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhất là đối với công nghệ chiến lược, công nghệ bản sao số và hệ thống truy xuất nguồn gốc, hoàn thành trong tháng 6/2026.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn các địa phương kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, hoàn thành trước ngày 25/5/2026.

(2) Về phát triển hạ tầng số, dữ liệu và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu:

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, cơ quan liên quan tổng hợp, đánh giá, xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/6/2026.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương: (i) Đôn đốc hoàn thành kết nối, đồng bộ dữ liệu các CSDL quốc gia, chuyên ngành về Trung tâm dữ liệu quốc gia, hoàn thành trong tháng 9/2026, hằng tháng công khai tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu (CSDL) từ tháng 5/2026; (ii) Nghiên cứu kỹ lưỡng, đề xuất đầu tư dự án dự phòng cho Trung tâm dữ liệu quốc gia số 01 để bảo đảm sao lưu, phục hồi, vận hành liên tục, an toàn, an ninh dữ liệu, hoàn thành trong tháng 5/2026.

Các Bộ: Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Nội vụ, Công an và Thanh tra Chính phủ khẩn trương hoàn thành dự án xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được giao; tập trung phân loại, ưu tiên làm trước các dữ liệu liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính, xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc, hoàn thành trong tháng 6/2026.

Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ: (i) Giao một đầu mối thống nhất về chuyển đổi số chịu trách nhiệm quản lý, điều phối hạ tầng số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu, kết nối, chia sẻ và bảo đảm an ninh dữ liệu, hoàn thành trong tháng 6/2026; (ii) Khẩn trương phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị liên quan thực hiện chuyển dịch hạ tầng kỹ thuật công

nghe thông tin các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình đã đăng ký.

Bộ Công Thương chủ trì, chỉ đạo EVN phối hợp với các địa phương rà soát, đánh giá và kiến nghị lựa chọn phương án cấp điện phù hợp đối với 410 thôn, bản chưa có điện, hoàn thành trong Quý II/2026. Các địa phương rà soát, xác định cụ thể các khu vực lờm sóng, trắng sóng, cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tổng hợp tình hình, kết quả xử lý các điểm lờm sóng, trắng sóng, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7/2026, phân đầu cơ bản xử lý các khu vực lờm sóng trong năm 2026.

(3) Về phát triển phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06:

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan: (i) Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường xác định nhiệm vụ công nghệ chiến lược, bài toán lớn, theo chức năng, nhiệm vụ tiềm năng, lợi thế của từng bộ, ngành, địa phương, hoàn thành trong tháng 6/2026; (ii) Rà soát, đề xuất đầu tư nâng cấp ngay, khai thác hiệu quả, liên thông các phòng thí nghiệm trọng điểm phục vụ công nghệ chiến lược, hoàn thành trong tháng 6/2026.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan: (i) Phát triển VNeID trở thành nền tảng số quốc gia, mở rộng tiện ích phục vụ DVC, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, tư pháp, thi hành án, đấu giá tài sản và an sinh xã hội, nhiệm vụ thường xuyên; (ii) hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp học liệu số; xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn trực tuyến; quyết liệt đôn đốc triển khai; kịp thời báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chậm trễ, kém hiệu quả, định kỳ hằng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo kết quả triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan: (i) Xây dựng danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng, công nghiệp hỗ trợ, logistics, chuỗi cung ứng, vật liệu mới, hydrogen xanh, pin lưu trữ, thiết bị công nghiệp thông minh, lưới điện, phân phối xăng dầu, hoàn thành trong tháng 5/2026; (ii) Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực nội địa hóa, giảm phụ thuộc vào khu vực FDI, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, nhất là ở khâu thiết kế, tiêu chuẩn, công nghệ lõi và thị trường, hoàn thành trong tháng 6/2026; (iii) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an triển khai định danh các nền tảng thương mại điện tử, hoàn thành trong Quý IV/2026.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan định hướng phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, tập trung vào công nghệ sinh học, giống cây, giống con, dược liệu, thủy sản, công nghệ biển, nông nghiệp thông minh, chế biến sâu, truy xuất nguồn gốc, quản lý đất đai hoàn thành trong tháng 6/2026.

Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng danh mục phát triển sản phẩm đối với vaccine thế hệ mới sử dụng cho phòng bệnh, chữa bệnh cho người, công nghệ tế

bào phục vụ điều trị cá thể bệnh mãn tính và bệnh nan y, công nghệ in 3D trong y tế, hoàn thành trong tháng 6/2026.

Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan: (i) Xây dựng danh mục phát triển sản phẩm trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, đô thị thông minh, giao thông thông minh, hoàn thành trong tháng 6/2026; (ii) Phối hợp với Bộ Công an tích hợp vé ô tô, đường sắt, đường thủy lên ứng dụng VNeID, hoàn thành trong Quý IV/2026.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tập trung lựa chọn các sản phẩm tiềm năng trở thành thương hiệu quốc gia, quốc tế như dược liệu quý, giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản, hoàn thành trong tháng 7/2026.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng định hướng phát triển sản phẩm du lịch thông minh, công nghiệp văn hóa, di sản số, kinh tế đêm, kinh tế di sản, kinh tế sáng tạo; xây dựng mô hình liên kết vùng trong phát triển sản phẩm du lịch, hình thành chuỗi cung ứng du lịch kết nối nhiều địa phương, nhiều loại hình dịch vụ, hoàn thành trong tháng 7/2026.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan: (i) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học xây dựng danh mục sản phẩm nghiên cứu khả thi, sẵn sàng chuyển giao, thương mại hóa để công bố rộng rãi, kết nối với nhu cầu của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, hoàn thành trong tháng 6/2026; (ii) Rà soát, ban hành hướng dẫn kết nối các nền tảng học trực tuyến với nền tảng Bình dân học vụ số, hoàn thành trong tháng 7/2026.

Các địa phương căn cứ tiềm năng, thế mạnh và nhu cầu phát triển, lựa chọn các sản phẩm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm, có giá trị gia tăng cao, có thị trường, khả năng nhân rộng; không đăng ký theo phong trào, dàn trải; năm 2026 mỗi địa phương đăng ký tối thiểu 01 sản phẩm có thể định lượng bằng giá trị; từ năm 2027, hằng năm đăng ký, triển khai tối thiểu 02 - 03 sản phẩm, xác định rõ mục tiêu, nguồn lực, thời hạn, đơn vị chủ trì, địa chỉ ứng dụng, giá trị kinh tế - xã hội và khả năng nhân rộng cụ thể; tiếp tục củng cố, phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, đẩy mạnh hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán số và các nền tảng số thiết yếu gắn với phong trào “Bình dân học vụ số”.

(4) Về cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan triển khai tích hợp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của bộ, ngành với Cổng dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, hoàn thiện hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính là một cấu phần của Cổng dịch vụ công quốc gia để bảo đảm thống nhất giao diện dùng chung, tạo thuận lợi cho tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, hoàn thành trong Quý II/2026.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan rà soát, đánh giá lộ trình, giải pháp triển khai mô hình hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp

bộ, cấp tỉnh; cập nhật Kiến trúc hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm phù hợp với thực tiễn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30/5/2026.

Các bộ, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ: (i) Khẩn trương hoàn thành công bố, công khai thủ tục hành chính tại các Nghị quyết của Chính phủ; ban hành ngay theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện, bảo đảm đồng bộ, thống nhất; (ii) Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, các phương án phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ để thực thi, hoàn thành trước ngày 20/5/2026.

Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tập trung nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ và cấp kết quả điện tử; bố trí đủ nhân lực tại Bộ phận Một cửa để tiếp nhận hồ sơ, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; công khai chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo quy định.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khẩn trương tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương, bảo đảm hiệu quả, thông suốt, tuyệt đối không để xảy ra gián đoạn; kịp thời thông tin về các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện để được hướng dẫn, tháo gỡ, giải quyết.

(5) Về sử dụng kinh phí, vốn đầu tư và các nguồn lực:

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan: (i) Rà soát, đề xuất sửa đổi, đơn giản hóa quy trình lập dự toán, thẩm định, phân bổ, giải ngân kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hướng dẫn thống nhất cơ chế quản lý đầu tư, duy trì vận hành hệ thống và cơ sở dữ liệu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 10/6.2026; (ii) Rà soát tổng thể các quy định liên quan đến quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ phát triển khoa học công nghệ, đề xuất phương án xử lý, hoàn thành trong tháng 6/2026; (iii) Khẩn trương nghiên cứu, ban hành hướng dẫn về quy trình lập dự toán, thanh quyết toán, giải ngân, bảo đảm tiến độ triển khai các dự án, hoàn thành trong tháng 6/2026.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các cơ quan liên quan: (i) Đơn đốc, hướng dẫn việc xử lý tài sản công, trụ sở dôi dư của các cơ quan, tổ chức sau sắp xếp, vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7/2026; (ii) Kịp thời trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí cho việc vận hành nền tảng Bình dân học vụ số trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

(6) Về tổ chức thực hiện:

Ban Chỉ đạo của Chính phủ phân công các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ theo lĩnh vực phụ trách chủ trì cùng các bộ, ngành liên quan tổ chức làm việc cụ thể với các địa phương để chỉ đạo, hướng dẫn xác định đúng tiềm năng, thế mạnh; hỗ trợ quá trình xác định nhiệm vụ, nguồn vốn đầu tư, nghiên cứu, phát triển sản phẩm đặc thù, sản phẩm CNCL của từng địa

phương và quá trình quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế, hoàn thành trong tháng 6/2026.

Bộ Công an chủ trì: (i) Rà soát kiến nghị, hệ thống hóa các nhiệm vụ Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ giao, bảo đảm tính khả thi; tham mưu Ban Chỉ đạo của Chính phủ xử lý dứt điểm các nhóm nhiệm vụ trọng tâm, tránh dàn trải, hoàn thành trong tháng 5/2026; (ii) Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ tổ chức giao ban định kỳ hằng tháng với các bộ, ngành, địa phương để rà soát tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, tổng hợp báo cáo Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ và trước các phiên họp của Ban Chỉ đạo của Chính phủ; (iii) Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng rà soát, đồng bộ dữ liệu về kết quả triển khai các nhiệm vụ trên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Đề án 06 (dean06.vn) về Hệ thống theo dõi kết quả triển khai các Nghị quyết do Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng, vận hành (theodoinq.dcs.vn), bảo đảm các bộ, ngành, địa phương chỉ cập nhật dữ liệu trên một hệ thống duy nhất; (iv) Chỉ đạo Công an cấp xã theo dõi, nắm tình hình giải quyết TTHC đối với người dân, doanh nghiệp, kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp tồn đọng, gây phiền hà, nhức nhối, phát sinh phản ánh, khiếu nại, tố cáo về hành vi sai phạm theo quy định; (v) Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ tham mưu điều chuyển ngân sách trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phát huy hiệu quả sử dụng vốn và trách nhiệm giải ngân; (vi) Chủ động đôn đốc, kiến nghị, đề xuất và tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết các khó khăn, vướng mắc của bộ, ngành, địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 5/2026.

Văn phòng Chính phủ tổng hợp các nội dung về triển khai Nghị quyết về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, thủ tục hành chính thành một báo cáo tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp thường kỳ và đột xuất khi cần.

Các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ: (i) Rà soát toàn bộ các nhiệm vụ quá hạn (trong Phụ lục I kèm theo), xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm, giải pháp và lộ trình để hoàn thành; đối với các nhiệm vụ liên ngành, phức tạp, chưa có tiền lệ, bộ, cơ quan chủ trì có đánh giá, đề xuất điều chỉnh thời hạn phù hợp và xác định rõ trách nhiệm thực thi, không để chậm muộn, gửi Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của Chính phủ trước ngày 20 tháng 5 năm 2026; (ii) Tập trung tháo gỡ những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc (trong Phụ lục II kèm theo) theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền; (iii) Phối hợp chặt chẽ, triển khai thực hiện hiệu quả một số nhiệm vụ trọng tâm khác theo phân công (trong Phụ lục III kèm theo), bảo đảm chất lượng, tiến độ theo quy định; (iv) Rà soát, cập nhật ngay kế hoạch triển khai, ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm được giao, xác định rõ thời hạn hoàn thành trong từng tháng, quý, năm.

Các Tổ công tác, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo của Chính phủ tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc, làm việc trực tiếp với các bộ, ngành, địa phương để tháo gỡ khó khăn, xử lý dứt điểm các nhiệm vụ quá hạn; tập trung rà soát, tháo gỡ điểm nghẽn cho các nhiệm vụ trọng tâm; hoàn thành đợt kiểm tra trong tháng 5/2026, báo cáo kết quả trước ngày 05/6/2026.

Nguồn: baочinhphu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ LÊ MINH HUNG: ĐỔI MỚI TƯ DUY XÂY DỰNG VÀ THI HÀNH PHÁP LUẬT LÀ ĐẶC BIỆT QUAN TRỌNG

Sáng ngày 11/5/2026, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng chủ trì cuộc làm việc với Bộ Tư pháp về tình hình thực hiện nhiệm vụ từ đầu năm 2026 đến nay, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới, nhất là trong việc xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng “2 con số” bền vững.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nêu rõ, Đại hội XIV của Đảng tiếp tục xác định thể chế là 1 trong 3 đột phá chiến lược; với yêu cầu tập trung hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển; hình thành được một hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, phù hợp thông lệ quốc tế, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán.

Tăng trưởng 2 con số dựa trên cải cách mạnh mẽ thể chế

Về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nêu rõ, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách và lâu dài của Bộ Tư pháp là cần bám sát mục tiêu, yêu cầu “tăng trưởng 2 con số dựa trên cải cách mạnh mẽ thể chế” theo chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và “Xây dựng và hoàn thiện thể chế phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chuyên mạnh phương thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, khẩn trương tháo gỡ căn bản các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách” theo Kết luận số 18-KL/TW của Hội nghị Trung ương 2.

Trong đó, đặc biệt lưu ý công tác kiểm soát, không để tình trạng luật chờ văn bản hướng dẫn thi hành như thời gian qua; phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cơ chế “xin-cho” trong công tác xây dựng pháp luật; cũng như lưu ý các quy định trên môi trường mạng, môi trường số.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng chỉ đạo Bộ Tư pháp tập trung xây dựng Đề án Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới với tầm nhìn đến năm 2045, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ trước ngày 15/10/2026. Cùng với đó, thường xuyên rà soát tiến độ soạn thảo, trình các dự án luật tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI theo Chương trình lập pháp năm 2026; đặc biệt chú ý các nội dung liên quan Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đất đai, Luật Điện lực, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch sử dụng đất.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định theo hướng thực chất, độc lập, chuyên sâu, bảo đảm nội dung thẩm định đầy đủ, chặt chẽ, chú trọng thẩm định, rà soát kỹ quy định liên quan đến nhiệm vụ, thẩm quyền của các bộ, cơ quan trong các nghị định, không để xảy ra tình trạng chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ, thẩm quyền của các bộ, cơ quan.

Cùng với đó, hiện đại hóa, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả phương thức phối hợp với các bộ ngành, cơ quan; các bộ ngành chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, tránh tình trạng văn bản vừa ban hành đã phải sửa đổi hoặc không thể thi hành được trên thực tiễn.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng cũng chỉ đạo Bộ Tư pháp theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng tại Công điện số 36/CĐ-TTg ngày 25/4/2026 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trước ngày 15/5/2026, trong đó nêu rõ cơ quan để chậm nợ văn bản, xác định nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất giải pháp; công khai tiến độ xây dựng pháp luật của các bộ ngành.

Đồng thời, rà soát, tham mưu giải pháp, phương án, lộ trình xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/3/2027, bảo đảm không gây vướng mắc, gián đoạn trong quá trình thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/6/2026.

Tập trung nguồn lực tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật; khẩn trương tổ chức thẩm định kết quả rà soát của các bộ, cơ quan, địa phương, tổng hợp, hoàn thiện báo cáo, trình Chính phủ trước ngày 31/7/2026 để bảo đảm tiến độ trình cấp có thẩm quyền theo quy định. Thủ tướng lưu ý việc rà soát các cơ chế đặc thù để nghiên cứu, đề xuất mở rộng áp dụng nếu có hiệu quả.

Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và chuyên đổi số toàn diện trong Bộ Tư pháp và toàn ngành. Hoàn thành việc xây dựng, kết nối, đồng bộ dữ liệu của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Trung tâm dữ liệu quốc gia, khắc phục các lỗi kỹ thuật của hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử, hoàn thành trong tháng 5/2026. Chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, kết nối, chia sẻ, tái sử dụng được”; tái cấu trúc các thủ tục, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin đã có.

Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát và tổ chức thực hiện rà soát, cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo đúng Kết luận số 18 của Trung ương và kiểm soát chặt chẽ, kiên quyết không để phát sinh thêm sau khi cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa. Nghiên cứu, xây dựng Đề án thí điểm thực hiện đánh giá, chấm điểm (KPI) về công tác cải cách thủ tục hành chính của các Bộ, cơ quan, địa phương.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng chỉ đạo Bộ Tư Pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự, việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính, đặc biệt là thu hồi tài sản tham nhũng, kinh tế; xác định việc nâng cao chất lượng thi hành án dân sự là giải pháp then chốt để giải phóng nguồn lực tài chính, tài sản trong các tranh chấp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và bảo đảm thượng tôn pháp luật. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp.

Nguồn: nhandan.vn

ĐÁNH GIÁ TOÀN DIỆN 1 NĂM VẬN HÀNH BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Sáng ngày 15/5/2026, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà chủ trì cuộc họp về xây dựng Đề án sơ kết 1 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.

Trước đó, chiều 14/5/2026, Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết 1 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp đã tổ chức phiên họp lần thứ nhất, thống nhất kế hoạch hoạt động, quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ thành viên và nội dung dự thảo báo cáo sơ kết.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, Chính phủ đã ban hành Kế hoạch tổ chức sơ kết 1 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp (Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/4/2026). Việc sơ kết nhằm đánh giá toàn diện, khách quan kết quả 1 năm triển khai sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên phạm vi cả nước; làm rõ những kết quả nổi bật, các mô hình hiệu quả, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai.

Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương sẽ đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho giai đoạn 2026 - 2030 nhằm tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đặc biệt ở cấp xã, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Để phục vụ công tác sơ kết, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà yêu cầu xây dựng báo cáo trung tâm phản ánh toàn diện việc vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp, trên cơ sở tích hợp báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và đề cương của Ban Chỉ đạo Trung ương.

Bộ Nội vụ được giao xây dựng đề cương báo cáo trung tâm. Bên cạnh đó, các bộ cũng được giao thực hiện các báo cáo chuyên đề quan trọng như phân cấp, phân quyền; cải cách thủ tục hành chính và hoạt động của trung tâm phục vụ hành chính công; chuyển đổi số, khoa học công nghệ; cơ sở vật chất, tài chính, trụ sở và tình hình sắp xếp tài sản công dôi dư.

Nhấn mạnh yêu cầu về tiến độ, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cho biết thời gian triển khai không còn nhiều, do đó các cơ quan phải vừa thực hiện, vừa cập nhật số liệu; nội dung nào còn thiếu phải bổ sung ngay để bảo đảm tiến độ chung. Bộ Nội vụ khẩn trương ban hành văn bản đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

Tại cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cũng yêu cầu rà soát kỹ việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập và đánh giá thực chất hiệu quả vận hành sau sắp xếp.

Theo Bộ Nội vụ, nhiều bộ đã triển khai tích cực việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính. Tuy nhiên, tiến độ ở một số lĩnh vực như giáo dục và đào tạo, vẫn còn chậm.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà yêu cầu các việc sơ kết phải phản ánh đúng thực trạng, làm rõ kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; việc thực hiện chính sách đối với cán bộ dôi dư; đồng thời đánh giá hiệu quả vận hành của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp sau 1 năm triển khai.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cũng đề nghị thành lập tổ công tác để đơn đốc, tổng hợp, hoàn thiện các báo cáo và thống kê số liệu phục vụ công tác sơ kết.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

CÔNG BỐ 9 LUẬT MỚI, ĐẨY MẠNH PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chiều ngày 13/5/2026, tại Hà Nội, Văn phòng Chủ tịch nước tổ chức họp báo công bố Lệnh của Chủ tịch nước về 9 luật đã được Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội XVI thông qua.

Các luật này gồm: Luật Thủ đô (sửa đổi); Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi); Luật Hộ tịch (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.

Tạo đột phá để Hà Nội phát triển trong kỷ nguyên mới

Luật Thủ đô (sửa đổi) gồm 9 chương, 36 điều, có hiệu lực từ ngày 1/7/2026; được kỳ vọng sẽ tạo hành lang pháp lý quan trọng, thúc đẩy Hà Nội phát triển xứng tầm trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước.

Đáng chú ý, Luật sửa đổi các quy định theo hướng phân quyền triệt để, toàn diện cho chính quyền thành phố được quy định, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền trong các lĩnh vực nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền thành phố như: tổ chức, bộ máy; thu, chi ngân sách, đặc biệt là các quy định tạo điều kiện thu hút nguồn lực cho Thủ đô phát triển; thực hiện quy hoạch, chỉnh trang, tái thiết đô thị; quản lý, sử dụng tài nguyên; ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo; phát triển, liên kết vùng Thủ đô; phát triển y tế, văn hóa; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, trong đó có việc áp dụng biện pháp hành chính cấp bách phù hợp với vị trí, vai trò của Thủ đô.

Theo đó, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố được ban hành văn bản để điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đã được quy định tại văn bản của cơ quan cấp trên nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa

phương, bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, không làm phát sinh thêm thành phần hồ sơ, điều kiện, yêu cầu hoặc kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, thành phố được ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định biện pháp đặc thù để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội mà khác hoặc chưa có quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ. Việc ban hành các văn bản này phải tuân thủ trình tự, thủ tục chặt chẽ; bảo đảm cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình theo quy định...

Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 gồm 4 chương và 31 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/9/2026; nhằm tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, đặc biệt là thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”...

Đáng chú ý, Luật điều chỉnh phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin của chính quyền địa phương phù hợp với thực tiễn và mô hình tổ chức mới sau sắp xếp; mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai; thông qua việc bổ sung các nhóm thông tin quan trọng, gắn trực tiếp với đời sống sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp; phân định rõ ràng phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện, bảo đảm sự hài hòa giữa quyền tiếp cận thông tin của công dân với yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh quốc gia và bảo vệ dữ liệu cá nhân; đa dạng hình thức công khai, cung cấp thông tin, khuyến khích áp dụng phương thức điện tử nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân trên môi trường số...

Người dân được quyền yêu cầu đăng ký hộ tịch tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào

Luật Hộ tịch (sửa đổi) với 4 chương, 30 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/3/2027, có nhiều đổi mới căn bản cả về tư duy lập pháp, mô hình quản lý và phương thức tổ chức thực hiện.

Nổi bật, Luật đã phân quyền triệt để, gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền cơ sở, thẩm quyền đăng ký tất cả các sự kiện, thông tin hộ tịch trong nước được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Người dân được quyền yêu cầu đăng ký hộ tịch tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào, không phụ thuộc nơi cư trú, địa giới hành chính.

Luật quy định đẩy mạnh số hóa dữ liệu hộ tịch và xác lập giá trị pháp lý của dữ liệu hộ tịch điện tử, xác định nguyên tắc “người dân chỉ cung cấp thông tin một lần”, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu đã có để giải quyết thủ tục hành chính, thay vì yêu cầu người dân cung cấp nhiều loại giấy tờ như trước đây.

Luật đã chuyển từ phương thức “quản lý thụ động” sang “phục vụ chủ động” với các quy định về đăng ký khai sinh, khai tử chủ động trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử...

Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng gồm 4 điều, có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2026; được ban hành nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi đua, khen thưởng sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; tiếp tục thể chế hóa các chủ trương của Đảng về phát

triển đất nước trong tình hình mới; đơn giản hóa thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và tăng cường hiệu lực, hiệu quả, trật tự, kỷ cương quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc và cả hệ thống chính trị...

Đáng chú ý, Luật giữ nguyên quy định về nguyên tắc “không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được”; bổ sung cụm từ “trừ khen thưởng công trạng” để thống nhất giữa nguyên tắc và tiêu chuẩn khen thưởng; bổ sung nguyên tắc “chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu mang lại hiệu quả thiết thực vì lợi ích chung, đi đầu trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học và công nghệ”. Luật quy định riêng 2 loại hình khen thưởng “khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề” và “khen thưởng chuyên đề”...

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi) gồm 9 chương, 61 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027; được ban hành nhằm tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy dân chủ, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; giải quyết những bất cập, hạn chế trong thực tiễn tổ chức thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016; phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ số, xã hội số, tạo thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện và đảm bảo thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Luật có nhiều điểm mới, đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho mọi người liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; bổ sung biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; đơn giản hóa thủ tục hành chính và chuyển đổi số trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo...

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài gồm 2 điều, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026. Việc xây dựng Luật nhằm khắc phục một số hạn chế, bất cập của Luật năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động của cơ quan đại diện đáp ứng yêu cầu mới của tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thực hiện thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, tăng cường tính chuyên nghiệp trong hoạt động của cơ quan đại diện, đáp ứng yêu cầu về chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền của Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần xây dựng nền ngoại giao hiện đại, thể hiện vị trí của công tác đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên.

Đáng chú ý, cùng với việc bổ sung phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, Luật đã kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và tăng cường tính chuyên nghiệp, hiện đại; đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong công tác quản lý của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; chế độ, chính sách đối với thành viên cơ quan đại diện và thân nhân cũng như một số nội dung khác nhằm

khắc phục mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành và một số nội dung cần quy định rõ hơn tại Luật...

Tạo động lực phát triển cho cá nhân, doanh nghiệp

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt đã được Quốc hội khóa XVI thông qua ngày 24/4/2026 tại Kỳ họp thứ nhất và có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua.

Luật gồm 5 điều; được ban hành nhằm hoàn thiện quy định về chính sách thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hộ, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp quy mô nhỏ nhằm khuyến khích, tạo động lực phát triển cho cá nhân, doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế...

Để hỗ trợ hộ, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là những hộ, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp có quy mô nhỏ, đồng thời đảm bảo công bằng trong chính sách thuế thu nhập giữa hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp quy mô nhỏ, khuyến khích hộ, cá nhân chuyển lên doanh nghiệp; trên cơ sở đánh giá tác động (cân đối giữa tác động giảm thu ngân sách với việc tạo điều kiện hỗ trợ kinh doanh có nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, ổn định tâm lý xã hội), Luật đã sửa đổi theo hướng không quy định cụ thể ngưỡng doanh thu không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, mức doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng của hộ, cá nhân kinh doanh tại Luật, bổ sung mức doanh thu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và giao Chính phủ căn cứ các chỉ số kinh tế vĩ mô, khả năng cân đối ngân sách để quy định mức doanh thu phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Việc phân quyền cho Chính phủ sẽ tạo cơ sở pháp lý để Chính phủ có thể điều hành linh hoạt chính sách tài khóa, trong đó có chính sách thuế và cũng là thể chế hóa nội dung nêu tại Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Luật Tổ chức Chính phủ và tương tự quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ tại một số Luật, Nghị quyết của Quốc hội về thuế hiện hành.

Đơn giản hóa thủ tục công chứng

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng gồm 3 điều; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027.

Đáng chú ý, Luật sửa đổi các quy định để đẩy mạnh thực hiện nguyên tắc phân quyền trong quản lý nhà nước về công chứng, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong việc thành lập và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng...

Luật sửa đổi một số quy định về thủ tục công chứng và hồ sơ công chứng theo hướng đơn giản hóa, quán triệt nguyên tắc khai thác, sử dụng dữ liệu trong quá trình nộp hồ sơ và giải quyết yêu cầu công chứng, nhưng vẫn bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của mô hình công chứng nội dung.

Đồng thời, Luật cũng sửa đổi khoản 3 Điều 68 của Luật Công chứng năm 2024 theo hướng cho phép cung cấp bản gốc văn bản công chứng cho cơ quan tiến hành tố tụng để thực

hiện xác minh, giám định tài liệu phục vụ việc tiến hành tố tụng, đồng thời có quy định nhằm bảo đảm gốc văn bản công chứng được bảo quản chặt chẽ, bản giao lại đầy đủ và không ảnh hưởng quá lớn đến quyền lợi hợp pháp của người yêu cầu công chứng trong việc yêu cầu cấp bản sao hoặc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ văn bản công chứng...

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý có 3 điều, có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.

Với việc mở rộng diện người được trợ giúp pháp lý, hoàn thiện thể chế, tăng cường phân cấp, huy động hiệu quả nguồn lực xã hội và đẩy mạnh chuyển đổi số, Luật đã tạo lập một nền tảng pháp lý đồng bộ, hiện đại và linh hoạt hơn cho hoạt động trợ giúp pháp lý trong giai đoạn mới. Đây là bước tiến quan trọng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý, góp phần bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân trong kỷ nguyên mới của đất nước.

Luật đã mở rộng diện người được trợ giúp pháp lý khi bỏ điều kiện “có khó khăn về tài chính” đối với các nhóm đối tượng: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ; người nhiễm chất độc da cam; người khuyết tật. Mặt khác, Luật không quy định điều kiện “có khó khăn về tài chính” mà quy định trực tiếp là: Người thuộc hộ cận nghèo; người được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng là người cao tuổi, người bị bạo lực trong việc bạo lực gia đình, người nhiễm HIV...

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ NỘI VỤ TÁI CẤU TRÚC 12 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẰNG DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRÊN VNEID

Ngày 12/5/2026, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 514/QĐ-BNV về việc công bố tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ được cắt giảm, thay thế bằng dữ liệu điện tử đã được tích hợp trên ứng dụng VNeID thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ tại Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 13/9/2025.

Theo đó, cơ quan này công bố danh mục 12 thủ tục hành chính được tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ bằng dữ liệu điện tử đã được tích hợp trên ứng dụng VNeID thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ và Quy trình giải quyết thủ tục hành chính được tái cấu trúc.

Trong số 12 thủ tục hành chính này có 1 thủ tục hành chính cấp trung ương và 1 thủ tục hành chính cấp xã về lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước, 10 thủ tục hành chính cấp tỉnh về lĩnh vực người có công và việc làm.

Đó là các thủ tục hành chính: Cấp giấy xác nhận về thời gian đi hợp tác lao động để giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động, kể cả đội trưởng, phiên dịch, cán bộ vùng đi làm việc ở các nước Đông Âu và Liên Xô cũ đã về nước trước ngày 01/01/2007; Đăng ký hợp đồng trực tiếp giao kết điều do Cục Quản lý lao động ngoài nước thực hiện.

10 thủ tục hành chính cấp tỉnh gồm: Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an; Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công; Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác; Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công; Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp; Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp; Giải quyết hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề; Giải quyết hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

Quyết định cũng công bố cụ thể quy trình giải quyết thủ tục hành chính được tái cấu trúc.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của quý II/2026 của Bộ Nội vụ là đẩy mạnh phân cấp thủ tục hành chính, bảo đảm cơ quan này chỉ thực hiện không quá 30% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý; đồng thời, phát huy trách nhiệm, nêu cao tinh thần chủ động, quyết liệt cao nhất trong xây dựng các cơ sở dữ liệu, nền tảng số theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương, Chính phủ và Bộ Nội vụ bảo đảm dữ liệu phải được khai thác, sử dụng hiệu quả, giá trị của dữ liệu phải được phát huy gắn với việc cắt giảm, đơn giản hóa, thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới hành chính, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước của Bộ trong tất cả lĩnh vực.

Nguồn: nhandan.vn

CÔNG CUỘC SẮP XẾP BỘ MÁY TẠO DẤU MỐC LỊCH SỬ TRONG NỀN HÀNH CHÍNH

Ngày 12/5/2026, Bộ Nội vụ công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (PAR INDEX).

Để xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2025, Bộ Nội vụ đã tiến hành khảo sát khoảng 99,694 phiếu, trong đó, có 35,649 phiếu của người dân để đo lường mức độ hài lòng; 64,045 phiếu điện tử khảo sát nhóm đối tượng là cán bộ, công chức, lãnh đạo quản lý tại các bộ, địa phương, hội, hiệp hội.

4 Bộ dẫn đầu về cải cách hành chính

Liên quan đến chỉ số cải cách hành chính tổng hợp, chỉ số này của 12 bộ, cơ quan ngang bộ là 87,2%, tăng 2,77% so với năm 2024. Trong đó, có 6/12 bộ có chỉ số cải cách hành chính trên mức giá trị trung bình.

Chỉ số cải cách ở các bộ, cơ quan ngang bộ được phân theo 2 nhóm. Thứ nhất, nhóm A sẽ đạt kết quả từ 90% trở lên, bao gồm 4 đơn vị: Bộ Tư pháp; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ.

Với chỉ số từ 80% đến dưới 90% thuộc nhóm B gồm 8 đơn vị: Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Ngoại giao; Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

Theo xếp hạng, Bộ Tư pháp đạt chỉ số cải cách hành chính năm 2025 cao nhất với kết quả là 95,48%, cao hơn 14,47% so với Bộ Y tế - đơn vị có kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2025 thấp nhất (81,01%).

Về các chỉ số thành phần, Bộ Nội vụ cho biết, có 5/7 chỉ số thành phần đạt giá trị trung bình tăng hơn so với năm 2024, bao gồm: “Cải cách thể chế”; “Cải cách thủ tục hành chính”; “Cải cách tổ chức bộ máy”; “Cải cách tài chính công” và “Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước”.

Đồng thời, 2/7 chỉ số là “công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính”; “Cải cách chế độ công vụ” có giá trị trung bình giảm so với năm trước.

Trong đó, chỉ số về “công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính” có giá trị cao nhất, đạt 93,99%. Điều này tiếp tục khẳng định công tác này luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho tới các bộ, ngành.

Tiếp đến, chỉ số thành phần “cải cách tổ chức bộ máy” có giá trị trung bình đạt 92,02%, cao hơn 1,4% so với năm trước. 11/12 bộ, cơ quan có kết quả trên 90% ở chỉ số thành phần này. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch là đơn vị duy nhất có kết quả dưới 90%, chỉ đạt 87,94%.

Cải cách hành chính của các tỉnh tăng trưởng đột phá

Bên cạnh đó, chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các tỉnh, thành phố tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, với giá trị trung bình đạt 89,96%, cao hơn 1.59% so với năm trước.

Trong đó có 18 tỉnh, thành phố có chỉ số đạt trên 90%. 16 tỉnh, thành phố còn lại đạt từ 80% đến dưới 90%.

Theo kết quả đánh giá, thành phố Hải Phòng đứng đầu bảng xếp hạng về chỉ số này. Công tác cải cách hành chính của thành phố có nhiều đột phá, tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế và sự hài lòng của người dân.

Một số địa phương khác cũng đã thể hiện sự tiến bộ vượt trội và đạt kết quả rất tích cực trong công tác này, như: Quảng Ninh, Đồng Nai, Ninh Bình, Hà Nội.

Đứng cuối bảng xếp hạng là tỉnh Cao Bằng, đạt 82,73%. Qua đánh giá, năm 2025 tỉnh Cao Bằng đã có nỗ lực trong lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính tại địa phương, một số nội dung cho kết quả khá tích cực như cải cách thể chế, sắp xếp tổ chức bộ máy. Tuy nhiên, một số nội dung cải cách còn bộc lộ nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao.

Bộ Nội vụ cho biết, năm 2025 đánh dấu cột mốc quan trọng mang tính lịch sử về cải cách nền hành chính ở Việt Nam, trọng tâm là công cuộc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp, vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và đột phá mạnh mẽ về cải cách thể chế, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.

Những cải cách mạnh mẽ và toàn diện thời gian qua đã mang lại nhiều kết quả ấn tượng và phản ánh chân thực vào kết quả chỉ số cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh trên từng lĩnh vực.

Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, linh hoạt. Hàng loạt điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách đã được quan tâm tháo gỡ thông qua những quyết sách đột phá từ Trung ương.

Theo Bộ Nội vụ, việc rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính đã dần đi vào chiều sâu, thực chất hơn. Khi tổ chức bộ máy được sắp xếp, tinh gọn, giảm các tầng nấc trung gian; cơ chế phân quyền, phân cấp, ủy quyền được đẩy mạnh gắn với năng lực thực thi thì nhiều cơ chế, chính sách mới về quản lý cán bộ, công chức, viên chức được ban hành và triển khai có hiệu quả, công tác đánh giá, xếp loại công chức hằng năm được đổi mới.

Qua khảo sát, Bộ Nội vụ nhận định, chuyển đổi số tiếp tục là điểm sáng của cải cách, dần thâm sâu vào các hoạt động hàng ngày và sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, đóng góp quan trọng vào nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế trong kỷ nguyên mới.

Nguồn: dantri.com.vn

GẦN 90% CÔNG CHỨC KHÔNG GÂY PHIÊN HÀ, SÁCH NHIỀU CHO NGƯỜI DÂN

Thông tin trên được nêu ra trong báo cáo chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 (chỉ số SIPAS 2025) mới được Bộ Nội vụ công bố.

Khảo sát được triển khai trên quy mô toàn quốc với 36.000 phiếu điều tra tại 720 xã, phường thuộc 34 tỉnh, thành phố.

Báo cáo nêu rõ, mức độ hài lòng chung của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 đạt 83,09%. Bên cạnh đó, 77,92 - 91,12% số người được khảo sát hài lòng với sự phục vụ tại 34 tỉnh, thành phố.

Tuy nhiên, báo cáo cũng cho thấy vẫn còn tình trạng tiêu cực của công chức trong giải quyết công việc cho người dân.

Năm 2025, có đến 89,09% người dân tham gia khảo sát cho rằng không có công chức gây phiền hà, sách nhiễu; song vẫn còn 11,05% cho rằng có một số công chức gây phiền hà sách nhiễu và 0,96% số người khảo sát cho rằng có nhiều công chức gây phiền hà sách nhiễu.

Trong khi đó, 89,49% người dân được khảo sát chọn “không có người dân nào phải đưa tiền ngoài quy định cho công chức để công việc được giải quyết”. Nội dung khảo sát về một số người dân phải đưa tiền chỉ chiếm 8,88%. Như vậy, cảm nhận của người dân về sự sách nhiễu, tiêu cực của công chức năm 2025 có sự tăng nhẹ so với năm 2023, 2024.

Qua khảo sát, Bộ Nội vụ cho biết cả 34 tỉnh, thành phố đều nhận được ý kiến của người dân tham gia khảo sát cho rằng có một số công chức gây phiền hà, sách nhiễu.

Bên cạnh đó, sự hài lòng của người dân đối với thủ tục hành chính được đo lường trên 4 nội dung: Quy định thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa dễ thấy, dễ hiểu; Người dân được yêu cầu nộp hồ sơ giải quyết thủ tục đúng theo quy định; Người dân

được yêu cầu nộp phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính đúng theo quy định; Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính cho người dân đúng theo quy định.

Kết quả đo lường năm 2025 cho thấy gần 84% người dân hài lòng đối với việc niêm yết công khai quy định thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa dễ thấy, dễ hiểu. Việc người dân được yêu cầu nộp hồ sơ đúng quy định được đánh giá đạt 83,32%. Ngoài ra, gần 83% người dân đánh giá thời hạn giải quyết thủ tục đúng quy định..

Mức độ hài lòng của người dân của 34 tỉnh, thành phố đối với 4 nội dung đo lường về thủ tục hành chính dao động trong khoảng 76,28 - 91,72%; đối với thủ tục hành chính nói chung dao động trong khoảng 76,77 - 91,58%.

3 tỉnh, thành phố có mức độ hài lòng của người dân đối với thủ tục hành chính nói chung cao nhất là Hải Phòng, Quảng Ninh, Đồng Nai, ngược lại 3 tỉnh thấp nhất là Lai Châu, Cao Bằng, Quảng Trị.

Năm 2025, nhu cầu, mong đợi của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước được đo lường trên 10 nội dung liên quan đến việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách và cung ứng dịch vụ hành chính công. Kết quả đo lường cho thấy mức độ mong đợi của người dân đối với 10 nội dung dao động trong khoảng 86,22 - 88,65%.

Trong đó, phần lớn người dân mong mỗi công chức nâng cao năng lực của cán bộ, công chức; chất lượng tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân...

Từ kết quả SIPAS năm 2025, Bộ Nội vụ cho biết cải cách hành chính vẫn duy trì nền tảng tích cực. Điều này phản ánh việc dư địa cải cách theo hướng hoàn thiện thể chế và đơn giản hóa thủ tục đang dần thu hẹp.

Tuy nhiên, những hạn chế về chất lượng thực thi và trải nghiệm của người dân ngày càng bộc lộ rõ hơn.

Trong bối cảnh đó, Bộ Nội vụ cho rằng trọng tâm cải cách cần chuyển mạnh sang nâng cao chất lượng phục vụ thực chất, lấy người dân làm trung tâm, đặc biệt là tăng cường năng lực và trách nhiệm thực thi ở cấp cơ sở.

Nguồn: dantri.com.vn

PHÂN CẤP, BÃI BỎ, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Bộ Tư pháp cho biết, thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 89/NQ-CP, kết luận của Thường trực Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành đã trình Chính phủ ban hành 8 nghị quyết liên quan. Hiện đang hoàn thiện để trình Chính phủ ban hành đối với 3 nghị quyết khác theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

Trên cơ sở kết quả các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh được phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa tại 8 nghị quyết đã ban hành và 3 dự thảo nghị quyết đang trình Chính phủ, đến nay tổng số thủ tục hành chính rà soát, đề xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án phân quyền, phân cấp cho địa phương là 419 thủ tục.

Trong số này, có 136 thủ tục đã thực hiện phân cấp tại 8 nghị quyết đã ban hành, 54 thủ tục đã đưa việc phân quyền, phân cấp vào 2 nghị quyết cắt giảm, sửa đổi ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không trực tiếp cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo Nghị quyết 206/2025/QH15.

Còn 229 thủ tục phải thực hiện phân cấp trong thông tư của Bộ trưởng hoặc văn bản quy phạm pháp luật gốc đang trình cùng thời điểm với các nghị quyết. Trong đó, Bộ Y tế có 27 thủ tục, Bộ Dân tộc và Tôn giáo 8 thủ tục, Bộ Xây dựng 21 thủ tục, Bộ Ngoại giao 3 thủ tục, Bộ Nông nghiệp và Môi trường 1 thủ tục, Bộ Công Thương 33 thủ tục, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 21 thủ tục, Bộ Công an 40 thủ tục, Bộ Khoa học và Công nghệ 29 thủ tục, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 37 thủ tục, Bộ Nội vụ 9 thủ tục. Bộ Nội vụ đã đạt chỉ tiêu về tỷ lệ phân cấp thủ tục hành chính theo Kết luận số 18-KL/TW. Đối với 9 thủ tục hành chính đề xuất phân cấp, Bộ này dự kiến tiếp tục chủ động phân cấp trong thời gian tới khi sửa văn bản quy phạm pháp luật gốc.

Về cắt giảm (bãi bỏ), đơn giản hóa thủ tục hành chính, tổng số thủ tục đề xuất phương án bãi bỏ là 720, đề xuất phương án đơn giản hóa là 676; trong đó, có 186 thủ tục bãi bỏ và 396 thủ tục đơn giản hóa tại 8 nghị quyết đã ban hành. Có 251 thủ tục đã đưa việc bãi bỏ và 81 thủ tục đưa việc đơn giản hóa vào 2 nghị quyết theo Nghị quyết 206/2025/QH15.

Có 126 thủ tục đã bãi bỏ và 11 thủ tục đơn giản hóa tại các văn bản quy phạm pháp luật gốc (Luật Hộ tịch sửa đổi vừa được Quốc hội thông qua đã bãi bỏ 22 thủ tục), hoặc công bố bãi bỏ theo văn bản quy phạm pháp luật vừa hết hiệu lực.

Số thủ tục hành chính còn phải tiếp tục bãi bỏ là 157, thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan: Bộ Giáo dục và Đào tạo (25), Bộ Xây dựng (22), Bộ Ngoại giao (1), Bộ Nông nghiệp và Môi trường (38), Bộ Công Thương (2), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (6), Bộ Công an (17), Bộ Khoa học và Công nghệ (24); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (22). Trong đó, 22 thủ tục của Bộ Xây dựng sẽ được bãi bỏ trong thông tư của Bộ. 24 thủ tục của Bộ Khoa học và Công nghệ đang trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ.

Số thủ tục cần phải tiếp tục đơn giản hóa là 188, thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan: Bộ Giáo dục và Đào tạo (11), Bộ Dân tộc và Tôn giáo (8), Bộ Xây dựng (31), Bộ Ngoại giao (7), Bộ Công Thương (56), Bộ Công an (9), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (66).

Về cắt giảm (bãi bỏ) điều kiện kinh doanh, qua rà soát có 1.836 điều kiện kinh doanh đề xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm. Hiện số đã cắt giảm (bãi bỏ) tại 8 nghị quyết đã ban hành là 890 điều kiện kinh doanh. Số đã đưa việc cắt giảm (bãi bỏ) vào 2 nghị quyết theo Nghị quyết 206/2025/QH15 là 733 điều kiện kinh doanh.

Số đã cắt giảm (bãi bỏ) tại các văn bản quy phạm pháp luật gốc hoặc đang trình cùng thời điểm trình các nghị quyết là 31 điều kiện kinh doanh. Số điều kiện kinh doanh còn phải tiếp tục cắt giảm (bãi bỏ) là 182, thuộc phạm vi quản lý của các Bộ: Xây dựng (15), Bộ Công Thương (83), Bộ Khoa học và Công nghệ (84). Các điều kiện kinh doanh này của Bộ Khoa học và Công nghệ không thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện đang được quy định tại thông tư.

Riêng Bộ Tài chính chưa thống kê các điều kiện kinh doanh thuộc các ngành nghề đã đề xuất cắt giảm thuộc phạm vi quản lý của Bộ và điều kiện kinh doanh của đại lý thuế đã cắt giảm ngành nghề theo Luật Đầu tư 2025.

Nguồn: vietnamplus.vn

ĐỀ XUẤT SỬA QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Bộ Tài chính đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Bộ Tài chính cho biết, việc xây dựng Nghị định nhằm hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu vận hành tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền 02 cấp và hệ thống chức danh, chức vụ mới.

Dự thảo Nghị định gồm 07 điều, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP. Trong đó, về nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 3 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, dự thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh được xác định theo từng chức danh, chức vụ. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Trường hợp chức danh, chức vụ cần bố trí cao hơn so với diện tích tối đa do tính chất công việc hoặc thực hiện công việc kiêm nhiệm thì được bố trí diện tích cao hơn trong tổng diện tích làm việc các chức danh, chức vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc theo chức vụ đang công tác.

Đối với các chức danh, chức vụ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa có quy định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tại Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị quy định về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (sau đây gọi là Quy định số 368-QĐ/TW) thì căn cứ quy định, quyết định, kết luận, thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền về chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo

Nghị định này hoặc tương đương bậc nào tại Quy định số 368-QĐ/TW để xác định định mức diện tích làm việc tương ứng.

Căn cứ điều kiện cơ sở vật chất hiện có và tình hình thực tế tại địa phương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét bố trí diện tích làm việc cho các tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư (như: thôn, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố,...) tại nhà văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng của tổ chức tự quản hoặc tại trụ sở của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp bố trí diện tích làm việc tại trụ sở của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã thì diện tích tối đa không quá 75m².

Bộ Tài chính cho biết, đề xuất quy định như trên để đảm bảo bao quát các trường hợp trong thực tế: Nghiên cứu quy định linh hoạt hơn đối với một số chức danh kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ chuyên môn đặc thù.

Đồng thời, để làm cơ sở để bố trí diện tích phục vụ hoạt động của các tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư (là cầu nối giữa chính quyền và người dân, tham gia hỗ trợ quản lý nhà nước, thực hiện dân chủ ở cơ sở, hòa giải mâu thuẫn và góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, phát triển cộng đồng).

Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư bao gồm toàn thể hộ gia đình, cá nhân cư trú trên địa bàn và các thiết chế như Trưởng thôn/Tổ trưởng, Ban Thanh tra nhân dân có từ 5 thành viên trở lên, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có từ 5 thành viên trở lên (Điều 2, Điều 15, Điều 33, Điều 34 và Điều 35). Các chủ thể này có nhiệm vụ quyết định các công việc của cộng đồng, tổ chức thực hiện, quản lý nguồn lực, xây dựng hương ước và thực hiện giám sát (Điều 15, Điều 18, Điều 19 và các Điều 33-35). Do đó, dự kiến diện tích bố trí cho tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư là 05 người x 15m²/người (là định mức diện tích làm việc của chức danh chuyên viên) = 75m².

Rà soát tiêu chuẩn, định mức, xử lý đối với phần diện tích lớn hơn so với tiêu chuẩn, định mức (nếu có)

Bộ Tài chính cũng đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP như sau: Việc rà soát tiêu chuẩn, định mức, xử lý đối với phần diện tích lớn hơn so với tiêu chuẩn, định mức (nếu có):

a) Đối với trường hợp thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động, thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận nguyên trạng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; thực hiện rà soát, xác định phần diện tích làm việc theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này để trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Đối với phần diện tích lớn hơn so với tiêu chuẩn, định mức (nếu có), cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao, điều chuyển theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công để quyết định giao, điều chuyển phần diện tích này cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quản lý, sử dụng nếu phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và nhu cầu sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Trường hợp không có cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp có nhu cầu tiếp nhận phần diện tích này, cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cơ quan,

người có thẩm quyền giao, điều chuyển tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công để xem xét, quyết định giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý, sử dụng phần diện tích lớn hơn so với tiêu chuẩn, định mức này và được xác định là không vượt tiêu chuẩn, định mức.

b) Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện giao, điều chuyển không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, trường hợp diện tích của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dự kiến giao, điều chuyển lớn hơn tiêu chuẩn, định mức nhưng không thể tách riêng phần diện tích theo tiêu chuẩn, định mức để giao, điều chuyển hoặc không có cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có nhu cầu tiếp nhận tại thời điểm quyết định giao, điều chuyển thì trên cơ sở đề nghị tiếp nhận nguyên trạng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển theo nguyên trạng. Sau khi tiếp nhận, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận thực hiện rà soát để xử lý theo quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp điều chuyển ra ngoài phạm vi của Bộ, cơ quan trung ương thì phải có ý kiến thống nhất tiếp nhận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Định kỳ 05 năm (bắt đầu từ năm 2026), cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, bao gồm cả trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, có trách nhiệm thực hiện rà soát diện tích trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để đánh giá việc quản lý, sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức. Trường hợp diện tích trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp lớn hơn tiêu chuẩn, định mức, cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện rà soát để xử lý theo quy định tại điểm a khoản này. Trong 05 năm sau khi rà soát thì tiêu chuẩn, định mức của cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác định theo kết quả rà soát đầu kỳ, trừ trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Sửa đổi một số quy định về diện tích sử dụng chung

Về diện tích chung quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi như sau:

Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 6 như sau: “đ) Phòng trung tâm dữ liệu, phòng máy tính, quản trị mạng, phòng đặt thiết bị kỹ thuật, quản lý tòa nhà, phòng phục vụ hạ tầng số, phòng điều hành, điều khiển thông minh”.

Bộ Tài chính cho biết, sửa đổi như trên để đáp ứng yêu cầu quản trị thông minh của trụ sở làm việc hiện đại.

Bên cạnh đó, dự thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP như sau: Diện tích sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều này được xác định như sau:

a) Tối đa không quá 100% tổng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh của cơ quan, tổ chức hoặc tổng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh của các cơ quan, tổ chức trong trường hợp các cơ quan, tổ chức này được bố trí trong cùng một trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và được phân bổ cho từng loại diện tích cụ thể quy định tại các

điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này; việc quản lý phần diện tích sử dụng chung trong trường hợp bố trí nhiều cơ quan, tổ chức trong cùng một trụ sở làm việc được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

b) Trường hợp sau khi phân bổ cho từng loại diện tích quy định tại khoản 1 Điều này mà diện tích của các phòng/bộ phận có quy định cụ thể tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam (công sở cơ quan hành chính nhà nước) thấp hơn so với mức tối thiểu được quy định tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam thì được áp dụng diện tích của phòng/bộ phận đó theo mức tối thiểu quy định tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam. Phần diện tích chênh lệch giữa diện tích được phân bổ và diện tích tối thiểu theo Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam được bổ sung vào diện tích sử dụng chung của cơ quan, tổ chức.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: KIOSK DỊCH VỤ CÔNG THỨC ĐẦY CHUYỂN ĐỔI SỐ HÀNH CHÍNH CÔNG

Với nhiều ưu điểm nổi bật như tiết kiệm thời gian, chi phí và tăng tính minh bạch, kết hợp với “Ví giấy tờ số”, Kiosk dịch vụ công đa dạng hóa kênh thực hiện thủ tục hành chính.

Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội cho biết, đến nay, hệ thống Kiosk đã được triển khai tại 30 điểm hỗ trợ dịch vụ công số trên địa bàn thành phố, bước đầu ghi nhận 1.657 lượt sử dụng, trong đó có 1.046 hồ sơ chứng thực bản sao từ bản chính và 611 hồ sơ cấp bản sao số.

Tại một số điểm triển khai, tỷ lệ sử dụng đạt mức khá cao, như: Tây Hồ (20,39%), Phú Thượng (9,79%), Đan Phượng (7,80%), Sơn Tây (5,56%), Gia Lâm (5,15%). Đây là những đơn vị có điều kiện hạ tầng ổn định, đồng thời chú trọng công tác hướng dẫn, hỗ trợ người dân, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị.

Bên cạnh những kết quả bước đầu, quá trình thí điểm cũng đặt ra một số yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện, như: Bảo đảm ổn định hạ tầng kỹ thuật, tối ưu cấu hình hệ thống và tăng cường công tác hướng dẫn tại cơ sở. Việc người dân chưa quen với thao tác trên thiết bị là yếu tố mang tính đặc thù trong giai đoạn đầu triển khai các mô hình mới, đòi hỏi sự đồng hành của đội ngũ cán bộ tại điểm phục vụ.

Hiện nay, các Kiosk của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố đang được triển khai nhằm hỗ trợ người dân, như: Sao y, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; xác thực giấy tờ cá nhân; cấp bản sao tài liệu điện tử có giá trị pháp lý; tra cứu tình trạng hồ sơ; nhận kết quả qua email hoặc mã QR; hỗ trợ đăng nhập và sử dụng các dịch vụ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

Tại Kiosk hành chính công, người dân, doanh nghiệp có thêm lựa chọn phương thức thực hiện dịch vụ công trực tuyến, có thể thực hiện ngoài giờ hành chính như: Đăng nhập hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bằng tài khoản VNeID hoặc qua ứng dụng VNeID; tra cứu thông tin về, thông tin hồ sơ, tình trạng hồ sơ, quá trình xử lý hồ sơ, các thông báo bổ sung, không giải quyết và kết quả thực hiện hồ sơ; thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; đánh giá mức độ hài lòng với các đơn vị thực hiện giải quyết thủ tục hành chính...

Quy trình thực hiện thủ tục tại Kiosk được thiết kế theo hướng đơn giản, trực quan, phù hợp với nhiều nhóm đối tượng sử dụng. Người dân có thể thực hiện định danh bằng căn cước công dân gắn chip hoặc tài khoản định danh điện tử, sau đó tiến hành quét và số hóa tài liệu ngay tại thiết bị. Hệ thống sẽ tự động xử lý thông tin, gửi yêu cầu đến cơ quan chuyên môn và trả kết quả điện tử đã được ký số thông qua các nền tảng liên kết; theo dõi trạng thái xử lý hồ

sơ thông qua mã QR hoặc các kênh trực tuyến, đồng thời chủ động lựa chọn nhận kết quả điện tử hoặc in bản giấy khi cần thiết.

Song song với đó, “Ví giấy tờ số” được xây dựng như một nền tảng lưu trữ và quản lý giấy tờ điện tử cá nhân, cho phép người dân tập hợp, theo dõi và sử dụng lại các tài liệu đã số hóa trong nhiều giao dịch khác nhau. Sự kết hợp giữa Kiosk và Ví giấy tờ số từng bước hình thành hệ sinh thái dịch vụ công số liên thông, giúp kết nối giữa môi trường thực và môi trường điện tử một cách đồng bộ.

Trong thời gian tới, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện hạ tầng và mở rộng phạm vi triển khai, KIOSK hành chính công thông minh được kỳ vọng sẽ trở thành một trong những công cụ quan trọng trong hệ sinh thái dịch vụ công số, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: hanoimoi.vn

ĐIỆN BIÊN: TIẾP TỤC QUAN TÂM NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Sáng ngày 12/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tổ chức hội nghị sơ kết một năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp.

Khẳng định chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là đúng đắn, có ý nghĩa chiến lược trong tiến trình cải cách nền hành chính Nhà nước, báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nêu rõ: Sau gần một năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tổ chức bộ máy từng bước được kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trung gian; chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền giữa các cấp được xác định rõ hơn; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tiếp tục được nâng lên.

Cụ thể, sau một năm, Điện Biên đã cắt giảm tới 65,1% đơn vị hành chính cấp xã (từ 129 đơn vị hành chính cấp xã giảm còn 45 xã, phường). Về nhân lực, tỉnh đã điều động hơn 2.300 cán bộ, công chức; chuyển công tác hơn 14.270 viên chức, người lao động về các xã mới.

Để hỗ trợ cấp xã hoạt động trong thời gian đầu, Ủy ban nhân dân tỉnh đã biệt phái, tăng cường 124 công chức, viên chức từ các sở, ngành (tỉnh) về hỗ trợ cấp xã; riêng ngành y tế tăng cường lãnh đạo, quản lý cho toàn bộ 45 trạm y tế xã. Đồng thời, tỉnh đã bồi dưỡng, tập huấn cho 11.800 lượt cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình mới.

Ghi nhận các kết quả bước đầu trong thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, song Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục yêu cầu các sở, ngành và chính quyền cơ sở tiếp tục rà soát toàn bộ các “điểm nghẽn” trong vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trong đó chú trọng giải pháp tháo gỡ các bất cập về phân cấp, phân quyền, thủ tục hành chính và tổ chức bộ máy.

Đồng chí Lò Văn Cương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, cho rằng, thách thức hiện nay không còn là việc “sắp xếp cho gọn”, mà là làm sao để chính quyền cấp xã thực sự đủ năng lực vận hành hiệu quả trong điều kiện địa bàn miền núi, biên giới đặc thù, khi

phần lớn trách nhiệm quản trị đã được chuyển trực tiếp về cơ sở. Do vậy, đề nghị các sở, ngành và ủy ban nhân dân cấp xã phải quan tâm giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cấp xã, nhất là ở các lĩnh vực: đất đai, tài chính, xây dựng chuyển đổi số và đầu tư công. Đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung để giảm áp lực xử lý công việc cho cấp cơ sở thông suốt, hiệu quả.

Nguồn: nhandan.vn

CAO BẰNG: BỔ SUNG NỘI DUNG HỆ THỐNG OKR GẮN VỚI HỆ THỐNG KPI TRONG TOÀN BỘ KIẾN TRÚC ĐIỀU HÀNH, QUẢN TRỊ VÀ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ CỦA TỈNH

Tại Công văn số 1479/UBND-NC ngày 13/5/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng yêu cầu Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu bổ sung nội dung về hệ thống OKR gắn với hệ thống KPI trong toàn bộ kiến trúc điều hành, quản trị và đánh giá cán bộ của tỉnh. Trong đó, cần nghiên cứu, làm rõ và quán triệt thống nhất nhận thức về sự khác nhau giữa OKR và KPI để bảo đảm triển khai đúng bản chất, tránh hình thức.

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và triển khai Đề án hệ thống KPI nhằm đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng lượng hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả điều hành trên nền tảng dữ liệu số. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tiễn triển khai tại một số địa phương và yêu cầu đổi mới công tác quản trị hiện nay cho thấy, nếu chỉ triển khai KPI thì chủ yếu mới dừng ở việc đo lường kết quả công việc; trong khi yêu cầu điều hành hiện đại không chỉ cần “đo được việc đã làm” mà còn phải xác định rõ “mục tiêu trọng tâm cần tập trung thực hiện”, tránh tình trạng hoàn thành nhiều đầu việc nhưng chưa tạo chuyển biến rõ nét đối với mục tiêu chung của cơ quan, đơn vị.

KPI là hệ thống chỉ số đo lường kết quả thực hiện công việc cụ thể; tập trung vào việc đo năng suất, tiến độ, chất lượng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí định lượng. KPI giúp trả lời câu hỏi “đã làm được bao nhiêu, đạt đến mức nào”. Trong khi đó, OKR là hệ thống quản trị mục tiêu; tập trung xác định những mục tiêu trọng tâm cần ưu tiên trong từng giai đoạn và các kết quả then chốt để hiện thực hóa mục tiêu đó. OKR giúp trả lời câu hỏi “đơn vị, cá nhân đang tập trung thực hiện điều gì và vì sao đây là việc quan trọng nhất”. Cần xác định rõ KPI là công cụ đo lường; còn OKR là công cụ định hướng mục tiêu và tạo sự tập trung trong điều hành. Nếu chỉ có KPI mà không có OKR thì rất dễ phát sinh tình trạng cán bộ hoàn thành nhiều việc nhỏ nhưng không tạo chuyển biến thực chất đối với nhiệm vụ trọng tâm. Ngược lại, nếu chỉ đặt mục tiêu mà không có KPI lượng hóa thì khó theo dõi tiến độ, khó đánh giá mức độ hoàn thành và dễ dẫn đến cảm tính.

Do đó, việc triển khai OKR/KPI phải được nghiên cứu theo hướng kết hợp đồng bộ: OKR dùng để xác định mục tiêu trọng tâm, ưu tiên điều hành; KPI dùng để đo lường mức độ hoàn thành mục tiêu đó bằng dữ liệu cụ thể, có thể kiểm chứng được. Việc này nhằm bảo đảm mỗi cán bộ không chỉ “làm nhiều việc” mà còn phải “làm đúng việc trọng tâm”, tạo ra sản phẩm và kết quả thực chất.

Việc triển khai hệ thống OKR/KPI và Dashboard điều hành phải được xác định là nhiệm vụ đổi mới phương thức quản trị, điều hành của bộ máy hành chính nhà nước trên nền tảng dữ liệu số; không đơn thuần là ứng dụng phần mềm để “chấm điểm” hay tăng thêm thủ tục báo cáo điện tử. Mục tiêu cốt lõi là thiết kế lại toàn bộ kiến trúc điều hành theo hướng quản trị bằng dữ liệu thời gian thực, chuyển mạnh từ phương thức “họp nghe báo cáo giấy” sang theo dõi, giám sát, cảnh báo và điều hành trực tiếp trên dữ liệu sống.

Trong quá trình xây dựng Đề án, cần xác định rõ hệ thống OKR/KPI cùng Dashboard điều hành phải trở thành công cụ giúp lãnh đạo các cấp theo dõi liên tục tiến độ thực hiện nhiệm vụ; phân tích xu hướng; cảnh báo sớm các điểm nghẽn, nguy cơ chậm tiến độ, né tránh trách nhiệm hoặc phối hợp không hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị. Hệ thống phải hỗ trợ thực chất cho công tác điều hành, tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng xử lý công việc; tuyệt đối tránh tình trạng phát sinh thêm khâu nhập liệu hình thức hoặc tạo áp lực hành chính không cần thiết cho cơ sở.

Để triển khai có hiệu quả, thực chất các nội dung trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh và các cơ quan liên quan nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong việc ban hành và triển khai Đề án hệ thống OKR/KPI, Dashboard điều hành, quản trị bằng dữ liệu thời gian thực và Hồ sơ năng lực số cán bộ; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung phù hợp để nghiên cứu áp dụng tại tỉnh Cao Bằng.

Trong quá trình nghiên cứu, cần đặc biệt lưu ý các nội dung về: phương thức phân rã mục tiêu từ cấp tỉnh đến từng cá nhân; cơ chế giao việc và theo dõi tiến độ theo thời gian thực; phương pháp lượng hóa sản phẩm công việc; hệ thống cảnh báo sớm điểm nghẽn; cơ chế đánh giá đa chiều; xây dựng hồ sơ năng lực số; cơ chế liên thông dữ liệu giữa các nền tảng dùng chung; ứng dụng AI hỗ trợ phân tích, dự báo; cũng như các yêu cầu về an toàn dữ liệu, bảo mật thông tin và trách nhiệm cập nhật dữ liệu của từng cá nhân, đơn vị.

Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu xây dựng “Hồ sơ năng lực số” đối với từng cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở dữ liệu bảo đảm tiêu chuẩn “đúng - đủ - sạch - sống”, có khả năng cập nhật liên tục theo quá trình công tác, kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hoàn thành công việc, sản phẩm đầu ra, kết quả phối hợp liên ngành và mức độ tín nhiệm trong thực tiễn. Dữ liệu này phải từng bước trở thành căn cứ phục vụ đồng bộ các khâu công tác cán bộ như tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, luân chuyển, điều động và thực hiện chế độ, chính sách, đãi ngộ.

Trong đó, cần nghiên cứu cơ chế đánh giá theo hướng công bằng, khách quan, lượng hóa tối đa bằng dữ liệu và kết quả công việc; hạn chế tiêu chí cảm tính, hình thức; gắn với yêu cầu

xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực thực chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc đánh giá phải góp phần từng bước khắc phục tình trạng nể nang, cào bằng; thực hiện nghiêm nguyên tắc “có vào - có ra, có lên - có xuống” theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Đề án cần quán triệt nguyên tắc “6 rõ, 1 xuyên suốt”, gồm: rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền, rõ quy trình, rõ thời gian, rõ sản phẩm; một việc chỉ giao một đầu mối chịu trách nhiệm đến cùng. Mọi nhiệm vụ phải được lượng hóa bằng sản phẩm cụ thể, có thời hạn hoàn thành, có cơ chế theo dõi tiến độ và cảnh báo tự động đối với các nhiệm vụ chậm, muộn hoặc có nguy cơ không hoàn thành.

Về lộ trình triển khai, cần nghiên cứu theo hướng chia thành các giai đoạn phù hợp, bảo đảm khả thi, không triển khai dàn trải.

Giai đoạn 2026 - 2027 tập trung chuẩn hóa dữ liệu, hoàn thiện hệ thống danh mục vị trí việc làm, chuẩn hóa quy trình phân rã nhiệm vụ, xây dựng cơ sở dữ liệu KPI và hình thành mô hình quản trị bằng dữ liệu thời gian thực. Trong giai đoạn này, phấn đấu 100% mục tiêu, nhiệm vụ được phân rã thành OKR/KPI đến từng cá nhân; từng bước hình thành cơ chế điều hành trực tiếp trên Dashboard thời gian thực.

Giai đoạn 2028 - 2030 tập trung hoàn thiện “Hồ sơ năng lực số”, chuẩn hóa thuật toán đo lường, tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ phân tích dữ liệu, dự báo rủi ro, phát hiện sớm các lĩnh vực, đơn vị trì trệ hoặc có nguy cơ phát sinh điểm nghẽn trong thực hiện nhiệm vụ.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục hoàn thiện Đề án, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ với chương trình chuyển đổi số, cải cách hành chính và yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị, điều hành của tỉnh trong giai đoạn mới; báo cáo UBND tỉnh các nội dung đề xuất, cần xin ý kiến chỉ đạo theo thẩm quyền để xem xét trước ngày 31/5/2026.

Nguồn: baocaobang.vn

THÁI NGUYÊN: PHẤN ĐẤU XẾP HẠNG PCI TRONG NHÓM CÓ CHẤT LƯỢNG ĐIỀU HÀNH TỐT NHẤT

Đó là mục tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề ra trong Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 11/5/2025, nhằm triển khai thực hiện Đề án số 23-ĐA/TU ngày 11/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra mục tiêu cụ thể như: Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), phấn đấu vị trí xếp hạng PCI của tỉnh hàng năm nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước. Tiếp tục cải thiện, nâng cao điểm số các chỉ số thành phần PCI còn hạn chế, nhất là: Chỉ số chi phí thời gian; tính minh bạch; chi phí không chính thức; cạnh tranh bình đẳng; tiếp cận đất đai.

Tiếp tục duy trì, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), phấn đấu trong nhóm 10/34 tỉnh, thành phố; duy trì và nâng cao Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đến năm 2030 đạt tối thiểu 95%; duy trì Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) thuộc nhóm cao nhất cả nước.

Ngoài ra, Thái Nguyên phấn đấu bình quân mỗi năm tăng từ 15-20% số doanh nghiệp thành lập mới; tạo quỹ đất sạch từ 400-600ha để thu hút đầu tư.

Tỉnh tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn tối thiểu 30% thời gian giải quyết các thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, hải quan.

Đến năm 2030, tỉnh phấn đấu 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp toàn trình; 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt từ 80% trở lên.

Theo công bố của Bộ Nội vụ về Chỉ số SIPAS và PAR INDEX năm 2025, tỉnh Thái Nguyên xếp thứ 6/34 tỉnh, thành phố ở cả hai chỉ số.

Nguồn: baothainguyen.vn

PHÚ THỌ: TỈNH GỌN BỘ MÁY - CHUYỂN BIẾN TRONG QUY TRÌNH LÀM VIỆC VÀ THÁI ĐỘ PHỤC VỤ

Sau gần một năm triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã có những chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân. Bộ máy hành chính từng bước được tinh gọn, quy trình xử lý công việc rõ ràng hơn, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

Chuyển biến rõ nét trong phục vụ hành chính công

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Lạc, số lượng công dân đến giao dịch gia tăng sau sáp nhập đơn vị hành chính. Những ngày cao điểm, trung tâm tiếp nhận cả trăm lượt người đến thực hiện các thủ tục liên quan đến hộ tịch, đất đai, chứng thực hay đăng ký kinh doanh.

Theo thống kê, từ ngày 01/7/2025 đến nay, đơn vị đã tiếp nhận 13.466 hồ sơ, trong đó 13.287 hồ sơ đã được giải quyết. Cùng với việc xử lý hồ sơ, các cán bộ trực tiếp hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục trên môi trường số, nhất là với những người chưa quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Bà Bùi Thị Chương, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Lạc, cho biết trung tâm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng phục vụ người dân. Hiện đơn vị sử dụng phần mềm Zalo OA để hỗ trợ giải đáp thông tin và chuẩn bị đưa vào hoạt động Zalo Mini App nhằm hỗ trợ người dân tra cứu, thực hiện thủ tục hành chính thuận tiện hơn.

Sau gần một năm triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, các trung tâm hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có nhiều thay đổi rõ nét.

Cơ sở vật chất từng bước được đầu tư đồng bộ. Việc số hóa hồ sơ, công khai quy trình giải quyết thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin được tăng cường.

Theo bà Bùi Thị Chương, người dân giờ đây chỉ cần đến một đầu mối để nộp hồ sơ và nhận kết quả thay vì phải đi lại nhiều nơi như trước. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến ngày càng tăng, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân; đồng thời, nâng cao tính công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

Cùng với đó, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp không chỉ thay đổi về quy trình làm việc mà thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cũng có nhiều chuyển biến theo hướng chuyên nghiệp, thân thiện và gần dân hơn.

Ông Trần Minh Tuấn (tổ 5, phường Hòa Bình) chia sẻ người dân địa phương rất đồng tình và ủng hộ việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Việc giải quyết các thủ tục giấy tờ hiện nay nhanh gọn hơn trước. Cán bộ chuyên môn tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đến giao dịch, không gây phiền hà.

Những kết quả bước đầu cho thấy mô hình đang từng bước phát huy hiệu quả trong cải cách hành chính, hướng tới xây dựng nền hành chính phục vụ, lấy người dân làm trung tâm.

Tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả vận hành

Bên cạnh những kết quả tích cực, thực tế triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là tại cấp cơ sở. Tại một số địa phương, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu thực tế; hệ thống đường truyền có thời điểm chưa ổn định, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến.

Trong khi đó, số lượng hồ sơ tăng nhanh sau sáp nhập khiến áp lực công việc đối với đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng lớn. Nhiều người dân, nhất là người cao tuổi hoặc người ở khu vực nông thôn chưa quen với việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến nên cán bộ tại các trung tâm hành chính công phải trực tiếp hướng dẫn từng bước thao tác trên hệ thống điện tử.

Để nâng cao hiệu quả vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, các địa phương đang tập trung đào tạo kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức; đồng thời tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh tuyên truyền và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Theo Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Lạc Thủy Lê Trần Chung, thời gian tới, đơn vị tăng cường phối hợp với Đoàn Thanh niên triển khai các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công.

Hiện nay, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhiều bộ, ngành và lĩnh vực khác nhau, vì vậy cần thường xuyên cập nhật quy trình, kỹ năng và giải pháp nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế trong quá trình vận hành.

Ông Lê Trần Chung cho biết thêm sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, khối lượng công việc tại trung tâm gia tăng. Vì vậy, cán bộ, công chức tại đơn vị thường xuyên hỗ trợ người dân ngoài giờ hành chính, nhất là đối với những trường hợp chưa quen thao tác trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến nhằm hạn chế việc người dân phải đi lại nhiều lần.

Mô hình chính quyền địa phương 2 cấp không chỉ là sự thay đổi về tổ chức bộ máy mà còn là bước chuyển trong phương thức quản lý và phục vụ nhân dân. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ cơ sở phải chủ động thích ứng, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng công nghệ và tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Nguồn: vietnamplus.vn

BẮC NINH: 100% TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ “XANH HÓA”

Thực hiện chủ trương xây dựng nền hành chính hiện đại, thân thiện môi trường gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số, đến nay, 100% Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đạt 16/16 tiêu chí “xanh hóa” theo quy định.

Đây là các chỉ số liên quan đến chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả hoạt động tại trung tâm hành chính công cấp xã, phường, được áp dụng nhằm xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số thân thiện và hiện đại.

Theo lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, ngay khi vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, các địa phương thành lập và đưa vào hoạt động ổn định 99/99 Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. Các trung tâm được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, bảo đảm phục vụ hiệu quả người dân và doanh nghiệp.

Tại các trung tâm, nhiều giải pháp “xanh hóa” được triển khai đồng bộ như: Tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, đẩy mạnh số hóa thủ tục hành chính, bố trí khu vực tự số hóa hồ sơ, khu vực tra cứu thông tin, hệ thống xếp hàng tự động, phân loại rác thải và sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng...

Đối với 18 xã, phường có dân số đông, số lượng hồ sơ lớn, các địa phương bố trí thêm nhân lực, mở rộng diện tích và tăng cường trang thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu giao dịch thực tế.

Đến nay, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt 95,21%; tỷ lệ khai thác, tái sử dụng dữ liệu số hóa đạt 85,96%, tương ứng 572.396 hồ sơ được tái sử dụng thông tin.

Tỉnh cũng đã cấu hình quy trình điện tử đối với 2.191/2.191 thủ tục hành chính cấp tỉnh và cấp xã, đạt tỷ lệ 100%. Kết quả trên tiếp tục khẳng định quyết tâm của Bắc Ninh trong xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiện đại, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ.

Nguồn: baobacninhvt.vn

HẢI PHÒNG: BIẾN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THÀNH ĐỘNG LỰC LAN TỎA, CHẠM TỚI NGƯỜI DÂN

Thành phố Hải Phòng vươn lên dẫn đầu bảng xếp hạng PAR INDEX và SIPAS năm 2025, khẳng định một chính quyền năng động, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo cho sự phát triển.

Từ những sáng kiến thí điểm đến các giải pháp được nhân rộng, thành phố Hải Phòng đã biến cải cách hành chính thành động lực lan tỏa mạnh mẽ, chạm tới từng người dân và từng cơ quan công quyền. Thành phố vươn lên dẫn đầu bảng xếp hạng PAR INDEX và SIPAS năm 2025, khẳng định một chính quyền năng động, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo cho sự phát triển.

Chạm tới từng người dân

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng Hoàng Minh Cường, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo chỉ đạo của Chính phủ, các xã, phường tại thành phố Hải Phòng tích cực nghiên cứu, triển khai sáng kiến cải cách thủ tục hành chính.

Cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã công nhận 49 sáng kiến có hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng thành phố lĩnh vực cải cách hành chính năm 2025.

Trong số đó, phải kể đến một số mô hình nhằm hỗ trợ công dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính như: “Đồng hành với Nhân dân chuyển đổi số” của Ủy ban Nhân dân phường An Biên; “Một điểm đến - Nhiều tiện ích” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hồng Bàng; “Chính quyền thân thiện” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Gia Phúc; “Dịch vụ công đến tận nhà - sống an vui tuổi già” của Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa.

Các mô hình đã thể hiện tinh thần chính quyền chủ động đi đến phục vụ người dân, thay vì chờ người dân đến yêu cầu phục vụ. Người dân được hướng dẫn sử dụng các nền tảng như: Cổng Dịch vụ công quốc gia, phần mềm VNeID để đăng ký, nộp hồ sơ, theo dõi tiến độ xử lý và nhận kết quả trực tuyến.

Chỉ sau thời gian ngắn triển khai, mô hình đã hỗ trợ hàng trăm lượt người dân, nhất là trong các lĩnh vực như: đăng ký hưởng chế độ trợ cấp xã hội, tra cứu hồ sơ đất đai, thực hiện thủ tục đăng ký cư trú, xin giấy phép xây dựng.

Bên cạnh đó, nhiều mô hình, cách làm hiệu quả trong giải quyết thủ tục hành chính ở các địa phương được áp dụng như: Mô hình xây dựng nhóm Cộng đồng mạng zalo, xã hội về Trung tâm Phục vụ hành chính công tại phường An Phong với chuyên mục “Hỏi đáp, tư vấn online các thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường An Phong, thành phố Hải Phòng”; bố trí công chức và đoàn viên trực, đứng hướng dẫn, điều phối từ cửa ra vào để đón tiếp và hướng dẫn nhân dân tại phường Lê Chân, xã Chí Minh, xã Hồng Châu, xã Tứ Kỳ.

Những mô hình này không chỉ mang lại tiện ích rõ rệt cho người dân mà còn giúp nâng cao hiệu quả công việc và giảm tải cho đội ngũ công chức.

“Một điểm đến - Nhiều tiện ích” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hồng Bàng là mô hình đầu tiên cấp phường tại thành phố Hải Phòng tích hợp đồng bộ giữa giải quyết thủ tục hành chính và các dịch vụ tiện ích hành chính - xã hội.

Mô hình áp dụng triệt để chuyển đổi số tại cấp cơ sở, từ tiếp nhận đến xử lý, trả kết quả đều số hóa và sử dụng chữ ký số; tích hợp đa chức năng tại một điểm tiếp nhận, từ kê khai hồ sơ, tư vấn pháp lý, đến thanh toán, đánh giá chất lượng phục vụ.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân phường Hồng Bàng Nguyễn Thị Vân Anh, phường Hồng Bàng nằm ở khu vực trung tâm nội thành thành phố Hải Phòng, có vị trí địa lý chiến lược, tiếp giáp các phường trọng yếu và là đầu mối hạ tầng quan trọng của thành phố.

Xuất phát từ thực tiễn quản lý tại địa phương và yêu cầu đổi mới toàn diện bộ máy hành chính trong giai đoạn chuyển đổi số, Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hồng Bàng đã đề xuất và triển khai sáng kiến “Một điểm đến - Nhiều tiện ích.”

Mô hình được vận hành theo cơ chế “5 không” (không giấy tờ; không chờ đợi lâu; không chi phí phát sinh; không phiền hà; không tiếp xúc trực tiếp (phi tiếp xúc), tối đa hóa tiếp nhận và trả kết quả qua môi trường mạng hoặc bưu chính công ích).

Mô hình “Một điểm đến - Nhiều tiện ích” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hồng Bàng đã giải quyết đồng thời 3 mục tiêu lớn, đó là hiện đại hóa hành chính công tại cấp cơ sở (phường), phù hợp với chiến lược chuyển đổi số quốc gia; giảm tải áp lực hành chính cho các phòng ban chuyên môn và chính quyền cấp trên; nâng cao chất lượng phục vụ, sự hài lòng và niềm tin của người dân vào chính quyền đô thị - Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân phường Hồng Bàng Nguyễn Thị Vân Anh chia sẻ.

Ông Nguyễn Duyên Huynh, ở 8/42 Hạ Lý, phường Hồng Bàng đến làm thủ tục giấy tờ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hồng Bàng vào chiều 12/5 cho biết: “Đến Trung tâm, tôi thấy thủ tục nhanh gọn, rõ ràng và thuận tiện. Mô hình “5 không” ở đây thực sự đúng nghĩa không phiền hà, không chậm trễ, không sai sót, không tiêu cực và không gây khó khăn cho người dân. Tôi thấy chính quyền đang thay đổi theo hướng hiện đại, gần gũi hơn với người dân.”

Động lực lan tỏa mạnh mẽ

Ngày 11/5/2026, tại Phiên họp lần thứ ba năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Bộ Nội vụ đã công bố Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025.

Thành phố Hải Phòng đứng đầu bảng xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2025, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025. Đây là lần thứ 3 thành phố Hải Phòng dẫn đầu cả nước về Chỉ số cải cách hành chính và là lần thứ hai liên tiếp dẫn đầu về Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng.

Kết quả này phản ánh sự ghi nhận, đánh giá tích cực của người dân và doanh nghiệp đối với chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố; đồng thời khẳng định hiệu quả của việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, nâng cao trách nhiệm công vụ và xây dựng nền hành chính phục vụ, hiện đại, minh bạch.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, Hải Phòng kiên định mục tiêu trở thành thành phố cảng biển công nghiệp hiện đại, văn minh, sinh thái và đáng sống; quyết tâm khẳng định vị thế là trung tâm kinh tế biển, logistics, công nghiệp công nghệ cao; luôn tiên phong trong chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo; đi đầu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa, từng bước hiện thực hóa khát vọng trở thành động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và cả nước.

Nguồn: vietnamplus.vn

NGHỆ AN: QUYẾT LIỆT CHẤM CHỈNH LÈ LỎI LÀM VIỆC, PHẦN ĐẤU HỢP TRỰC TUYẾN ĐẠT 60% TRỞ LÊN

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An vừa ban hành Kế hoạch nhằm chấm chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, trong đó đặt ra các mục tiêu về giảm thiểu hội họp, số hóa văn bản và siết chặt kỷ luật công vụ.

Kế hoạch nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức, hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời đổi mới phương thức điều hành theo hướng khoa học, sát thực tiễn.

Ngay trong năm 2026, tinh phần đấu giảm tối thiểu 10% số hội nghị, đồng thời đảm bảo tỷ lệ hội nghị trực tuyến đạt từ 60% trở lên và trực tiếp từ 40% trở xuống.

Bên cạnh đó, địa phương cũng đặt mục tiêu xử lý thủ tục hành chính trên môi trường số và số hóa văn bản đạt 95% trở lên. Các cơ quan, địa phương phải thực hiện cắt giảm tối thiểu 15% số lượng văn bản hành chính mỗi năm.

Trừ các văn bản mật, tỉnh yêu cầu bảo đảm 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử và ký số.

Chế độ hội họp cũng được yêu cầu đổi mới mạnh mẽ theo hướng chỉ tổ chức khi thật sự cần thiết và kiểm soát chặt chẽ thời gian. Cụ thể, hội nghị quán triệt, triển khai diễn ra không quá một buổi; hội nghị chuyên môn, nghiệp vụ không quá 1 ngày; và các hội nghị quan trọng cần thảo luận không kéo dài quá 1,5 ngày.

Đặc biệt, phương thức điều hành cuộc họp phải được đổi mới bằng việc không đọc lại báo cáo, chỉ dành thời gian để thảo luận và giải quyết vấn đề.

Về quản lý nhà nước, các cơ quan chức năng phải rà soát, hoàn thiện quy định theo hướng một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

Kế hoạch cũng nhấn mạnh việc đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thực hiện. Tỉnh sẽ nghiên cứu

bổ sung tiêu chí về kết quả triển khai Kết luận số 226-KL/TW vào quy định đánh giá, xếp loại người đứng đầu cơ quan, đơn vị và tiêu chí thi đua, khen thưởng hằng năm.

Nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương, Sở Nội vụ được giao tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, bảo đảm hằng năm kiểm tra từ 20% đến 30% số cơ quan, đơn vị, kết hợp đẩy mạnh kiểm tra đột xuất. Thanh tra tỉnh cũng sẽ tập trung thanh tra đột xuất vào các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, dư luận xã hội quan tâm để kịp thời kiến nghị xử lý nghiêm sai phạm.

Nguồn: baonghean.vn

HÀ TỈNH: XÂY DỰNG NỀN HÀNH CHÍNH HIỆN ĐẠI DƯỚI TRÊN DỮ LIỆU SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Thông tin từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cho biết, địa phương này vừa ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 với nhiều mục tiêu, giải pháp mang tính đột phá, hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, vận hành trên nền tảng dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Hà Tĩnh xác định tiếp tục triển khai toàn diện chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2030, đồng thời cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Một trong những yêu cầu xuyên suốt được tỉnh nhấn mạnh là mọi hoạt động cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy mức độ hài lòng của người dân làm tiêu chí đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu người đứng đầu các sở, ngành, địa phương xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; đồng thời gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với công tác đánh giá thi đua, khen thưởng và trách nhiệm quản lý, điều hành.

Trong giai đoạn 2026 - 2027, Hà Tĩnh phấn đấu tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 95%; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt trên 85%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt trên 70%. Đến giai đoạn 2028 - 2030, địa phương này đặt mục tiêu duy trì mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên 95%; riêng các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt trên 90%. Đồng thời, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 95%.

Để đạt được những mục tiêu trên, tỉnh Hà Tĩnh xác định xây dựng chính quyền số là nền tảng để hình thành nền hành chính tinh gọn, hiện đại và minh bạch. Theo đó, tỉnh Hà Tĩnh sẽ hoàn thiện khung kiến trúc số tỉnh đồng bộ với khung kiến trúc tổng thể số Quốc gia; xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (DataHub) kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành. Đáng chú ý, tỉnh này sẽ ứng dụng sâu rộng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), bản đồ số và công nghệ IoT để phát triển Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh (IOC), phục vụ điều hành phát triển kinh tế - xã hội theo thời gian thực.

Tỉnh Hà Tĩnh cũng đặt mục tiêu đến năm 2030, 100% văn bản, hồ sơ công việc của cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); 80% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.

Trong lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy, tỉnh Hà Tĩnh sẽ tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở y tế theo chủ trương của Trung ương. Tỉnh cũng đặt mục tiêu phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp, tránh chồng chéo, trùng lặp; đồng thời thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo quy định. Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tỉnh chú trọng hoàn thiện vị trí việc làm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và phòng chống tham nhũng trong hoạt động công vụ. Giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh này dự kiến thu hút nhân tài vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh với tỷ lệ khoảng 10% tổng số tuyển dụng mới.

Để tạo đột phá trong cải cách thủ tục hành chính, địa phương này yêu cầu tiếp tục rà soát, cắt giảm mạnh các thủ tục hành chính rườm rà, chồng chéo; loại bỏ những thành phần hồ sơ không cần thiết và đẩy mạnh tái sử dụng dữ liệu số hóa. Các thủ tục hành chính sẽ từng bước được giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính...

Với hàng loạt mục tiêu cụ thể cùng giải pháp đồng bộ, tỉnh Hà Tĩnh hướng đến mục tiêu tạo bước chuyển mạnh mẽ trong cải cách hành chính giai đoạn mới, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, vận hành trên nền tảng dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Nguồn: daibieunhandan.vn

QUẢNG TRỊ: CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP GÓP PHẦN KHƠI THÔNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

Ngày 14/5/2026, Tỉnh ủy Quảng Trị tổ chức Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp. Hội nghị được kết nối trực tuyến đến 78 xã, phường và đặc khu trong tỉnh.

Bộ máy tinh gọn hơn, chính quyền ngày càng gần dân

Tỉnh Quảng Trị được thành lập theo Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH15 trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị (cũ). Sau sắp xếp, toàn tỉnh có diện tích gần 12.700 km², dân số hơn 1,87 triệu người với 78 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 8 phường, 69 xã và đặc khu Côn Cỏ.

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Quảng Trị Trần Vũ Khiêm đánh giá, sau gần một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bộ máy mới của tỉnh cơ bản hoạt động ổn định, thông suốt; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng lên.

Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số có nhiều chuyển biến tích cực khi nhiều thủ tục được đơn giản hóa, rút ngắn thời gian xử lý, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Ngay từ ngày 01/7/2025, tỉnh đã hoàn thành việc bố trí Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cho 78/78 xã, phường, đặc khu, bảo đảm bộ máy mới vận hành liên tục, không để xảy ra khoảng trống trong lãnh đạo, điều hành.

Sau sắp xếp, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã giảm tầng nấc trung gian, tăng tính trực tiếp trong chỉ đạo, điều hành; chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị được rà soát, phân định rõ ràng hơn.

Quá trình phân cấp, phân quyền cũng được đẩy mạnh với gần 2.000 nhiệm vụ được chuyển giao giữa Trung ương với địa phương và giữa cấp tỉnh với cấp xã.

Điểm nổi bật sau một năm triển khai là chính quyền cơ sở ngày càng gần dân, sát dân hơn. Hệ thống trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã được hình thành, giúp người dân giải quyết nhiều thủ tục ngay tại địa phương.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cùng cơ chế “một cửa, một cửa liên thông” đã góp phần giảm thời gian xử lý hồ sơ, tiết kiệm chi phí đi lại và nâng cao chất lượng phục vụ. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy mức độ hài lòng của người dân đối với cơ quan hành chính nhà nước tại 78 xã, phường, đặc khu đạt trung bình 86,13%; nhiều địa phương đạt trên 90%.

Không chỉ tạo chuyển biến trong tổ chức bộ máy, mô hình chính quyền mới còn góp phần khơi thông nguồn lực, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh. Việc tinh gọn bộ máy giúp giảm chi thường xuyên, tạo điều kiện tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển và an sinh xã hội. Sau hợp nhất, Quảng Trị có không gian phát triển rộng lớn hơn với sự kết nối giữa các vùng kinh tế ven biển, công nghiệp, logistics, du lịch và khu vực biên giới.

Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn Phương nhấn mạnh tỉnh Quảng Trị đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương của Trung ương; bộ máy mới từng bước vận hành ổn định, thông suốt và phát huy hiệu quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và nâng cao đời sống nhân dân.

Theo Bí thư Tỉnh ủy, trong bối cảnh khối lượng công việc rất lớn, nhiều khó khăn chưa từng có tiền lệ, các cấp ủy, chính quyền cùng đội ngũ cán bộ, công chức toàn tỉnh đã nỗ lực vượt qua giai đoạn đầu còn nhiều lúng túng để đưa mô hình chính quyền mới hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

Nhiều khó khăn, áp lực phát sinh ở cơ sở

Bên cạnh những kết quả tích cực, tỉnh Quảng Trị cũng thẳng thắn nhìn nhận nhiều khó khăn, vướng mắc phát sinh sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Nổi bật nhất hiện nay là tình trạng quá tải ở cấp xã về khối lượng công việc, nhân lực và hạ tầng phục vụ hoạt động công vụ. Nhiều xã, phường có quy mô dân số lớn, địa bàn rộng nhưng số lượng biên chế được giao chưa phù hợp với thực tiễn. Bình quân mỗi công chức cấp xã phải đảm nhận hơn 35 nhiệm vụ; đồng thời kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực ngoài chuyên môn.

Trong khi khối lượng công việc tăng mạnh sau khi bỏ cấp huyện và mở rộng thẩm quyền cho cấp xã, biên chế lại được bố trí khá đồng đều giữa các địa phương, chưa tính đến đặc thù về dân số, diện tích hay áp lực quản lý ở từng địa bàn. Điều này khiến nhiều cán bộ rơi vào tình trạng quá tải, ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu và tiến độ giải quyết công việc.

Đội ngũ cán bộ, công chức sau sáp nhập cũng còn chênh lệch về trình độ, kỹ năng và khả năng thích ứng với yêu cầu mới. Một bộ phận cán bộ cấp xã còn hạn chế về công nghệ thông tin, kỹ năng số, kỹ năng tham mưu và xử lý tình huống; vẫn còn tâm lý trông chờ, phụ thuộc vào cấp trên.

Tại các địa phương vùng sâu, vùng xa, tình trạng thiếu cán bộ có chuyên môn sâu ở các lĩnh vực đất đai, xây dựng, tài chính và công nghệ thông tin vẫn chưa được khắc phục triệt để.

Không chỉ khó khăn về nhân lực, cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin ở nhiều địa phương cũng chưa đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình mới. Nhiều trụ sở cấp xã đã xuống cấp, phân tán, thiếu đồng bộ; trang thiết bị và phương tiện làm việc còn thiếu.

Trong khi đó, nguồn kinh phí dành cho cải tạo trụ sở, số hóa tài liệu, xây dựng hạ tầng số còn hạn chế dù nhu cầu thực tế rất lớn.

Trong giải quyết thủ tục hành chính, dữ liệu giữa hệ thống của các bộ, ngành với địa phương vẫn chưa được kết nối đồng bộ.

Cán bộ cấp xã phải đăng nhập, xử lý hồ sơ trên nhiều hệ thống khác nhau, làm tăng áp lực công việc, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục và ảnh hưởng đến hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Theo đánh giá của Thường trực Tỉnh ủy, một số nơi việc phân cấp, phân quyền chưa thực sự gắn với nguồn lực; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đồng đều; hạ tầng số ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế. Đây là những vấn đề cần tiếp tục tháo gỡ để mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vận hành hiệu quả, ổn định và bền vững hơn trong thời gian tới.

Tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp

Giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Quảng Trị xác định tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Trọng tâm là tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với mô hình mới; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Tỉnh Quảng Trị xác định nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp xã, là nhiệm vụ then chốt. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, sàng lọc cán bộ sẽ được thực hiện gắn với yêu cầu thực tiễn và chuyển đổi số.

Cùng với đó, tinh ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin cho cấp xã, nhất là vùng sâu, vùng xa; xử lý hiệu quả tài sản công dôi dư sau sắp xếp.

Tỉnh Quảng Trị cũng sẽ đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, cơ sở dữ liệu liên thông; thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ gắn với cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tỉnh Quảng Trị xác định lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

Sau gần một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Quảng Trị kiến nghị Bộ Chính trị tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với mô hình chính quyền mới; xem xét điều chỉnh địa giới hành chính đối với những xã chưa đạt tiêu chí về diện tích, dân số nhằm mở rộng không gian phát triển và nâng cao hiệu quả quản lý.

Tỉnh Quảng Trị cũng kiến nghị kết nối các khu vực đô thị trung tâm như Đồng Hới, Đông Hà và Ba Đồn với các địa bàn lân cận để tạo động lực phát triển đô thị sau sáp nhập.

Đối với Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, tỉnh đề nghị tăng hỗ trợ ngân sách cho các địa phương mới sáp nhập; bổ sung biên chế phù hợp với thực tiễn; không tinh giản biên chế trong lĩnh vực giáo dục và dịch vụ công thiết yếu; đồng thời hoàn thiện chính sách tiền lương, đãi ngộ và hệ thống phần mềm quản lý cán bộ thống nhất trên toàn quốc.

Nguồn: vietnamplus.vn

LÂM ĐỒNG: “GIỜ VÀNG HỖ TRỢ ONLINE” ĐƯA DỊCH VỤ CÔNG ĐẾN GẦN DÂN

Mô hình “Giờ vàng hỗ trợ online” của Công an phường Xuân Hương - Đà Lạt đang giúp người dân thuận tiện hơn khi thực hiện thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số từ cơ sở.

Linh hoạt phục vụ ngoài giờ hành chính

Từ ngày 6/4/2026, mô hình “Giờ vàng hỗ trợ online” được triển khai từ 19 - 21 giờ các tối từ thứ hai đến thứ năm hằng tuần. Mỗi buổi tối, công an phường bố trí cán bộ phụ trách các lĩnh vực như: cư trú; phòng cháy, chữa cháy và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; đăng ký xe, cấp đổi giấy phép lái xe; cấp hộ chiếu và hỗ trợ các vấn đề liên quan đến người nước ngoài.

Theo Công an phường Xuân Hương - Đà Lạt, địa bàn phường có diện tích rộng, dân số đông, nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính lớn. Trong khi đó, nhiều người dân còn gặp khó khăn khi thao tác trên các nền tảng dịch vụ công trực tuyến hoặc không có điều kiện đến trụ sở cơ quan nhà nước trong giờ hành chính. Từ thực tế trên, mô hình “Giờ vàng hỗ trợ online” được triển khai nhằm tạo thêm kênh hỗ trợ trực tuyến ngoài giờ cho người dân. Thông qua điện thoại hỗ trợ, cán bộ công an phường trực tiếp giải đáp thắc mắc, hướng dẫn người dân thao tác trên các nền tảng dịch vụ công trực tuyến.

Ngoài hỗ trợ qua điện thoại, đơn vị còn sử dụng phần mềm Ultraviewer kết nối từ xa để hướng dẫn người dân thao tác trực tiếp trên máy tính theo hình thức “cầm tay chỉ việc”. Cách làm này giúp người dân dễ theo dõi quy trình thực hiện thủ tục, đồng thời làm quen với môi trường số và chủ động thao tác trong những lần tiếp theo.

Gần dân hơn từ chuyển đổi số

Không chỉ mang ý nghĩa hỗ trợ hành chính, mô hình “Giờ vàng hỗ trợ online” còn cho thấy tinh thần đổi mới trong hoạt động của lực lượng công an cơ sở. Thông qua việc ứng

dụng công nghệ, việc tương tác giữa lực lượng công an cơ sở với người dân trở nên nhanh chóng, thuận tiện hơn, nhất là với những trường hợp không có điều kiện đến trực tiếp trụ sở.

Theo đánh giá ban đầu, mô hình nhận được sự đồng tình, hưởng ứng tích cực từ người dân trên địa bàn. Nhiều ý kiến ghi nhận thái độ tận tình, trách nhiệm của cán bộ khi sẵn sàng hỗ trợ ngoài giờ làm việc. Đây không chỉ là thay đổi trong phương thức phục vụ mà còn thể hiện rõ tinh thần lấy người dân làm trung tâm trong cải cách hành chính.

Thượng tá Hồ Hải Dương - Trưởng Công an phường Xuân Hương - Đà Lạt cho biết: “Đơn vị xác định cải cách hành chính phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân. Thời gian tới, đơn vị sẽ tiếp tục hoàn thiện mô hình, nâng cao hiệu quả hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến”.

Từ một sáng kiến ở cơ sở, “Giờ vàng hỗ trợ online” đang cho thấy hiệu quả bước đầu trong hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến. Không chỉ góp phần giảm áp lực cho bộ phận tiếp nhận trực tiếp, mô hình còn giúp người dân nâng cao kỹ năng sử dụng các nền tảng số trong giải quyết thủ tục hành chính.

Cách làm linh hoạt, sát thực tiễn như tại phường Xuân Hương - Đà Lạt cho thấy hiệu quả từ cơ sở. Khi người dân được hỗ trợ thuận tiện hơn trong tiếp cận dịch vụ công, hình ảnh lực lượng công an cơ sở thân thiện, trách nhiệm và gần dân cũng ngày càng được củng cố.

Nguồn: baolamdong.vn

CẦN THƠ: TĂNG TỐC XỬ LÝ TRỤ SỞ, NHÀ ĐẤT DÔI DƯ SAU SẮP NHẬP

Ngày 15/5/2026, Bí thư Thành ủy Cần Thơ Lê Quang Tùng chủ trì buổi làm việc về công tác xử lý, quản lý, khai thác và sử dụng các cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính. Thành phố đặt mục tiêu đẩy nhanh tiến độ rà soát, xây dựng phương án xử lý, tránh lãng phí tài sản công và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng trong thời gian tới.

Phát biểu tại cuộc họp về xử lý tài sản công dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, ông Lê Quang Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Cần Thơ cho biết, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp của thành phố đến nay đã cơ bản đi vào hoạt động ổn định, bước đầu phát huy hiệu quả trong công tác lãnh đạo, điều hành và vận hành hệ thống chính trị.

Theo Bí thư Thành ủy Lê Quang Tùng, Cần Thơ là một trong những địa phương triển khai tích cực mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Tuy nhiên, một trong những vấn đề còn tồn tại hiện nay là công tác quản lý, sắp xếp và khai thác hiệu quả tài sản công dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy. Qua khảo sát thực tế tại nhiều địa phương, đặc biệt tại tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng (cũ), nhiều trụ sở, cơ sở nhà đất sau sắp xếp vẫn chưa được khai thác hiệu quả, tiềm ẩn nguy cơ lãng phí, thất thoát tài sản công nếu chậm xử lý.

Bí thư Thành ủy Cần Thơ Lê Quang Tùng cho rằng, trong quá trình sắp xếp, các địa phương đã rất nỗ lực để bố trí, sử dụng lại tài sản. Tuy nhiên, vẫn cần quyết liệt hơn trong tháo gỡ khó khăn, xây dựng phương án và kịch bản xử lý cụ thể đối với từng loại tài sản. Theo yêu cầu của Trung ương, thành phố phải hoàn thành xây dựng phương án xử lý tài sản công dôi dư trước ngày 30/6/2026 và phân đấu hoàn tất việc sắp xếp, xử lý trước ngày 31/12/2026.

Bí thư Thành ủy Cần Thơ đề nghị các cơ quan cần rà soát, kiểm đếm, phân loại tài sản; xây dựng phương án xử lý phù hợp với từng loại hình tài sản và điều kiện thực tế tại địa phương. Thành phố cũng sẽ tổ chức các đoàn kiểm tra thực tế để cập nhật, hoàn thiện phương án trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định. Đồng thời, việc xử lý tài sản dôi dư cần gắn với nhu cầu thực tế, tránh áp dụng máy móc. Một số trụ sở cũ của các sở, ngành có kết cấu đặc thù, khó chuyển đổi sang mục đích y tế, giáo dục nên cần nghiên cứu giải pháp phù hợp hơn với thực tiễn.

Bí thư Thành ủy Cần Thơ Lê Quang Tùng nhấn mạnh, trong quá trình sắp xếp, các đơn vị đã nỗ lực rất lớn nhằm bố trí, sử dụng hiệu quả các tài sản hiện có. Tuy nhiên, nhiều khó khăn, vướng mắc vẫn cần được quyết liệt tháo gỡ; đồng thời phải xây dựng các phương án, kịch bản cụ thể để triển khai đồng bộ trong thời gian tới. Theo chỉ đạo của Trung ương, việc xây dựng phương án phải hoàn thành trước ngày 30/6 và toàn bộ công tác sắp xếp phải hoàn tất trước khi hết năm 2026.

Theo Sở Tài chính thành phố Cần Thơ, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành 3 quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tổng cộng 684 cơ sở nhà, đất dôi dư. Trong số này có 78 cơ sở nhà, đất do thành phố tiếp nhận từ các cơ quan Trung ương để quản lý, sử dụng, xử lý và khai thác theo quy định pháp luật về tài sản công và đất đai.

Cụ thể, thành phố thu hồi và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý, xử lý, khai thác 137 cơ sở nhà, đất dôi dư là trụ sở các sở, ngành sau sáp nhập và các cơ sở tiếp nhận từ cơ quan Trung ương. Một cơ sở nhà, đất được chuyển giao cho Sở Tài chính quản lý, sử dụng. Ngoài ra, 546 cơ sở nhà, đất dôi dư trước đây do cấp huyện quản lý được chuyển giao cho Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý, xử lý theo địa giới hành chính mới nhằm phù hợp thẩm quyền quản lý địa bàn, đồng thời tạo điều kiện khai thác hiệu quả tài sản công gắn với nhu cầu thực tế tại địa phương.

Theo phương án xử lý đã được phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tiếp nhận, quản lý, xử lý và khai thác 137 cơ sở nhà, đất; Sở Tài chính tiếp nhận quản lý 1 cơ sở nhà, đất; Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp nhận quản lý, xử lý và khai thác 493 cơ sở nhà, đất. Bên cạnh đó, có 53 cơ sở nhà, đất tiếp tục do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo các quyết định đã được ban hành trước đó khi sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Tuy nhiên, theo Sở Tài chính Cần Thơ, tiến độ thực hiện hiện vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Đến thời điểm báo cáo, mới có 5 xã, phường gồm Đại Thành, Trung Nhứt, Châu Thành, Mỹ Tú và Lai Hòa gửi phương án xử lý đối với 25 cơ sở nhà, đất. Các địa phương còn lại chưa hoàn thành việc xây dựng phương án xử lý. Đồng thời, Trung tâm Phát triển quỹ đất

thành phố cũng chưa hoàn tất việc tiếp nhận các cơ sở nhà, đất theo các quyết định đã được phê duyệt.

Liên quan công tác bàn giao, tiếp nhận tài sản, Sở Tài chính cho biết, đã phối hợp Trung tâm Phát triển quỹ đất bàn giao 96 cơ sở nhà, đất. Trong đó, Trung tâm đã tiếp nhận 49 cơ sở; 47 cơ sở còn lại mới thực hiện đo đạc, xác định vị trí thực tế và chưa hoàn tất thủ tục tiếp nhận. Nguyên nhân chủ yếu do hồ sơ pháp lý về đất đai, công trình, trang thiết bị chưa đầy đủ; thiếu cơ sở xác định hiện trạng, giá trị và thời gian sử dụng còn lại của tài sản. Một số tài sản chuyển giao cũng không thuộc chức năng quản lý của Trung tâm Phát triển quỹ đất.

Để tháo gỡ khó khăn, Sở Tài chính đề nghị Trung tâm Phát triển quỹ đất khẩn trương tiếp nhận các cơ sở nhà, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao; xây dựng phương án xử lý, khai thác, tránh để tài sản xuống cấp, lãng phí.

Nguồn: vov.vn

XÂY DỰNG “QUỐC HỘI SỐ” - THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc xây dựng “Quốc hội số” là bước phát triển tất yếu trong tiến trình đổi mới tổ chức và hoạt động nghị viện dưới sự lãnh đạo của Đảng. Do đó, Quốc hội phải nâng cao hiệu lực lập pháp, giám sát, tăng tính minh bạch, dân chủ và tương tác với cử tri.

1. Tổng quan nghiên cứu

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về đổi mới hoạt động của Quốc hội tập trung vào ba dòng chính. Thứ nhất, các công trình về đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội đăng trên Tạp chí Cộng sản khẳng định, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nghị viện là nhân tố then chốt trong tiến trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nghiên cứu này ghi nhận chuyển dịch thể chế và tăng cường chức năng giám sát ở các khóa gần đây⁽¹⁾. Thứ hai, chuyên ngành quản lý nhà nước phân tích chuyển đổi số trong bộ máy hành chính, nêu bốn trụ cột thành công: hạ tầng, nhân lực, công nghệ và khung pháp lý; đồng thời chỉ ra vấn đề chia sẻ dữ liệu và an ninh mạng⁽²⁾. Thứ ba, xuất hiện nhiều bài báo, báo cáo về Quốc hội điện tử, Quốc hội số đề cập thí điểm họp điện tử, ứng dụng di động cho đại biểu và đề án số hóa hồ sơ⁽³⁾; song các công trình này phần lớn mang tính tổng kết chính sách, thiếu nghiên cứu liên ngành và đánh giá định lượng.

Trên bình diện quốc tế, tài liệu về Nghị viện số của IPU cùng nghiên cứu về Quốc hội kỹ thuật số và AI trong Quốc hội nhân mạnh chuẩn hóa dữ liệu, dữ liệu mở và an ninh mạng⁽⁴⁾. Kinh nghiệm thực tiễn từ Brazil và hợp tác trong khu vực ASEAN, hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc cho thấy mô hình thành công dựa trên chiến lược dài hạn, hạ tầng bền vững và kênh tham vấn công chúng trực tuyến.

Mặc dù các công trình trong và ngoài nước đã đề cập khá phong phú đến đổi mới tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội Việt Nam và xu hướng chuyển đổi số trong bộ máy nhà nước, song nhìn tổng thể vẫn tồn tại những khoảng trống đáng chú ý. Trước hết, phần lớn nghiên cứu tiếp cận theo từng lát cắt riêng lẻ như: pháp lý, quản trị công hoặc công nghệ thông tin, thiếu cách tiếp cận liên ngành kết hợp lịch sử - chính trị - thể chế - công nghệ để lý giải đầy đủ động lực, bối cảnh và hệ quả của quá trình số hóa nghị viện. Việc đặt xây dựng “Quốc hội số” trong tiến trình lịch sử đổi mới Quốc hội dưới sự lãnh đạo của Đảng còn ít được phân tích một cách hệ thống, nhất là từ góc độ lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh đó, nhiều tài liệu mới dừng ở mức mô tả thành tựu, tổng kết kinh nghiệm hoặc giới thiệu mô hình “Quốc hội điện tử”, thiếu các nghiên cứu chuyên sâu đánh giá định tính, định lượng về hiệu quả thực chất của ứng dụng công nghệ đối với chất lượng lập pháp, giám sát và đại diện. Các vấn đề chiến lược dài hạn như an ninh dữ liệu, chủ quyền số, đạo đức AI, chuyển đổi văn hóa tổ chức, hay tác động chính trị - tư tưởng trên không gian mạng chưa

được khảo cứu đầy đủ. So với chuẩn mực quốc tế do IPU khuyến nghị, nghiên cứu trong nước cũng còn thiếu khung đánh giá mức độ trưởng thành số và tiêu chí đo lường minh bạch, tương tác công dân.

Từ những khoảng trống đó, một số câu hỏi nghiên cứu trọng tâm được đặt ra: (1) “Quốc hội số” cần được hiểu và cấu trúc như thế nào trong điều kiện thể chế chính trị Việt Nam? (2) Thực trạng triển khai số hóa tại Quốc hội Việt Nam đã đạt tới mức độ nào, đâu là những nút thắt cốt lõi? (3) Những thách thức thể chế, công nghệ, nhân lực và chính trị - tư tưởng nào có tính quyết định trong bối cảnh hội nhập quốc tế? (4) Hệ giải pháp nào bảo đảm vừa hiện đại hóa hoạt động nghị viện, vừa giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng và định hướng xã hội chủ nghĩa? Những câu hỏi này là cơ sở để bài viết tiếp cận một cách toàn diện và khoa học.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của bài viết là phân tích - tổng hợp tài liệu học thuật và chính thống, kết hợp lý luận chính trị - lịch sử với nghiên cứu thực tiễn nhằm làm rõ bản chất, diễn tiến và các yếu tố quyết định trong xây dựng “Quốc hội số”. Các nguồn được sử dụng bao gồm văn kiện Đảng, nghị quyết của Quốc hội, các bài báo khoa học, báo cáo quốc tế và tư liệu chính thống từ cơ quan Quốc hội, qua đó hệ thống hóa cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng, những thách thức đặt ra, từ đó đề xuất giải pháp xây dựng “Quốc hội số” phù hợp với bối cảnh thể chế chính trị và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận

Quốc hội số (Digital Parliament) là khái niệm chỉ việc xây dựng Quốc hội trên nền tảng công nghệ số, sử dụng các hệ thống thông tin hiện đại để thực hiện chức năng lập pháp, giám sát và tương tác với cử tri. Quốc hội số đặt trọng tâm vào ứng dụng công nghệ và dữ liệu vào các quy trình nghiệp vụ, hướng tới tính minh bạch và tham gia của công chúng⁽⁵⁾.

Để phân tích quá trình chuyển đổi số của Quốc hội và xây dựng nghị viện số, bài viết dựa trên khung 05 trụ cột cơ bản sau:

Một là, thể chế - pháp luật: bao gồm hệ thống chính sách, khung pháp lý và cơ chế quản lý liên quan đến chuyển đổi số như: ban hành Luật Chuyển đổi số, Luật Công nghệ thông tin, hoặc các nghị quyết về xây dựng Chính phủ điện tử và Quốc hội điện tử. Thể chế phù hợp sẽ tạo hành lang pháp lý cho ứng dụng công nghệ, đảm bảo quyền của đại biểu và cử tri trong môi trường số.

Hai là, hạ tầng công nghệ: bao gồm mạng lưới truyền dẫn (như mạng chuyên dùng của cơ quan nhà nước), trung tâm dữ liệu, hệ thống hội nghị trực tuyến, phần mềm nội bộ (như App Quốc hội 2.0), thiết bị của đại biểu (iPad, máy chủ, hệ thống an ninh mạng). Hạ tầng vững chắc đảm bảo hoạt động thông suốt của Quốc hội số, giúp xử lý tài liệu và tổ chức họp trực tuyến khi cần.

Ba là, dữ liệu - thông tin: đề cập đến việc thu thập, quản lý, phân tích và công khai dữ liệu của Quốc hội. Ví dụ: số hóa hồ sơ, quản lý biên bản họp bằng AI, lưu trữ dữ liệu dân ý cử tri và xây dựng kho dữ liệu tập trung. Dữ liệu và thông tin chất lượng cao giúp đại biểu ra quyết

định dựa trên chứng cứ, đồng thời tạo điều kiện xuất bản dữ liệu mở để người dân theo dõi và giám sát.

Bốn là, quy trình nghiệp vụ: Đổi mới cách thức làm việc truyền thống sang quy trình số hóa. Điều này bao gồm số hóa quy trình xây dựng, thẩm định luật (ví dụ lấy ý kiến đại biểu bằng hình thức điện tử), quy trình giám sát và hạ tầng điều hành văn bản điện tử. Chuẩn hóa quy trình giúp tiết kiệm thời gian, giảm thủ tục giấy tờ và dễ dàng liên thông giữa các bộ phận tham mưu. Việc cải tiến quy trình cũng đòi hỏi tổ chức lại bộ máy, đào tạo đội ngũ và thay đổi văn hóa làm việc.

Năm là, con người - văn hóa số: đây là trụ cột then chốt vì công nghệ chỉ phát huy khi con người sẵn sàng. Bao gồm năng lực và thái độ của đại biểu, cán bộ và nhân viên Quốc hội đối với công nghệ mới. Văn hóa số thúc đẩy đổi mới sáng tạo, linh hoạt, hợp tác và coi trọng đánh giá dựa vào dữ liệu. Chú trọng đào tạo, tuyên truyền về số hóa và tạo động lực sẽ giúp quá trình chuyển đổi số Quốc hội bền vững.

Khung 05 trụ cột trên cung cấp cơ sở lý luận để phân tích toàn diện chuyển đổi số của Quốc hội, từ mức luật định đến công nghệ, từ quy trình đến con người. Dựa vào đó, có thể đánh giá mức độ hoàn thiện của từng khía cạnh và đề xuất giải pháp cụ thể cho giai đoạn mới, hướng tới mục tiêu xây dựng Quốc hội số minh bạch, hiện đại và gắn kết hơn với người dân.

3. Thực trạng xây dựng “Quốc hội số” ở Việt Nam hiện nay

3.1. Kết quả bước đầu

Một là, họp trực tuyến: Quốc hội Việt Nam đã ban hành quy định cho phép tổ chức kỳ họp theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp. Cụ thể, Nghị quyết số 31/2023/UBTVQH15 (ngày 14/02/2023)⁽⁶⁾ quy định rõ Quốc hội có thể họp trực tuyến qua hệ thống hội nghị truyền hình giữa đầu cầu chính tại Hà Nội và các điểm cầu tại địa phương khác, do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định số lượng điểm cầu. Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, nhiều phiên họp đã được tổ chức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, tạo thuận lợi cho đại biểu có thể tham gia từ xa khi cần thiết. Nhờ đó, việc tham gia kỳ họp linh hoạt hơn, tiết kiệm thời gian di chuyển và chi phí tổ chức.

Hai là, quản lý văn bản điện tử: hệ thống văn bản và điều hành của Quốc hội đã dần được số hóa, thay thế luồng xử lý thủ công. Văn phòng Quốc hội xây dựng “Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành điện tử” để xử lý, lưu trữ công việc trên môi trường số, tích hợp chữ ký số chuyên dùng và liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia. Toàn bộ tài liệu làm việc, hồ sơ đề án luật được quản lý tập trung trên nền tảng số; quy trình xử lý văn bản chuyển từ giấy sang môi trường trực tuyến. Như vậy, việc rà soát, phê duyệt và phát hành văn bản diễn ra nhanh chóng, minh bạch hơn, đồng thời giảm thiểu tối đa in ấn giấy tờ.

Ba là, tra cứu luật số hóa: ứng dụng Quốc hội số 2.0 được phát triển và đưa vào sử dụng, cho phép đại biểu và cán bộ truy cập nhanh chóng mọi văn bản pháp luật, nghị quyết và tài liệu thảo luận trên di động. Cổng thông tin điện tử của Quốc hội và các hệ thống số hóa khác đã thu thập hầu hết văn bản luật, nghị quyết của các khóa trước. Nhờ đó, việc tra cứu, đối

chiều dự thảo văn bản diễn ra thuận tiện hơn, tạo điều kiện cho đại biểu chủ động chuẩn bị, nâng cao tính chính xác của các ý kiến khi thảo luận.

Bốn là, minh bạch thông tin: các phiên họp, chất vấn và tranh luận của Quốc hội được truyền hình trực tiếp và phát sóng rộng rãi trên nhiều kênh thông tin đại chúng, giúp công chúng được tiếp cận thông tin kịp thời về các vấn đề “nóng” của đất nước, đồng thời tăng cường giám sát của cử tri đối với hoạt động lập pháp.

Năm là, tăng tương tác với cử tri: Quốc hội tích cực sử dụng các nền tảng số để tương tác với công chúng. Qua ứng dụng Quốc hội số, Cổng thông tin điện tử và mạng xã hội, người dân có thể gửi kiến nghị, phản ánh ý kiến đến đại biểu Quốc hội; các ý kiến này được tích hợp xử lý trên hệ thống công nghệ thông tin. Ví dụ, ứng dụng Quốc hội số 2.0 không chỉ cho phép tra cứu văn bản mà còn “công khai tiến độ giải quyết kiến nghị của cử tri”, đồng thời tích hợp các kênh khảo sát, phản hồi trực tuyến. Những bước này giúp đại biểu duy trì kênh liên lạc trực tuyến với cử tri, nâng cao tính dân chủ và công khai trong hoạt động lập pháp.

3.2. Tác động tích cực

Thứ nhất, tiết kiệm thời gian, chi phí: ứng dụng các công cụ họp trực tuyến và văn phòng điện tử đã giúp giảm đáng kể thời gian di chuyển và chi phí tổ chức các kỳ họp. Thay vì in ấn cả ngàn trang tài liệu, đại biểu chỉ cần mang theo máy tính bảng đã cài đầy đủ dự thảo luật để đọc, tra cứu; điều này giúp “tiết kiệm hàng nghìn tấn giấy”. Bên cạnh đó, việc họp trực tuyến giúp giảm chi phí đi lại và hội họp cho đại biểu tại các tỉnh thuận tiện khi bận công tác tại địa phương vẫn có thể dự họp qua điểm cầu liên kết, góp phần gia tăng tính hiệu quả kinh tế và nhanh chóng hơn trong hoạt động lập pháp.

Thứ hai, nâng cao chất lượng thảo luận luật: công nghệ giúp đại biểu chuẩn bị kỹ lưỡng hơn và trao đổi hiệu quả hơn về dự án luật. Nhờ có dữ liệu số và hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI), đại biểu có thể tìm hiểu toàn bộ hồ sơ, báo cáo trước khi phát biểu.

Thứ ba, tăng tính công khai, minh bạch: công nghệ số đã làm gia tăng tính công khai trong quá trình lập pháp. Cổng thông tin Quốc hội và các trang báo chí chính thống liên tục cập nhật thông tin về tiến trình xem xét, tranh luận và biểu quyết các dự án luật. Việc livestream phiên họp cho phép cử tri theo dõi trực tiếp các vấn đề được nghị trường bàn thảo. Nhờ thế, hoạt động của Quốc hội “ngày càng công khai, minh bạch hơn” và “gần gũi với cử tri” hơn trước.

Thứ tư, củng cố niềm tin của nhân dân: tính minh bạch và hiệu quả của “Quốc hội số” góp phần củng cố niềm tin của người dân. Khi thông tin hoạt động của Quốc hội được phổ biến rộng rãi và kịp thời, người dân cảm thấy dễ dàng giám sát và tin tưởng vào quy trình làm luật cũng như giám sát của Quốc hội. Nhìn chung, “Quốc hội số” góp phần tạo dựng hình ảnh một cơ quan lập pháp hiện đại, minh bạch và hướng về người dân.

3.3. Một số hạn chế

Một là, hệ thống chưa đồng bộ: mô hình quản lý cũ của Quốc hội vẫn mang tính thủ công và phân tán, chưa có nhiều kết nối giữa các đơn vị. Theo Vụ Chuyển đổi số của Văn phòng Quốc hội, hiện dữ liệu vẫn “phân tán, thiếu kết nối” giữa các bộ phận, dẫn đến nguy cơ chậm

trở trong quyết định và xử lý công việc⁽⁷⁾. Đến nay, các hệ thống như ứng dụng Quốc hội số 2.0, phần mềm điều hành, thư viện số chưa được tích hợp hoàn toàn thành một nền tảng chung. Mặc dù đã có kế hoạch xây dựng Kho dữ liệu tập trung cho Quốc hội trong tương lai, song hiện mới ở giai đoạn sơ khởi, khiến thông tin chưa thực sự thuận tiện xuyên suốt trên toàn hệ thống.

Hai là, chưa khai thác dữ liệu lớn/AI: dù có chủ trương áp dụng trí tuệ nhân tạo, hệ thống hiện tại vẫn mới dừng ở các công cụ hỗ trợ ban đầu. Ví dụ, công cụ “gỡ băng ghi âm” đã dùng AI để chuyển lời nói thành văn bản trong 5 phút sau họp, nhưng khả năng phân tích dữ liệu lớn của Quốc hội còn hạn chế. Vụ Chuyển đổi số của Văn phòng Quốc hội cũng đang trong quá trình thử nghiệm các hệ thống AI hỗ trợ soạn thảo và rà soát văn bản. Tính toán, phân tích Big Data từ ý kiến cử tri, xu hướng dư luận hoặc dự báo tác động chính sách hiện vẫn chưa được phát triển đầy đủ. Do vậy, tiềm năng ứng dụng AI và dữ liệu lớn để nâng cao chất lượng lập pháp chưa được khai thác triệt để.

Ba là, thiếu nhân lực số: việc chuyển đổi số đòi hỏi đội ngũ cán bộ, chuyên gia công nghệ thông tin và đại biểu có kỹ năng số đồng đều. Tuy nhiên, thực tế là năng lực công nghệ thông tin của một số đại biểu và cán bộ Quốc hội chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều đại biểu lớn tuổi vẫn quen với phương thức làm việc truyền thống, còn một số cán bộ chưa thành thạo các công cụ số. Do đó, Văn phòng Quốc hội đã và đang tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và an toàn thông tin cho đại biểu và công chức.

4. Những thách thức chủ yếu trong bối cảnh hội nhập

4.1. Thách thức thể chế - pháp lý

- *Quy định pháp luật chưa theo kịp:* dù Quốc hội đã ban hành Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15 và Luật Giao dịch điện tử sửa đổi (năm 2023) nhằm tạo hành lang pháp lý cho chuyển đổi số, nhiều quy định chi tiết về vận hành “Quốc hội số” vẫn đang hoàn thiện. Hiện chưa có văn bản hướng dẫn riêng cho việc lưu trữ tài liệu điện tử cấp cơ quan lập pháp, cũng như xử lý các tình huống pháp lý mới như xác thực giao dịch số qua blockchain hay bảo mật thông tin chính trị. Chữ ký số chuyên dụng cho đại biểu và lưu trữ hồ sơ truyền hình trực tuyến đòi hỏi chuẩn kỹ thuật cao nhưng chưa được quy định rõ. Đây là rào cản lớn: thể chế và quy định về chữ ký số, lưu trữ dữ liệu và bảo mật thông tin trong hoạt động nghị trường còn thiếu hướng dẫn cụ thể, cần được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- *Vấn đề chữ ký số, lưu trữ số, bảo mật dữ liệu:* để vận hành “Quốc hội số”, các phiên họp và văn bản điện tử cần được xác thực và bảo đảm tính pháp lý. Tuy nhiên, việc áp dụng chữ ký số chuyên dùng cho các tài liệu nội bộ Quốc hội còn hạn chế về quy định và hạ tầng hỗ trợ. Ví dụ, các quy định hiện hành về chữ ký số và giao dịch điện tử áp dụng chung cho cơ quan nhà nước, chưa được điều chỉnh đặc thù cho Quốc hội. Bên cạnh đó, lưu trữ dài hạn dữ liệu số như video họp, biên bản điện tử đòi hỏi kho lưu trữ đảm bảo an toàn và bảo mật. Công tác này đang trong giai đoạn xây dựng quy chế quản lý kho lưu trữ tài liệu số của Quốc hội. Trong khi đó, nguy cơ rò rỉ, tấn công từ bên ngoài vào hệ thống thông tin Quốc hội luôn hiện

hữu, đòi hỏi cơ chế bảo mật và khung pháp lý về dữ liệu cá nhân của đại biểu, cử tri càng phải chặt chẽ hơn.

4.2. Thách thức công nghệ

Một là, hạ tầng chưa đồng bộ: tuy có nhiều tiến bộ về hạ tầng số quốc gia, nhưng việc đảm bảo kết nối đồng đều cho toàn Quốc hội còn gặp khó. Các địa phương và đoàn đại biểu quốc hội tại tỉnh, thành phố có mức độ triển khai cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin khác nhau. Trong khi Văn phòng Quốc hội tại Hà Nội đã được trang bị hệ thống hội nghị truyền hình chất lượng cao và trung tâm dữ liệu hiện đại, thì việc liên thông an toàn giữa các đầu cầu cần được cải thiện. Bên cạnh đó, hạ tầng dữ liệu tập trung (data center) dành riêng cho Quốc hội vẫn đang được xây dựng, nên khả năng khai thác và liên thông thông tin liên cơ quan còn hạn chế.

Hai là, an ninh mạng, tấn công mạng: bảo đảm an toàn thông tin là thách thức lớn trong quá trình số hóa. Văn phòng Quốc hội mới triển khai hệ thống giám sát an ninh mạng trên toàn bộ hệ thống thông tin của cơ quan và phối hợp với các cơ quan chuyên trách (Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Công an, Viettel...) để bảo vệ hạ tầng. Tuy nhiên, các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi: từ mã độc tổng tiền cho đến tấn công APT nhằm vào cơ quan nhà nước. Một lỗ hổng nhỏ có thể dẫn đến rò rỉ bí mật quốc gia hay thông tin riêng tư của đại biểu. Do đó, việc nâng cấp hệ thống phòng thủ, thường xuyên kiểm định bảo mật và có chiến lược ứng phó sự cố mạng là yêu cầu cấp bách.

Ba là, phụ thuộc công nghệ nước ngoài: hầu hết phần cứng (máy chủ, thiết bị hội nghị truyền hình) và nhiều phần mềm Quốc hội đang sử dụng đều nhập khẩu hoặc thuê dịch vụ của các nhà cung cấp nước ngoài. Điều này tạo ra rủi ro về khả năng chủ quyền dữ liệu và an ninh mạng. Trong trường hợp bị gián đoạn chuỗi cung ứng, Quốc hội có thể thiếu linh hoạt khi cần thay thế hoặc nâng cấp công nghệ.

4.3. Thách thức nhân lực

- Năng lực số chưa đồng đều: nhiều đại biểu Quốc hội có trình độ chuyên môn cao nhưng chưa quen với công nghệ số. Trong khi một bộ phận giới trẻ làm quen nhanh với các ứng dụng mới, thì một số đại biểu lớn tuổi e ngại thay đổi phương thức làm việc truyền thống. Bên cạnh đó, cán bộ phục vụ nghiệp vụ lập pháp tại các cơ quan, ủy ban của Quốc hội cũng có trình độ công nghệ thông tin khác nhau. Văn phòng Quốc hội đang đẩy mạnh đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về chuyển đổi số cho tất cả đại biểu và công chức. Tuy nhiên, để đạt được đội ngũ chuyên gia công nghệ thông tin đủ mạnh phục vụ Quốc hội, cần phải có nhiều nỗ lực về tuyển dụng và đào tạo chuyên sâu.

- Tâm lý e ngại thay đổi: số hóa toàn bộ quy trình làm việc đòi hỏi thay đổi thói quen lâu đời. Việc họp trực tuyến, bỏ giấy tờ, áp dụng hệ thống mới ban đầu làm một số người cảm thấy bất tiện. Trong công tác lập pháp, đôi khi các đại biểu vẫn muốn xem tài liệu in hoặc trao đổi trực tiếp, dẫn đến sự chậm trễ thích ứng. Để khắc phục những hạn chế đó, bên cạnh việc đào tạo kỹ thuật, cần thay đổi văn hóa số trong toàn bộ hệ thống Quốc hội.

4.4. Thách thức hội nhập quốc tế

- *Tiêu chuẩn kỹ thuật khác biệt*: các thể chế lập pháp ở nước ngoài có thể đang áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật khác về an toàn thông tin, truy cập dữ liệu và xác thực điện tử. Khi Việt Nam tham gia các diễn đàn hợp tác quốc tế, Hội nghị liên nghị viện..., sự khác biệt về quy chuẩn có thể gây khó khăn trong trao đổi thông tin. Quốc hội Việt Nam cần đảm bảo các giải pháp công nghệ của mình tương thích với thông lệ quốc tế để dễ dàng chia sẻ, so sánh dữ liệu, đồng thời có thể tham gia vào các sáng kiến lập pháp liên quốc gia.

- *Yêu cầu minh bạch cao hơn*: trong bối cảnh hội nhập, Quốc hội chịu sức ép ngày càng lớn về tính minh bạch và trách nhiệm giải trình theo tiêu chuẩn khu vực và thế giới. Các tổ chức quốc tế (như Liên Hợp quốc, ASEAN) yêu cầu cơ quan lập pháp phải công bố thông tin hoạt động, sao kê ngân sách và cho phép giám sát độc lập. Việc xây dựng “Quốc hội số” phải đáp ứng tiêu chí “mở” cao hơn, đồng nghĩa với việc phải công bố rộng rãi báo cáo, biên bản họp và phản hồi của người dân ngay trên nền tảng số. Đây là thách thức khi cơ quan lập pháp cân cân nhắc giữa công khai thông tin và bảo mật các vấn đề nội bộ đặc thù.

- *Áp lực cạnh tranh quản trị*: nhiều quốc gia trong khu vực đang nâng cấp quốc hội theo hướng số hóa như Hàn Quốc, Singapore đã phát triển nghị viện điện tử. Những nước này gia tăng mức độ chuyên nghiệp hóa, tự động hóa quy trình lập pháp, qua đó rút ngắn thời gian làm luật và nâng cao chất lượng quyết sách. Việt Nam cũng phải đẩy mạnh đổi mới để không bị tụt hậu. Thách thức ở đây là cách tiếp cận chiến lược; nếu chậm chuyển đổi số lập pháp, Quốc hội Việt Nam có thể bỏ lỡ các mô hình quản trị hiệu quả trên thế giới, ảnh hưởng đến khả năng hợp tác, học hỏi kinh nghiệm và cạnh tranh trong phát triển thể chế số.

4.5. Thách thức về chính trị - tư tưởng

- *Nguy cơ thông tin sai lệch, thao túng dư luận*: trong không gian mạng, tồn tại nhiều nguồn tin không chính thống, có thể lan truyền nhanh chóng những thông tin xuyên tạc về hoạt động của Quốc hội. Một số tổ chức nước ngoài thường xuyên đưa ra nhận định tiêu cực, gây hiểu lầm (như xếp Việt Nam vào nhóm “không có tự do internet”)⁽⁸⁾. Những luận điệu sai lệch này có thể ảnh hưởng đến uy tín của Quốc hội. Do vậy, Quốc hội phải tăng cường truyền thông chính xác, kịp thời trên các kênh chính thống, đồng thời phản bác thông tin xấu để bảo vệ “tiếng nói” thật của mình.

- *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian số*: Quốc hội phải đảm bảo các hoạt động số không phá vỡ khuôn khổ tư tưởng, đường lối của Đảng và pháp luật Việt Nam. Trên môi trường internet, các luồng thông tin trái chiều, thù địch có thể lôi kéo người xem và phá hoại định hướng. Thách thức đặt ra là làm sao vừa phát huy dân chủ trực tuyến, tiếp nhận ý kiến cử tri, nhưng không để nền tảng tư tưởng của Đảng bị ảnh hưởng tiêu cực. Đây là nội dung cần được nhấn mạnh: việc bảo vệ giá trị cách mạng và pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên không gian mạng khi Quốc hội chuyển đổi số là nhiệm vụ then chốt, nhằm ngăn chặn hiệu quả âm mưu tuyên truyền chống phá từ bên ngoài và bên trong.

5. Giải pháp xây dựng Quốc hội số trong thời gian tới

5.1. Giải pháp thể chế

Một là, ban hành các đạo luật mới về dữ liệu và AI, tạo khung pháp lý cho chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an ninh mạng. Việc hoàn thiện pháp luật này được đánh giá “rất cấp thiết” giúp người dân thụ hưởng lợi ích từ chuyển đổi số.

Hai là, hoàn thiện quy định về soạn thảo, lấy ý kiến và thông qua luật trên môi trường số. Nghị quyết Quốc hội yêu cầu quy trình nghiệp vụ phải được số hóa để đáp ứng chuyển đổi số. Theo đó, cần có quy định gửi, nhận và xử lý văn bản lập pháp trên mạng, tiến tới mô hình “văn phòng không giấy”.

5.2. Giải pháp công nghệ

Một là, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin thống nhất cho Quốc hội, dựa trên điện toán đám mây và cơ sở dữ liệu tập trung. Nghị quyết đề ra “Kiến trúc Quốc hội số... dữ liệu lớn và dữ liệu mở” với mục tiêu lấy đại biểu và cử tri làm trung tâm⁽⁹⁾. Hệ thống này phải linh hoạt và tích hợp các công nghệ thông minh như trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ công tác lập pháp và giám sát.

Hai là, thiết lập kho dữ liệu tập trung cho Quốc hội, lưu trữ toàn bộ văn bản luật, hồ sơ thẩm tra và kết quả giám sát. Mục tiêu là số hóa 100% văn bản, hồ sơ không mật và cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung⁽¹⁰⁾. Nền tảng dữ liệu tập trung giúp hạn chế trùng lặp, hỗ trợ chia sẻ thông tin giữa các cơ quan và tạo đà cho ứng dụng Big Data trong đánh giá tác động chính sách.

Ba là, tận dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn để nâng cao hiệu quả công việc. AI có thể hỗ trợ tự động soạn thảo văn bản, tổng hợp ý kiến và dự báo xu hướng. Đây sẽ là “trợ thủ đắc lực” giúp xem xét và quyết sách chính xác hơn, nâng cao hiệu quả giám sát. Phân tích Big Data cho phép đánh giá toàn diện xu hướng xã hội và tác động của chính sách.

5.3. Giải pháp tổ chức - nhân lực

Một là, tổ chức đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, quản trị dữ liệu và an ninh mạng cho đại biểu, cán bộ và nhân viên Quốc hội. Nghị quyết khuyến khích xây dựng đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin đủ năng lực và yêu cầu mỗi cán bộ tích cực nâng cao kỹ năng số và chuyển đổi phương thức làm việc trên môi trường số. Các chương trình hợp tác với tổ chức quốc tế và doanh nghiệp công nghệ cũng cần được tăng cường.

Hai là, bổ sung chuyên gia công nghệ thông tin, lập trình viên và chuyên gia an ninh mạng cho đội ngũ Quốc hội. Văn phòng Quốc hội phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ lớn (như Viettel) để xây dựng hạ tầng và ứng dụng e-Parliament. Sự có mặt của chuyên gia công nghệ giúp áp dụng nhanh các giải pháp tiên tiến (bảo mật đa lớp, đám mây) và nâng cao chất lượng sản phẩm công nghệ.

Ba là, xây dựng phong cách làm việc hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động (làm việc không giấy, họp trực tuyến, chia sẻ dữ liệu). Điều này đòi hỏi quyết tâm từ lãnh đạo và đội ngũ cán bộ Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh cam kết và nhận thức đúng đắn của đại biểu, cán bộ là then chốt để thành công trong chuyển đổi số. Các cấp quản lý cần khuyến khích thí điểm sáng kiến số mới và siết chặt kỷ luật an ninh thông tin.

5.4. Giải pháp minh bạch - dân chủ

Một là, xây dựng nền tảng trực tuyến thu thập ý kiến của người dân và chuyên gia về dự thảo luật, nghị quyết. Các dự thảo được công khai kèm chức năng góp ý, tạo điều kiện để nhân dân tham gia và giám sát quá trình lập pháp. Công tham vấn góp phần minh bạch hóa quy trình soạn thảo chính sách và gia tăng sự đồng thuận xã hội.

Hai là, công khai dữ liệu hoạt động của Quốc hội ở dạng mở, bao gồm văn bản luật, báo cáo thẩm tra và kết quả giám sát. Ví dụ, Luật AI Việt Nam quy định xây dựng “hệ thống dữ liệu mở có kiểm soát” để minh bạch hóa thông tin và thúc đẩy phát triển công nghệ mới.

Ba là, ứng dụng công nghệ để đại biểu giữ liên lạc với cử tri hiệu quả hơn. Nghị quyết yêu cầu “tạo môi trường, điều kiện tương tác giữa cử tri với đại biểu” qua các kênh số an toàn. Ví dụ, tổ chức các buổi tiếp xúc trực tuyến, khảo sát ý kiến hoặc trả lời câu hỏi qua mạng xã hội. Các kênh tương tác này giúp Quốc hội gần gũi hơn với nhu cầu của người dân và tăng sự tham gia của cộng đồng.

5.5. Giải pháp hội nhập quốc tế

Một là, tăng cường kết nối với Liên minh Nghị viện Thế giới (IPU), Hội nghị Chủ tịch Nghị viện ASEAN và chia sẻ kinh nghiệm với Nghị viện châu Âu. Quốc hội cần “tham khảo kinh nghiệm chuyển đổi số quốc tế” và kết nối với các nghị viện số trên thế giới. Các hoạt động trao đổi đoàn, hội thảo chuyên đề sẽ giúp tiếp thu công nghệ và quy trình hoạt động hiện đại.

Hai là, nghiên cứu mô hình “Nghị viện số” của các nước tiên tiến, từ hệ thống đánh giá tác động luật đến quản lý kiến nghị cử tri trực tuyến. Áp dụng linh hoạt các giải pháp này giúp rút ngắn thời gian triển khai và đảm bảo mô hình Quốc hội số phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Ba là, phối hợp với cộng đồng quốc tế trong xây dựng tiêu chuẩn mở về dữ liệu và an toàn thông tin. Sử dụng định dạng dữ liệu chung (JSON/XML), giao thức bảo mật và kỹ thuật mã nguồn mở giúp hệ thống Quốc hội tương thích với nền tảng của các nước khác. Tiêu chuẩn hóa dữ liệu và bảo mật giúp nâng cao hiệu quả liên thông và khả năng hợp tác xuyên biên giới.

Bốn là, đổi mới phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa: tất cả giải pháp trên đều được tiến hành trong khuôn khổ chủ trương, đường lối của Đảng, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phục vụ lợi ích của Nhân dân.

Quốc hội số là xu thế tất yếu trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia, giúp hiện đại hóa cơ quan lập pháp và tăng cường minh bạch, dân chủ. Chuyển đổi số được xác định là “yếu tố then chốt, tất yếu” để xây dựng một Quốc hội hiện đại, hiệu quả. Việc số hóa quy trình nghiệp vụ không chỉ là yêu cầu kỹ thuật cấp thiết mà còn là nhiệm vụ chính trị để đáp ứng mong đợi của cử tri và Nhân dân.

Tiến sĩ Nguyễn Thị Thanh Dung

Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nguồn: tcnnld.vn

Ghi chú:

(1) Hoàng Trung Dũng, *Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản, ngày 24/9/2025.

(2) Phạm Thị Giang, *Thách thức của chuyển đổi số với quản trị nhà nước hiện đại*, Tạp chí Quản lý nhà nước, ngày 30/7/2024.

(3) Quốc hội phải tiên phong trong ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, Báo Điện tử chính phủ, truy cập ngày 25/6/2025.

(4) Inter-Parliamentary Union, *How the world's parliaments are moving online*. <https://www.ipu.org/digital-stories/how-worlds-parliaments-are-moving-online#:~:text=It%20highlights%2C%20for%20example%2C%20how,51%20percent%20four%20years%20ago>.

(5) Inter-Parliamentary Union, *World e-Parliament Report 2024*, Imprimerie Courand et Associés, ISBN 978-92-9142-903-5, tr.39.

(6) Ủy ban Thường vụ Quốc hội, [Nghị quyết số 31/2023/UBTVQH15](#) ngày 14/02/2023 quy định, hướng dẫn một số điều khoản của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

(7) Minh Trang, *Chuyển đổi số của Quốc hội - từ nhận thức đến hành động*, Đại biểu Nhân Dân, ngày 16/7/2025.

(8) Trần Thanh Bình, *Minh bạch thông tin là nền tảng tạo dựng niềm tin*, Thông tin đối ngoại, ngày 10/10/2022.

(9), (10) Ủy ban Thường vụ Quốc hội, *Nghị quyết số 1343/NQ-UBTVQH15 về xây dựng và phát triển Quốc hội số giai đoạn 2024 - 2026, định hướng đến năm 2030*.

XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỂ PHÙ HỢP VỚI QUY LUẬT PHÁT TRIỂN MỚI

Từ gợi mở của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đang nghiên cứu hướng đi mới trong quản trị cơ sở khi xem xét thí điểm xây dựng mô hình “xã, phường xã hội chủ nghĩa” với hệ thống tiêu chí cụ thể, có thể lượng hóa, đánh giá rõ ràng. Mô hình này được thiết kế với 54 tiêu chí cụ thể, có thể đo lường, đánh giá, thay vì các định hướng mang tính khái quát.

Hệ tiêu chí được chia thành 8 nhóm nội dung lớn, bao trùm toàn diện các lĩnh vực phát triển. Trong đó, nhóm xây dựng hệ thống chính trị cơ sở tập trung vào chất lượng tổ chức Đảng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, mức độ hài lòng của người dân và tính minh bạch. Nhóm phát triển hạ tầng đặt ra yêu cầu đồng bộ quy hoạch, kết nối giao thông và hiệu quả sử dụng không gian.

Để hiểu thêm về vấn đề này, phóng viên VOV.VN đã có cuộc trao đổi với Tiến sĩ Nguyễn Thị Khuyên, Trưởng khoa Kinh tế chính trị, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

PV: *Thưa TS. Nguyễn Thị Khuyên, gợi mở của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về việc Hà Nội nghiên cứu, xây dựng thí điểm mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa như thế nào trong giai đoạn hiện nay?*

TS Nguyễn Thị Khuyên: Tôi cho rằng gợi mở của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước về xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa rất lớn, cả về lý luận và thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

Trước hết, đây là một gợi mở rất đúng về mặt quy luật. Dưới góc độ lý luận hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, khi lực lượng sản xuất phát triển đến trình độ mới, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế tri thức, đô thị hóa nhanh và yêu cầu quản trị hiện đại, thì quan hệ sản xuất, mô hình quản trị và phương thức tổ chức đời sống xã hội cũng phải được đổi mới tương ứng. Xã, phường là cấp gần dân nhất, nơi mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào đời sống hằng ngày của Nhân dân. Vì vậy, đổi mới quản trị đất nước phải bắt đầu từ cấp cơ sở.

Thứ hai, gợi mở này có ý nghĩa rất đúng, vì nó đặt đúng vào điểm then chốt của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, không chỉ nói về mục tiêu lớn ở tầm vĩ mô, mà phải làm rõ chủ nghĩa xã hội được hiện thực hóa như thế nào trong từng cộng đồng dân cư, từng khu phố, từng thôn, từng tổ dân phố. Nói cách khác, xã hội chủ nghĩa không phải là khái niệm xa vời, mà phải được người dân cảm nhận qua việc làm, thu nhập, môi trường sống, dịch vụ công, an sinh, dân chủ, văn hóa và sự bình yên trong đời sống hằng ngày.

Thứ ba, đây là gợi mở rất kịp thời. Đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới, với yêu cầu xây dựng mô hình quản trị hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, gần dân và vì dân. Nếu làm tốt, mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa sẽ trở thành một “phòng thử nghiệm chính sách” rất

sinh động, giúp chúng ta tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận và khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bằng những kết quả cụ thể, đo được, thấy được, người dân thụ hưởng được.

PV: Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của mô hình này là gì, thưa bà?

TS. Nguyễn Thị Khuyên: Khi thực hiện thành công mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa sẽ mang lại ý nghĩa và lý luận to lớn.

Về mặt lý luận, đây chính là bước chúng ta phát triển lý luận, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới. Lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ có thể được bảo vệ và phát triển khi được hiện thực hóa bởi những hoạt động rất cụ thể và mang lại giá trị tốt đẹp cho chính những người dân.

Việc đưa lý luận vào thực tiễn để xây dựng một mô hình quản trị cấp xã mà ở đây mỗi người dân là chủ thể. Mỗi người dân được thụ hưởng những thành quả tốt đẹp của mô hình quản lý. Đồng thời, mỗi người dân được trực tiếp tham gia, được có ý kiến, được tôn trọng, được lắng nghe. Đó là những điểm rất thực tiễn để chúng ta bảo vệ và phát triển lý luận.

Mô hình đưa những nội dung rất đặc trưng của Chủ nghĩa xã hội trong lý luận về hình thái kinh tế xã hội vào cấp cơ sở, là bắt đầu từ cấp thấp nhất và thiết thực nhất.

Về mặt thực tiễn, mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa được triển khai là “phòng thử nghiệm chính sách”. Trên cơ sở phòng thử nghiệm này, chúng ta sẽ tìm ra được bài học kinh nghiệm quý giá. Qua đó, giúp trả lời được câu hỏi là cần làm gì để đời sống người dân tốt hơn, nhân dân có việc làm, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và được sống từng ngày an nhiên trong cộng đồng của mình.

Khi mô hình này thành công, chúng ta hoàn toàn có thể tổng kết các bài học thành công, những kinh nghiệm chưa thành công, để từ đó nhân rộng ra các địa phương khác, thúc đẩy công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Để mô hình này có thể nhân rộng được thì đầu tiên là nó phải thành công.

PV: Theo bà, phường, xã theo mô hình xã hội chủ nghĩa sẽ có những đặc điểm, đặc trưng gì?

TS Nguyễn Thị Khuyên: Theo tôi, để nhận diện một xã, phường theo mô hình xã hội chủ nghĩa, cần đặt trên nền tảng lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin. Theo đó, một phương thức sản xuất xã hội được cấu thành bởi lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng, và kiến trúc thượng tầng tương ứng. Vì vậy, xã, phường xã hội chủ nghĩa không chỉ là một danh hiệu hay phong trào, mà phải được thể hiện bằng những đặc trưng cụ thể trên các phương diện này.

Trước hết, về lực lượng sản xuất, xã, phường xã hội chủ nghĩa phải là nơi sức sản xuất của xã hội được phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả và phục vụ con người. Ở cấp cơ sở, điều này thể hiện ở chất lượng người dân, đội ngũ cán bộ, trình độ dân trí, kỹ năng lao động, năng lực tiếp cận khoa học - công nghệ, chuyển đổi số; đồng thời thể hiện ở hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông, y tế, giáo dục, hạ tầng số, không gian công cộng, môi trường

sống. Nói ngắn gọn, đó phải là nơi người dân có điều kiện tốt hơn để lao động, học tập, sáng tạo, phát triển sinh kế và nâng cao chất lượng sống.

Thứ hai, về quan hệ sản xuất, một xã, phường xã hội chủ nghĩa phải tổ chức các quan hệ này phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở chính xã, phường đó, đồng thời hướng tới sự tiến bộ, công bằng, hợp tác và lợi ích chung của cộng đồng. Về quan hệ sở hữu, các nguồn lực công cộng như đất đai, hạ tầng, thiết chế văn hóa, không gian sinh hoạt chung, tài sản công phải được quản lý minh bạch, sử dụng hiệu quả, chống lãng phí và phục vụ nhân dân. Về quan hệ quản lý, người dân không chỉ là đối tượng được quản lý, mà phải là chủ thể tham gia quản lý, giám sát, phản biện và đồng kiến tạo sự phát triển của địa phương. Về quan hệ phân phối, thành quả phát triển phải được phân bổ hài hòa hơn, bảo đảm an sinh xã hội, quan tâm nhóm yếu thế, tạo điều kiện để mọi người dân đều có cơ hội thụ hưởng công bằng hơn từ quá trình phát triển.

Nói cách khác, xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa không phải là áp đặt một mô hình quan hệ sản xuất cứng nhắc, giống nhau ở mọi nơi, mà là tổ chức các quan hệ sở hữu, quản lý và phân phối sao cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa bàn; qua đó từng bước hạn chế những quan hệ lạc hậu, cục bộ, hình thức; củng cố những quan hệ tiến bộ, dân chủ, công bằng; đồng thời nuôi dưỡng những nhân tố mới như chính quyền số, kinh tế số, kinh tế xanh, quản trị cộng đồng và các mô hình tự quản của nhân dân.

Thứ ba, về kiến trúc thượng tầng, xã, phường xã hội chủ nghĩa phải có hệ thống quan điểm, giá trị và thiết chế xã hội phù hợp với cơ sở hạ tầng tiến bộ. Điều này thể hiện ở vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở; chính quyền phục vụ nhân dân, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy tốt vai trò tập hợp, vận động và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của nhân dân. Đồng thời, đó còn là đời sống văn hóa lành mạnh, kỷ cương, nhân ái, dân chủ, văn minh.

Tóm lại, một xã, phường xã hội chủ nghĩa phải là nơi lực lượng sản xuất phát triển, quan hệ sản xuất tiến bộ, công bằng, và kiến trúc thượng tầng dân chủ, văn minh, vì nhân dân. Khi ba mặt đó thống nhất, người dân sẽ cảm nhận được chủ nghĩa xã hội trong chính đời sống hằng ngày: việc làm tốt hơn, dịch vụ tốt hơn, môi trường sống tốt hơn, cộng đồng đoàn kết hơn và niềm tin xã hội cao hơn.

PV: Chúng ta cần chú trọng những yêu cầu gì để mô hình này đúng định hướng?

TS Nguyễn Thị Khuyên: Bạn hãy hình dung mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa đang triển khai ở Hà Nội giống như một cỗ xe bắt đầu chuyển động và bạn muốn nó đi đúng định hướng. Cỗ xe cần những gì để chuyển động đúng hướng?

Đầu tiên bánh lái của cỗ xe này là học thuyết chủ nghĩa Mác-Lênin về hình thái kinh tế xã hội. Nắm vững và vận dụng sáng tạo những nguyên lý, quy luật khách quan làm nền tảng khoa học để cỗ xe này vận hành đúng hướng.

Thứ hai, cỗ xe cần có người lái xe, là vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng cộng sản ở tất cả các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở. Phát huy vai trò, phát huy sự chủ động sáng tạo để cỗ xe được chuyển động dưới vai trò của người lái thông minh, có chiến lược.

Thứ ba, để cỗ xe đi đúng hướng chúng ta cần lực đẩy, là động lực. Động lực là gì? Là hệ thống mục tiêu. Hệ thống mục tiêu được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác lập từ khi lập nước “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”, tất cả các tiêu thức văn bản của chúng ta đều ghi như vậy, mọi người dân chúng ta đều thuộc lòng như vậy. Văn kiện Đại hội XIV chúng ta cụ thể hóa mục tiêu đó, chúng ta xây dựng đất nước Việt Nam “hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc và vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội”. Động lực ấy lấy từ đâu, từ toàn hệ thống chính trị, từ việc mỗi người dân chúng ta nhớ mục tiêu. Chính việc nhớ mục tiêu sẽ thôi thúc hành động quyết liệt, giúp cỗ xe này chuyển động đúng hướng.

PV: Theo bà, đâu là những yêu cầu then chốt để mô hình “xã, phường xã hội chủ nghĩa” không chỉ thành công ở phạm vi thí điểm, mà còn có khả năng tổng kết, nhân rộng và đóng góp vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

TS. Nguyễn Thị Khuyên: Để có thể nhân rộng thì mô hình phải thành công, sau đó chúng ta sẽ tổng kết những bài học thành công, chưa thành công.

Muốn thành công thì điều số đầu tiên là chúng ta phải có một mô hình rõ ràng, sắc nét. Trong mô hình này, hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn phải rất rõ ràng, cụ thể, dễ thực hiện, đo lường được.

Thứ hai, chúng ta cần phải có một quyết tâm chính trị rất cao, trên cơ sở thận trọng và quyết liệt. Thận trọng để chúng ta chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực để thành công, không rơi vào chủ nghĩa phong trào, hình thức. Chúng ta cũng cần thận trọng để lựa chọn, ngay cả lựa chọn địa điểm thực hiện mang tính chất điển hình, để khi thành công có thể nhân rộng. Chúng ta cần quyết liệt trong hành động, để cỗ xe thực sự chuyển động, tạo ra sự chuyển biến thực sự.

Cuối cùng, chúng ta cần phải có một lực lượng hùng hậu để thực hiện mô hình này. Đó chính là lực lượng của toàn dân, phát huy dân chủ, huy động sức mạnh của toàn dân. Như lời Bác Hồ dạy: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

Nguồn: vov.vn

KHI ĐẠI ĐOÀN KẾT TRỞ THÀNH NĂNG LỰC, SỨC MẠNH PHÁT TRIỂN QUỐC GIA

Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ XI đã gợi mở một bước chuyển rất đáng chú ý trong nhận thức về đại đoàn kết toàn dân tộc: từ một giá trị chính trị - tinh thần truyền thống trở thành một năng lực, sức mạnh phát triển quốc gia.

Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, đại đoàn kết luôn là nguồn sức mạnh ghê gớm để Việt Nam vượt qua chiến tranh, đói nghèo, chia cắt và tụt hậu. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, vấn đề đặt ra không còn chỉ là “đoàn kết để chiến thắng”, mà là “đoàn kết để phát triển”.

Đó chính là điểm mới nổi bật nhất trong bài phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm.

Từ sức mạnh tinh thần đến năng lực phát triển

Có một câu rất đáng chú ý trong bài phát biểu: “Trong kỷ nguyên mới, đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là truyền thống tinh thần, mà còn là năng lực phát triển quốc gia”. Đây là một cách tiếp cận rất hiện đại.

Trong thế giới hôm nay, người ta ngày càng nhận ra rằng sự phát triển của một quốc gia không chỉ phụ thuộc vào vốn, công nghệ hay tài nguyên thiên nhiên, mà còn phụ thuộc vào chất lượng liên kết xã hội, mức độ đồng thuận xã hội và niềm tin của người dân đối với Nhà nước và với nhau.

Nói cách khác, một xã hội biết hợp tác, biết lắng nghe, biết dung hòa khác biệt và biết cùng hướng tới lợi ích chung sẽ có năng lực phát triển mạnh hơn một xã hội phân rã, nghi kỵ và đối đầu.

Ở góc độ đó, đại đoàn kết không còn chỉ là khẩu hiệu chính trị hay giá trị tinh thần, mà trở thành một loại “hạ tầng mềm” của quốc gia. Nó quyết định khả năng huy động nguồn lực xã hội, khả năng triển khai cải cách, khả năng vượt qua khủng hoảng và cả khả năng duy trì ổn định để phát triển lâu dài.

Lịch sử phát triển của nhiều quốc gia cho thấy, không ít nước có nguồn lực vật chất lớn nhưng vẫn trì trệ vì xã hội bị chia rẽ sâu sắc. Ngược lại, có những quốc gia vươn lên mạnh mẽ nhờ xây dựng được niềm tin xã hội và tinh thần đồng hành giữa Nhà nước với người dân.

Việt Nam đang bước vào một giai đoạn phát triển đòi hỏi những cải cách rất lớn: chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, cải cách thể chế, tái cấu trúc bộ máy, phát triển kinh tế tư nhân, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp... Những cải cách như vậy chỉ có thể thành công nếu có sự đồng thuận xã hội rộng lớn.

Chính vì thế, khi Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đặt vấn đề đại đoàn kết như một “năng lực phát triển quốc gia”, điều đó cho thấy tư duy phát triển của chúng ta đang có sự chuyển động rất đáng chú ý.

Xã hội hiện đại càng phát triển thì càng đa dạng: đa dạng về lợi ích, đa dạng về nghề nghiệp, đa dạng về lối sống, đa dạng về quan điểm, đa dạng về phương thức tiếp cận thông tin.

Đoàn kết trong khác biệt - bước tiến mới của tư duy dân chủ

Một trong những điểm mới rất quan trọng và sâu sắc nhất trong bài phát biểu là cách tiếp cận về đoàn kết trong xã hội hiện đại. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh: “Đoàn kết trong giai đoạn mới là biết tôn trọng những khác biệt hợp pháp, chính đáng; giải quyết hài hòa lợi ích; lấy mục tiêu chung của quốc gia- dân tộc làm điểm tương đồng”.

Xã hội hiện đại càng phát triển thì càng đa dạng: đa dạng về lợi ích, đa dạng về nghề nghiệp, đa dạng về lối sống, đa dạng về quan điểm, đa dạng về phương thức tiếp cận thông tin.

Sự xuất hiện và phát triển của kinh tế số, mạng xã hội, tầng lớp trung lưu, cộng đồng doanh nghiệp tư nhân, các nhóm nghề nghiệp mới, cộng đồng sáng tạo hay khiếu nại toàn cầu đang làm cho cấu trúc xã hội Việt Nam thay đổi rất nhanh.

Trong bối cảnh đó, quản trị xã hội hiện đại không phải là triết tiêu khác biệt, mà là quản trị khác biệt. Đây chính là tư duy rất gần với các mô hình quản trị hiện đại trên thế giới: xã hội càng đa dạng thì càng cần năng lực đối thoại, năng lực dung hòa lợi ích và năng lực tạo đồng thuận. Vì vậy, câu nói “đồng thuận xã hội không phải là sự im lặng hình thức” trong bài phát biểu mang ý nghĩa rất sâu sắc.

Đồng thuận thật sự không được xây dựng bằng cách né tránh khác biệt, mà phải được xây dựng trên nền tảng dân chủ, lắng nghe, đối thoại, giải quyết hài hòa lợi ích, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân.

Từ “nói cho dân nghe” sang “nghe được dân nói”

Nếu phải chọn một điểm thể hiện rõ nhất tinh thần đổi mới trong bài phát biểu, thì có lẽ đó là yêu cầu phải “nghe được tiếng nói thật của Nhân dân”.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm thẳng thắn chỉ ra rằng Mặt trận “không thể đại diện cho Nhân dân nếu không nghe được tiếng nói thật của Nhân dân và nói dân không hiểu”.

Trong nhiều năm, không ít hoạt động vận động quần chúng bị hành chính hóa, trong khi xã hội hiện đại vận động rất nhanh. Người dân có quyền và cần được lắng nghe, được phản hồi và được tham gia vào quá trình hình thành chính sách. Chính vì vậy, việc nhấn mạnh “phản biện từ sớm, từ xa”, phản biện ngay trong quá trình hình thành chủ trương, chính sách là một bước tiến rất lớn về tư duy.

Điều này có nghĩa: phản biện xã hội không còn là “góp ý cho có” sau khi chính sách đã hoàn tất, mà phải trở thành một cấu phần của quy trình hoạch định chính sách.

Đặc biệt, bài phát biểu còn đặt ra yêu cầu rất mới: phản biện phải dựa trên dữ liệu, khảo sát xã hội và tiếng nói từ cơ sở. Đây là dấu hiệu cho thấy tư duy quản trị đang chuyển dần từ cảm tính sang dựa trên chứng cứ và dữ liệu.

Trong thế giới hiện đại, không thể quản trị tốt nếu không đo được trạng thái của xã hội. Cũng không thể có chính sách tốt nếu không hiểu đúng phản ứng xã hội. Vì vậy, đề xuất xây dựng “Bộ chỉ số niềm tin xã hội cấp tỉnh” là một gợi mở rất đáng chú ý. Nếu được triển khai hiệu quả, đây có thể trở thành một công cụ quan trọng để đo chất lượng quản trị xã hội và mức độ gắn kết giữa chính quyền với người dân.

Khi chuyển đổi số trở thành công cụ xây dựng lòng tin

Một điểm rất mới khác trong bài phát biểu là cách tiếp cận về chuyển đổi số.

Ở đây, chuyển đổi số không được hiểu đơn thuần là số hóa thủ tục hành chính hay đưa dịch vụ công lên môi trường mạng. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đặt vấn đề sâu hơn nhiều: chuyển đổi số phải tạo ra “phương thức mới để Mặt trận gần dân hơn, nghe dân rộng hơn, phản hồi dân nhanh hơn”.

Ý tưởng về “Công Mặt trận số 24/7” hay “Tháng nghe dân nói” cho thấy một cách tiếp cận rất hiện đại về dân chủ số và quản trị xã hội số. Đó là tư duy dùng công nghệ để tăng cường tương tác xã hội, dùng nền tảng số để tiếp nhận phản ánh của người dân theo thời gian thực, dùng dữ liệu xã hội để nâng cao chất lượng chính sách, dùng minh bạch để củng cố

niềm tin. Nói cách khác, chuyển đổi số không chỉ là đổi công cụ quản lý, mà là tái thiết quan hệ giữa Nhà nước với Nhân dân trong thời đại số.

Một bước chuyển trong tư duy quản trị quốc gia

Nhìn rộng hơn, bài phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm cho thấy một xu hướng vận động đáng chú ý trong tư duy quản trị quốc gia của Việt Nam.

Đó là sự chuyển dịch từ quản lý xã hội sang quản trị xã hội, từ hành chính hóa sang phục vụ, từ tuyên truyền sang đối thoại, từ vận động phong trào sang kiến tạo niềm tin, tăng cường phản biện dựa trên dữ liệu và bằng chứng.

Ở tầng sâu hơn, đây là sự chuyển dịch từ tư duy “quyền lực quản lý” sang tư duy “năng lực kết nối xã hội”. Đó chính là ý nghĩa sâu xa nhất của việc đặt đại đoàn kết toàn dân tộc như một “năng lực phát triển quốc gia”.

Trong thế giới cạnh tranh khốc liệt hôm nay, sức mạnh của một quốc gia không chỉ nằm ở GDP, công nghệ hay hạ tầng vật chất, mà còn nằm ở khả năng làm cho người dân tin rằng họ thực sự được lắng nghe, được tôn trọng và được cùng tham gia kiến tạo tương lai của đất nước, làm cho đất nước thêm hùng cường, thịnh vượng, nhân dân ngày càng âm no hạnh phúc.

TS. Nguyễn Sĩ Dũng – nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Việt Nam

Nguồn: baochinhhphu.vn

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG TRONG MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Ngày 12/5/2026, tại Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tổ chức tọa đàm khoa học “Cung ứng dịch vụ công trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp”.

Theo nghiên cứu đánh giá nhanh về cung ứng dịch vụ công trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp, do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (HCMA) và Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong (MDRI) thực hiện từ tháng 1 đến tháng 3/2026, kết quả khảo sát trên toàn quốc với gần 5.000 người dân, cùng các nghiên cứu điển hình được thực hiện tại hai tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên cho thấy sự ủng hộ rộng rãi của người dân đối với việc chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Nghiên cứu sâu cũng khẳng định mô hình mới sẽ góp phần tinh gọn bộ máy hành chính và nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công. Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu cũng phản ánh những trải nghiệm ban đầu trong quá trình triển khai mô hình, đồng thời nhận diện những vấn đề trọng tâm cần ưu tiên trong giai đoạn 2026 - 2031.

Phát biểu ý kiến tại tọa đàm, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương nhấn mạnh: “Một hệ thống tốt không phải là hệ thống không bao giờ có vướng mắc, mà là hệ thống phát hiện sớm các vướng mắc, phản ứng nhanh, sửa sai kịp thời và không để người dân phải

gánh chi phí vì sự thiếu đồng bộ. Dịch vụ công tốt không phải chỉ là dịch vụ đúng quy trình mà là dịch vụ tạo ra kết quả ổn định, đáng tin cậy, dễ tiếp cận và làm cho người dân hài lòng”.

Đồng thời, nghiên cứu cũng ghi nhận trải nghiệm của người dân, cán bộ và công chức sau khi tinh gọn bộ máy, xóa bỏ tầng nấc hành chính trung gian. Mặc dù đa số người tham gia khảo sát hoan nghênh cải cách này, nhiều người cho biết họ cũng gặp không ít khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ công trong giai đoạn chính quyền địa phương hai cấp, nhất là cấp xã, đang bước đầu thích nghi với các nhiệm vụ mới.

Trưởng Đại diện Thường trú, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam, bà Ramla Khalidi cho rằng: “Việc chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại Việt Nam mang tầm nhìn chiến lược, thể hiện cam kết mạnh mẽ của đất nước đối với công cuộc cải cách quản trị quốc gia. Đây không chỉ đơn thuần là việc sắp xếp bộ máy hành chính mà còn là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển con người bền vững”.

“Cốt lõi của cải cách là đưa chính quyền gần dân hơn, nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ ngay từ cấp cơ sở. Tiến trình này phải lấy người dân làm trung tâm; bảo đảm tính linh hoạt, thích ứng nhanh và năng lực đáp ứng trước một thế giới đang thay đổi không ngừng cũng như nhu cầu đa dạng của mỗi cá nhân, đặc biệt là các nhóm đối tượng yếu thế trên nhiều phương diện”, bà Ramla Khalidi nhấn mạnh.

Hiện nay, với các thủ tục hành chính do chính quyền cấp xã xử lý, nhiều người dân vẫn phải đi lại nhiều lần, tới nhiều “cửa” hay gặp nhiều người trong chính quyền mới hoàn thành thủ tục, thay vì cơ chế “một cửa” thực thụ.

Thực trạng này cho thấy tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực phản hồi nhanh và tinh thần hỗ trợ của đội ngũ công chức cấp cơ sở. Trải nghiệm chưa tích cực của một bộ phận người dân cũng cho thấy cần tiếp tục nâng cao năng lực phục vụ, hỗ trợ mang tính hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ hành chính công của chính quyền địa phương.

Đại sứ Australia tại Việt Nam, bà Gillian Bird chia sẻ: Đánh giá do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc và các đối tác thực hiện đã đóng góp quan trọng vào các mục tiêu chung. Bằng việc phân tích trải nghiệm thực tế của đội ngũ công chức và người dân đối với cải cách chính quyền địa phương, nghiên cứu đã cung cấp những góc nhìn khách quan, dựa trên bằng chứng khoa học để hỗ trợ hiệu quả cho quá trình thực thi chính sách.

Kết quả khảo sát về việc tiếp cận Cổng Dịch vụ công quốc gia cho thấy, gần 22% số người được hỏi đã sử dụng cổng này kể từ ngày 1/7/2025. Tuy nhiên, còn tới 27% người dùng phản ánh gặp khó khăn trong quá trình sử dụng và 34% bày tỏ lo ngại liên quan bảo mật dữ liệu cá nhân. Qua đó, cần tiếp tục cải thiện dịch vụ công trực tuyến theo hướng lấy người dùng làm trung tâm trong lộ trình mở rộng dịch vụ công trên môi trường số.

Kết quả khảo sát cũng nhấn mạnh tính cấp thiết của việc cải thiện tính bao trùm của dịch vụ công số, bởi chỉ có 6,4% người khuyết tật cho biết đã sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia kể từ khi hợp nhất 63 cổng dịch vụ công cấp tỉnh.

Kết quả này cho thấy tầm quan trọng của việc kết hợp linh hoạt giữa dịch vụ số và các cơ chế hỗ trợ trực tiếp, hiện thực hóa cam kết về một nền hành chính công phục vụ, bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Bên cạnh đó, một số thách thức cũng được ghi nhận trong các dịch vụ công thiết yếu như y tế và giáo dục tiểu học. Kết quả khảo sát cho thấy nhiều người chọn vượt tuyến lên bệnh viện công cấp tỉnh thay vì đến trung tâm y tế khu vực hay trạm y tế cấp xã do lo ngại về chất lượng dịch vụ. Đối với giáo dục tiểu học công lập, tình trạng lớp học quá tải và thiếu hạ tầng hỗ trợ học sinh khuyết tật là những vấn đề cần sớm có giải pháp tháo gỡ.

Đồng thời, nghiên cứu điển hình tại hai tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên cũng cho thấy, để tối ưu hóa mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cần bảo đảm sự đồng bộ giữa cơ chế, chính sách, nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và tài chính-ngân sách. Việc phân cấp, phân quyền chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi năng lực thực thi của cấp cơ sở được tăng cường tương xứng với thẩm quyền mới, bảo đảm đơn giản hóa quy trình và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Thảo luận tại tọa đàm, các chuyên gia khuyến nghị cần kết hợp chặt chẽ giữa các điều chỉnh hành chính ngắn hạn với nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị công bền vững, trọng tâm là phân bổ ngân sách hợp lý, phát triển nguồn nhân lực công vụ, nhất là ở cấp xã, và tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng số quốc gia và địa phương.

Nguồn: nhandan.vn

MỘT NĂM NGHỊ QUYẾT SỐ 68-NQ/TW: NHẬN DIỆN NÚT THẮT ĐANG CẢN BƯỚC KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân tạo ra làn sóng kỳ vọng lớn với khu vực kinh tế tư nhân. Dù vậy, thực tế sau một năm cho thấy khoảng cách giữa chủ trương và thực thi vẫn còn đáng kể, đặc biệt với doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh và khu vực phi chính thức.

Có chuyển động nhưng vẫn còn nhiều “điểm nghẽn”

Tại Tọa đàm “Dấu ấn 1 năm thực hiện Nghị quyết 68” do Tạp chí Đầu tư Tài chính - VietnamFinance tổ chức vào ngày 13/5/2026, Tiến sĩ Lê Minh Nghĩa - Chủ tịch Hiệp hội Tư vấn Tài chính Việt Nam (VFCA) nhận định: Nghị quyết số 68-NQ/TW là một dấu mốc rất lớn trong tiến trình phát triển kinh tế tư nhân. Nghị quyết không chỉ tạo ra nhận thức mới mà còn mở ra động lực mới cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường hiện đại.

Ông Lê Minh Nghĩa cũng cho rằng Nghị quyết đã đề cập khá đầy đủ từ thực trạng, nguyên nhân cho tới giải pháp. Song điều quan trọng hiện nay là chính sách đã chuyển động ra sao trong thực tế và những giải pháp nào đang thực sự phát huy hiệu quả.

Đáng chú ý, ông Lê Minh Nghĩa dẫn mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam có 2 triệu doanh nghiệp và năm 2045 có 3 triệu doanh nghiệp. Dù vậy, nếu so với quốc tế, con số này vẫn còn khá khiêm tốn.

Theo ông Lê Minh Nghĩa, bình quân thế giới cứ 9 người có một doanh nghiệp, Hàn Quốc khoảng 6,6 người/doanh nghiệp, Singapore khoảng 10 người/doanh nghiệp, còn Việt Nam hiện khoảng 100 người mới có một doanh nghiệp. Do đó, để đạt mục tiêu đến năm 2045 kết thúc thời kỳ quá độ, Việt Nam vẫn còn rất nhiều việc phải làm nhằm phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân.

Trong khi đó, Tiến sĩ Lê Xuân Nghĩa - nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia đánh giá khu vực kinh tế tư nhân đã xuất hiện nhiều tín hiệu tích cực sau một năm thực hiện nghị quyết. Theo ông Lê Xuân Nghĩa, tốc độ tăng doanh nghiệp thành lập mới hiện cao hơn mức bình thường, vào khoảng 22%. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn chưa đủ để đạt mục tiêu 200.000 doanh nghiệp mới mỗi năm, nhất là khi số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường vẫn còn lớn.

Ngoài ra, Tiến sĩ Lê Xuân Nghĩa lo ngại xu hướng suy giảm đầu tư tư nhân và dẫn số liệu, có giai đoạn đầu tư tư nhân chiếm tới khoảng 91% tổng đầu tư nền kinh tế, nhưng hiện nay chỉ còn khoảng 67%.

Ngoài ra, mặt bằng lãi suất cao đang ảnh hưởng trực tiếp tới tâm lý đầu tư của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nguyên nhân không chỉ đến từ lạm phát hay biến động quốc tế mà còn xuất phát từ các “điểm nghẽn kỹ thuật” trong vận hành nền kinh tế.

Liên quan tới thương mại quốc tế, Tiến sĩ Lê Xuân Nghĩa cho rằng Việt Nam đã tham gia khoảng 17 hiệp định thương mại tự do nhưng doanh nghiệp trong nước vẫn hưởng lợi chưa tương xứng. Xuất khẩu dệt may hiện khoảng 45 tỷ USD, nông nghiệp khoảng 55 tỷ USD, song phần lớn giá trị xuất khẩu còn lại vẫn thuộc về khu vực FDI.

Do đó, Việt Nam không thể tiếp tục phụ thuộc quá lớn vào mô hình gia công hay một vài thị trường xuất khẩu chủ lực. Thay vào đó, cần nâng cao năng lực công nghiệp nội địa, phát triển công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp công nghệ.

Cùng quan điểm, Tiến sĩ Lê Duy Bình - Giám đốc Economica Việt Nam nhận định, thành tựu lớn nhất của Nghị quyết số 68-NQ/TW là sự thay đổi mạnh mẽ về tư tưởng và định hướng chính sách với hàng loạt nghị quyết, văn bản pháp luật đã được ban hành nhằm tháo gỡ điểm nghẽn cho khu vực kinh tế tư nhân, tuy nhiên, sự hứng khởi hiện chủ yếu tập trung ở nhóm doanh nghiệp lớn.

Theo đó, nhiều dự án quy mô hàng nghìn tỷ đồng liên tiếp được khởi công bởi các tập đoàn lớn cho thấy tác động tích cực của nghị quyết đối với doanh nghiệp lớn là rất rõ rệt.

Ngược lại, khu vực doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh và kinh tế phi chính thức lại xuất hiện tâm lý lo âu với cách tiếp cận quản lý hiện nay dường như vẫn coi hộ kinh doanh là “đối tượng quản lý” thay vì đối tác trong quản trị quốc gia.

Điều này dẫn tới phản ứng chia nhỏ quy mô kinh doanh nhằm né ngưỡng doanh thu hoặc nghĩa vụ thuế. Không chỉ vậy, nhiều hộ kinh doanh còn quay lại giao dịch tiền mặt thay vì chuyển khoản qua ngân hàng.

Theo Tiến sĩ Lê Duy Bình, xu hướng này có nguy cơ làm mở rộng trở lại khu vực kinh tế phi chính thức, đi ngược mục tiêu minh bạch hóa nền kinh tế.

Ông Lê Duy Bình cũng cho rằng Việt Nam khó đạt mục tiêu 2 triệu doanh nghiệp nếu không thay đổi căn bản tư duy về mô hình doanh nghiệp. Dẫn chứng từ quốc tế cho thấy tại Singapore khoảng 50% doanh nghiệp đăng ký mới là doanh nghiệp một chủ, trong khi tại Pháp tỉ lệ này lên tới 70%. Trong khi đó, Việt Nam hiện chỉ có khoảng 2.000 - 4.000 doanh nghiệp một chủ trong tổng số hơn 100.000 - 200.000 doanh nghiệp đăng ký mới mỗi năm.

Cải cách cần thực chất

Ông Bùi Thanh Minh - Phó Giám đốc Văn phòng Ban IV (Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân - thuộc Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ) cho rằng, cải cách thủ tục hành chính hiện nay vẫn thiếu một triết lý tổng thể. Nếu mỗi bộ ngành tự cải cách theo cách riêng sẽ chỉ tạo ra những thay đổi đơn lẻ, không hình thành được tác động thực chất.

Ông Bùi Thanh Minh nhấn mạnh, điều quan trọng không phải cắt giảm bao nhiêu thủ tục hay bao nhiêu ngày xử lý hồ sơ, mà là chi phí tuân thủ thực tế của doanh nghiệp có giảm hay không.

Theo số liệu được ông Bùi Thanh Minh dẫn lại, trong 3 tháng đầu năm, mỗi tháng có khoảng 32.000 doanh nghiệp đăng ký mới và quay trở lại hoạt động. Tuy nhiên, cùng thời điểm cũng có khoảng 30.400 doanh nghiệp rút khỏi thị trường.

Như vậy, nền kinh tế chỉ tăng ròng khoảng 1.600 doanh nghiệp mỗi tháng, khiến mục tiêu 2 triệu doanh nghiệp vào năm 2030 trở nên rất thách thức.

Theo khảo sát của Ban IV, khoảng 7/10 doanh nghiệp vẫn mang tâm lý thận trọng hoặc tiêu cực về triển vọng kinh doanh. Trong khi đó, PGS.TS Nghiêm Thị Thà - Tổng Thư ký Hiệp hội Tư vấn Tài chính Việt Nam cho rằng: Điều đáng ghi nhận nhất là tốc độ thể chế hóa chính sách sau khi Nghị quyết 68-NQ/TW được ban hành.

Theo bà Nghiêm Thị Thà, một trong những hạn chế lớn hiện nay là năng lực thực thi chưa đồng bộ. Nhiều luật và nghị quyết được thiết kế khá thông thoáng, nhưng khi triển khai xuống nghị định, thông tư hoặc thực tiễn lại phát sinh thêm điều kiện kinh doanh và “giấy phép con”. Bên cạnh đó, khu vực doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh cũng đang bước vào quá trình “thanh lọc”, buộc phải minh bạch hơn về quản trị, tài chính và nghĩa vụ thuế.

Nguồn: baochinhpvu.vn

TRẠM CÔNG DÂN SỐ: MÔ HÌNH ĐỘT PHÁ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ ĐƯA VÀO LỘ TRÌNH PHỔ CẬP TOÀN QUỐC

Ngày 11/05/2026, Chính phủ ban hành Quyết định số 826/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia. Một trong những điểm nhấn đáng chú ý là nhiệm vụ nghiên cứu triển khai phổ cập mô hình Trạm Công dân số, trên tinh thần đưa các tiện ích dịch vụ công, y tế số “bám rễ sâu” phục vụ đời sống dân sinh.

Người dân là trung tâm chuyển đổi số quốc gia

Quyết định số 826/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 đã nêu rõ mục tiêu đến năm 2030, người dân và doanh nghiệp thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hành chính theo địa giới hành chính. Để hiện thực hóa lộ trình này, đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, an toàn phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến là một trong những nhiệm vụ cấp bách.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Ủy ban nhân dân các địa phương phối hợp cùng Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế nghiên cứu đề xuất giải pháp “Trạm công dân số” tại các địa điểm công cộng, cơ quan hành chính và trung tâm dịch vụ, hướng tới triển khai phổ cập theo lộ trình từ tháng 01/2027.

Việc ra mắt và nhân rộng mô hình hạ tầng số đột phá với nhiều tiện ích, tiện năng chính là kết quả của sự chuyển đổi quan trọng từ “quản lý hành chính” sang “vụ hành chính”, ứng dụng công nghệ phục vụ người dân tốt hơn. Điều này cũng cho thấy nỗ lực cụ thể hóa quan điểm lấy người dân “là trung tâm, mục tiêu, chủ thể, nguồn lực, động lực của chuyển đổi số” đã được khẳng định trong đề án.

“Cánh tay nối dài” gắn kết người dân và chính quyền số

Được triển khai thí điểm từ tháng 10/2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh trong lòng các khu dân cư, đến nay, Trạm Công dân số đang phát huy vai trò là kênh kết nối an toàn, tin cậy giữa Nhà nước với người dân và doanh nghiệp. Dựa trên nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia (VNeID), mô hình đưa dịch vụ công, y tế số cùng nhiều tiện ích dân sinh đến gần hơn với người dân, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và xây dựng chính quyền số tại cơ sở.

Tại đây, người dân có thể thực hiện trọn vẹn các tính năng cốt lõi bao gồm:

Dịch vụ công trực tuyến: Nộp hồ sơ, thanh toán lệ phí trực tuyến, tra cứu thông tin, tiến độ thực hiện thủ tục hành chính... trên cổng dịch vụ công quốc gia mà không cần đến đến cơ quan hành chính.

Tiện ích an sinh: Tra cứu thông tin bảo hiểm y tế, nộp phạt vi phạm giao thông, giao dịch ngân hàng cơ bản, cùng nhiều tiện ích thiết thực khác ngay tại trạm.

Phản ánh an ninh: Tích hợp nút bấm SOS kết nối trực tiếp đến lực lượng an ninh địa phương, đảm bảo an toàn cho người dân.

Y tế số: Kiểm tra các chỉ số sức khỏe cơ bản, tư vấn sức khỏe từ xa, số hóa quy trình cung ứng dược phẩm, quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân...

Đây là bước tiến đột phá trong ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo vào phục vụ người dân, góp phần xây dựng chính quyền điện tử hiện đại và minh bạch. Việc mở rộng sự hiện diện của “điểm chạm” tại các nơi công cộng, cơ quan hành chính, trung tâm dịch vụ theo tinh thần Quyết định số 826/QĐ-TTg của Chính phủ sẽ tiếp tục gia tăng khả năng tiếp cận toàn dân, phổ cập kỹ năng số và văn hóa số trong toàn xã hội.

“Mở đường” cho y tế số đi sâu vào đời sống dân sinh

Các tính năng y tế số với sự tham gia phát triển của các đơn vị công - tư là hợp phần quan trọng tại Trạm Công dân số. Sự kết hợp này mang lại giải pháp toàn diện, từ hạ tầng công nghệ đến năng lực cung ứng, năng lực chuyên môn, giúp người dân tiếp cận các dịch vụ y tế chuẩn mực một cách nhanh chóng và thuận tiện nhất ngay tại nơi sinh sống.

Cụ thể, người dân có thể thực hiện kiểm tra các chỉ số sức khỏe cơ bản bằng thiết bị thông minh, đồng thời tiếp cận dịch vụ tư vấn, mua thuốc và các tiện ích y tế cần thiết ngay tại nơi sinh sống. Quy trình được thiết kế đơn giản, thuận tiện, giúp rút ngắn thời gian, hạn chế di chuyển và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ.

Đáng chú ý, việc ứng dụng định danh và xác thực điện tử trong các dịch vụ y tế, đặc biệt là cung ứng dược phẩm, giúp đảm bảo nguyên tắc “đúng người - đúng toa”, đồng thời nâng cao tính an toàn, minh bạch và bảo mật thông tin.

Nằm tại các điểm chạm dân cư, trạm còn phát huy vai trò thế mạnh “gần dân, sát dân”, trở thành điểm tựa y tế an toàn và đáng tin cậy trong những tình huống khẩn cấp, ốm, sốt bất ngờ.

Dưới sự chủ trì của Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06), các giải pháp y tế tại trạm được triển khai với tiêu chuẩn hiện đại, chất lượng, đảm bảo an toàn tuyệt đối về dữ liệu. Hệ thống nhà thuốc và tiệm chủng FPT Long Châu với mạng lưới rộng khắp, nền tảng công nghệ hiện đại đáp ứng mọi tiêu chuẩn về an toàn an ninh thông tin; đồng thời là thương hiệu được nhiều triệu người dân tin dùng trong nhiều năm qua, là đơn vị được chọn để vận hành các tiện ích chăm sóc sức khỏe tại trạm, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ công - tư tại cơ sở, đem dịch vụ thiết thực đến gần dân, sát dân. Trước đó, doanh nghiệp y tế này cũng đi đầu tích hợp trên nền tảng VNeID và ứng dụng dữ liệu dân cư vào phục vụ cộng đồng.

Việc phối hợp triển khai giữa cơ quan quản lý và các đơn vị đồng hành như Long Châu, GoTrust cho thấy hướng đi rõ nét trong xây dựng hệ sinh thái số toàn diện, đưa các dịch vụ y tế và an sinh đến gần người dân một cách đồng bộ, bền vững.

Mắt xích quan trọng kết nối và liên thông dữ liệu dân cư

Theo tầm nhìn đến năm 2035, Việt Nam hướng tới trở thành quốc gia số phát triển toàn diện và bền vững, trong đó mọi giao dịch giữa người dân với chính quyền đều được thực hiện

trên môi trường số. Lúc này, các cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu dân cư là hạt nhân, sẽ được kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả để phục vụ xây dựng Chính phủ thông minh, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực.

Các chuyên gia nhận định, các điểm chạm gần dân như Trạm Công dân số chính là mắt xích quan trọng, giúp kết nối và liên thông dữ liệu với hệ thống quốc gia. Dữ liệu dân cư, dữ liệu y tế và các thông tin liên quan được tích hợp, xác thực và quản lý trên nền tảng số, góp phần xây dựng hệ sinh thái dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất”, phục vụ hiệu quả công tác quản lý và chăm sóc người dân trong dài hạn. Trên cơ sở đó, người dân sẽ được thụ hưởng các dịch vụ số được cá nhân hóa, tự động và thuận tiện theo từng sự kiện cuộc đời.

Thông qua xã hội hóa mô hình với lộ trình rõ ràng và quyết tâm cao, Trạm Công dân số hứa hẹn đưa các giải pháp công nghệ tiên tiến nhanh chóng đi vào thực tiễn, góp phần hiện thực hóa mục tiêu lớn: đưa Việt Nam nằm trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đồng thời trở thành trung tâm kết nối dữ liệu, phát triển công nghiệp số quan trọng của châu Á vào năm 2035.

Nguồn: baohinhphu.vn

ĐẾN 2035, MỌI GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI DÂN VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỀU ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ

Đó là mục tiêu của Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 (Chương trình Đề án 06) vừa được Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng phê duyệt tại Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026.

Mục tiêu chung của Chương trình Đề án 06 là thúc đẩy phát triển, ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng trong mọi lĩnh vực để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phục vụ hiệu quả các trụ cột Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Kế hoạch 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Đến năm 2030, hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hành chính theo địa giới hành chính. Xây dựng thành công hệ sinh thái dữ liệu dân cư quốc gia kết nối liên thông đa ngành, dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” được khai thác hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản trị, điều hành đất nước góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia có tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tiên tiến, thuộc nhóm dẫn đầu các nước thu nhập trung bình cao.

Tập trung triển khai 6 nhóm mục tiêu

Cụ thể, *giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030*, Chương trình sẽ tập trung triển khai 06 nhóm mục tiêu cụ thể như sau: (1) Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành; (2) Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số; (3) Phục vụ phát triển công dân số; (4) Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu; (5) Đảm bảo an sinh xã

hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;
(6) Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

Tầm nhìn đến năm 2035, hướng tới xây dựng Việt Nam trở thành một quốc gia số phát triển bền vững, toàn diện, trong đó: Mọi giao dịch giữa người dân và chính quyền đều được thực hiện trên môi trường số. Các cơ sở dữ liệu quốc gia, với dữ liệu dân cư là hạt nhân, được kết nối, chia sẻ và sử dụng hiệu quả để phục vụ xây dựng Chính phủ thông minh, cho phép ra quyết định trên cơ sở dữ liệu thời gian thực.

Người dân được thụ hưởng các dịch vụ số được cá nhân hóa, tự động, thuận tiện theo từng sự kiện cuộc đời. Dữ liệu và công nghệ số được ứng dụng sâu rộng trong mọi lĩnh vực: y tế, giáo dục, giao thông, nông nghiệp, tư pháp, an ninh... Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao nhờ các tiện ích số. Văn hóa số, kỹ năng số trở thành phổ cập trong toàn xã hội. Việt Nam nằm trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; trở thành trung tâm kết nối dữ liệu và phát triển công nghiệp số quan trọng của khu vực Châu Á.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chương trình Đề án 06 đặt ra các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như: Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư; phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phục vụ phát triển công dân số; mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu...

Sử dụng một tài khoản duy nhất đăng nhập một lần truy cập xuyên suốt các phần mềm, hệ thống

Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư, các cơ quan chức năng sẽ tham mưu sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, cơ chế thúc đẩy, giám sát trong công tác quản lý nhà nước và phục vụ phát triển công dân số, xã hội số, kinh tế số, chính phủ số.

Tham mưu sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thúc đẩy, tạo lập, khai thác và sử dụng dữ liệu; ứng dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế xã hội; phòng ngừa và xử phạt các hành vi vi phạm trong lĩnh vực dữ liệu; các văn bản hướng dẫn bảo vệ an ninh dữ liệu bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Đồng thời, ban hành hướng dẫn kỹ thuật, kiến trúc thống nhất về các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, trong đó, tích hợp, sử dụng một tài khoản duy nhất đăng nhập một lần truy cập xuyên suốt các phần mềm, hệ thống.

Triển khai trí tuệ nhân tạo AI, trợ lý ảo để hỗ trợ dịch vụ công, thủ tục hành chính

Về phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, sẽ tập trung thực hiện việc tái cấu trúc, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, trong đó: thực hiện công bố thông tin có trong các cơ sở dữ liệu; xây dựng từ điển dữ liệu dùng chung, Cổng dịch vụ công quốc gia mô hình giải quyết thủ tục

hành chính tập trung, thống nhất. Triển khai các sáng kiến, mở rộng các hình thức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công, thủ tục hành chính để tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

Cụ thể, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, địa phương kết nối, tích hợp đăng nhập tài khoản định danh, đặc biệt tài khoản định danh tổ chức, người nước ngoài phục vụ dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện: **tháng 12/2026**.

Tháng 9/2026, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai trí tuệ nhân tạo AI, Trợ lý ảo để hỗ trợ dịch vụ công, thủ tục hành chính.

Ủy ban nhân dân các địa phương chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, nghiên cứu đề xuất giải pháp “Trạm công dân số” tại các địa điểm công cộng, cơ quan hành chính và trung tâm dịch vụ. Thời gian thực hiện: **tháng 01/2027**.

Nghiên cứu triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng thành phố thông minh

Về phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình sẽ triển khai thúc đẩy sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các giao dịch, thủ tục; ban hành các danh mục sản phẩm dịch vụ, các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử, đặc biệt các nhóm ngành tác động đến kinh tế số trong các lĩnh vực như: tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, logistics và thương mại điện tử.

Nghiên cứu triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng thành phố thông minh như “Bản sao số”, “Mô hình địa điểm số” kết nối, ứng dụng Cơ sở dữ liệu địa điểm, dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu khác.

Cung cấp các tiện ích để thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số

Về phục vụ phát triển công dân số, Chương trình sẽ tập trung triển khai các giải pháp để công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ trên môi trường số như: lấy ý kiến nhân dân về các dự thảo luật, pháp lệnh, văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải; quản lý khai thác, chia sẻ và giám sát việc khai thác, sử dụng dữ liệu công dân; xây dựng ứng dụng VNeID thành nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyển đổi số, phát triển công dân số: (1) Lưu trữ dữ liệu số của công dân; (2) Định danh xác thực điện tử; (3) Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính; (4) Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; (5) Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp, và người dân với người dân.

Hoàn thiện việc tạo lập ví giấy tờ của công dân, tổ chức trên VNeID, tạo lập kho dữ liệu của công dân, tổ chức trên môi trường số theo quy định.

Xây dựng các nền tảng số, cung cấp các tiện ích để thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số; hoàn thiện các công cụ số cho công dân như: tài khoản định danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán...

Nguồn: baochinhpvu.vn

CÁC BỘ KHẨN TRƯỞNG HOÀN THÀNH PHÂN CẤP, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH TRƯỚC 20/5/2026

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Văn bản số 484/TTg-CĐS của Thủ tướng Chính phủ gửi các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ về việc nghiêm túc thực hiện phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo các phương án đã đề xuất.

Công văn nêu, triển khai Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”, ngày 29/4/2026, Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh. Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 464/TTg-CĐS ngày 30/4/2026 chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương triển khai các Nghị quyết.

Trên cơ sở Báo cáo số 312/BC-BTP ngày 07/5/2026 của Bộ Tư pháp về kết quả thực hiện cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh tại các Nghị quyết của Chính phủ và đề xuất của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo như sau:

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện nghiêm túc yêu cầu “*Khẩn trương triển khai, hướng dẫn thi hành các Nghị quyết đã được Chính phủ ban hành, nhất là các trình tự, thủ tục để triển khai các thủ tục hành chính đã phân cấp về cho các địa phương; ban hành theo thẩm quyền các văn bản sửa đổi, bổ sung bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các Nghị quyết của Chính phủ*” tại điểm a mục 1 Văn bản số 464/TTg-CĐS ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, hoàn thành trước ngày 20/5/2026; báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tư pháp trước ngày 22/5/2026.

Báo cáo các phương án cắt giảm, phân cấp, đơn giản thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không thuộc thẩm quyền trước 18/5/2026

Các Bộ: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Dân tộc và Tôn giáo; Xây dựng; Ngoại giao; Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an; Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khẩn trương hoàn thành việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền để tiếp tục phân cấp 229 thủ tục hành chính, bãi bỏ 157 thủ tục hành chính, đơn giản hóa 188 thủ tục hành chính, cắt giảm (bãi bỏ) 182 điều kiện kinh doanh (theo yêu cầu tại điểm c của các mục 1, 2, 3 Báo cáo số 312/BC-BTP ngày 07/5/2026 của Bộ Tư pháp), hoàn thành trước ngày 20/5/2026; báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tư pháp trước ngày 22/5/2026.

Trường hợp các phương án cắt giảm, phân cấp, đơn giản thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thì Bộ, cơ quan ngang bộ tổng hợp, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 18/5/2026 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án xử lý.

Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến Thành viên Chính phủ, rà soát kỹ lưỡng, hoàn thiện nội dung và hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết về cắt giảm, sửa đổi ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; 02 Nghị quyết về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, không mâu thuẫn, chồng chéo trong hệ thống pháp luật, cắt giảm thực chất, phù hợp với thực tiễn, đồng thời bảo đảm mục tiêu quản lý.

Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan, hoàn thành trước ngày 30/5/2026.

Nguồn: baohinhphu.vn

NGHỊ ĐỊNH SỐ 147/2026/NĐ-CP: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CƠ CHẾ ĐẶC THÙ THÁO GỖ VƯỚNG MẮC DỰ ÁN TỒN ĐỘNG, XỬ LÝ VI PHẠM ĐẤT ĐAI

Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2026/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội.

Nghị định này hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài, bao gồm: 1- Điều 11 quy định xử lý dự án đã được cấp giấy chứng nhận không đúng quy định; 2- Điều 12 quy định xử lý về việc tiếp tục giao đất, cho thuê đất đối với các dự án vi phạm về lựa chọn nhà đầu tư, về quản lý, sử dụng đất; 3- Điều 13 quy định xử lý đối với dự án đầu tư trên khu đất mà Nhà nước đã thu hồi đất không thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật; 4- Khoản 4 Điều 16 sửa đổi mục 14 Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá XV.

Trong đó, một nội dung đáng chú ý của Nghị định là hướng dẫn xử lý dự án đã được cấp giấy chứng nhận không đúng quy định.

Hướng dẫn xử lý dự án đã được cấp giấy chứng nhận không đúng quy định***Rà soát các điều kiện để xử lý dự án đã được cấp giấy chứng nhận không đúng quy định***

Nghị định hướng dẫn việc rà soát các điều kiện để xử lý dự án đã được cấp giấy chứng nhận không đúng quy định theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 29/2026/QH16 thực hiện như sau:

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát sự phù hợp của dự án với các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Sở Xây dựng tổng hợp kết quả đánh giá điều kiện và lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép điều chỉnh mục đích sử dụng đất hoặc cho phép điều chỉnh mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất trong giấy chứng nhận không đúng quy định đối với từng dự án. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình;

- Dự thảo quyết định cho phép điều chỉnh mục đích sử dụng đất hoặc quyết định cho phép điều chỉnh mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất trong giấy chứng nhận không đúng quy định;

- Ý kiến của các cơ quan liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Đối với các tỉnh, thành phố tổ chức riêng Sở Quy hoạch - Kiến trúc thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công Sở Xây dựng hoặc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thực hiện các nhiệm vụ quy định trên.

Đối với diện tích đất được điều chỉnh mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trên thì không phải thực hiện điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất.

Quy định về thực hiện điều chỉnh mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất

Về thực hiện điều chỉnh mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 29/2026/QH16, Nghị định quy định như sau:

1- Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Xác định giá đất và chuyển thông tin đến cơ quan thuế để cơ quan thuế tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp bổ sung theo quy định tại Điều 5 Nghị định này đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 29/2026/QH16 sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định cho phép điều chỉnh mục đích sử dụng đất hoặc quyết định cho phép điều chỉnh mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất trong giấy chứng nhận không đúng quy định;

b) Ban hành Quyết định công bố danh sách các giấy chứng nhận đã cấp thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 29/2026/QH16; tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp giấy chứng nhận; số phát hành (số seri của giấy chứng nhận); số vào Sổ cấp giấy chứng nhận.

Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì việc ban hành quyết định tại điểm này được thực hiện khi có giấy tờ hoặc thông tin của cơ quan thuế chứng minh nhà đầu tư, chủ đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

2- Trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai:

a) Đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng về danh sách số phát hành (số seri của giấy chứng nhận), số vào Sổ cấp giấy chứng nhận của các giấy chứng nhận đã cấp thuộc trường hợp quy định tại điểm 1b nêu trên. Việc đăng tin được thực hiện 03 lần, mỗi lần cách nhau 30 ngày;

b) Trường hợp có địa chỉ của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì gửi thông báo bằng văn bản cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp giấy chứng nhận đã cấp để thực hiện điều chỉnh mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất.

c) Gửi thông báo bằng văn bản kèm theo danh sách số phát hành (số seri của giấy chứng nhận), số vào Sổ cấp giấy chứng nhận của các giấy chứng nhận quy định tại điểm 1b nêu trên đến Sở Tư pháp, các tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất, cơ quan, tổ chức, các bên có liên quan (nếu có) để thông tin đến người sử dụng đất, người sở hữu tài sản và các bên có liên quan khi thực hiện giao dịch;

d) Thực hiện chỉnh lý, cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải cấp mới theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc xác nhận thay đổi vào giấy chứng nhận đã cấp; trao giấy chứng nhận cho người được cấp.

Trường hợp xác nhận thay đổi vào giấy chứng nhận đã cấp, Văn phòng đăng ký đất đai thể hiện tại cột "*Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý*" của giấy chứng nhận đã cấp như sau: "... (*ghi tên loại thông tin thay đổi*) đã thay đổi từ... thành ... (*ghi nội dung thông tin trước và sau khi thay đổi*) theo Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội, theo hồ sơ số... (*ghi mã hồ sơ thủ tục đăng ký*)".

Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đang được thế chấp và đã được đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm thì thực hiện việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm; việc trao Giấy chứng nhận được thực hiện đồng thời giữa ba bên gồm Văn phòng đăng ký đất đai, người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và bên nhận thế chấp; người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất ký, nhận Giấy chứng nhận mới từ Văn phòng đăng ký đất đai để trao cho bên nhận thế chấp.

3- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp giấy chứng nhận đã cấp kèm theo đơn về việc đăng ký biến động theo quy định về thủ tục đăng ký biến động đất đai đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi nhận được thông báo quy định tại 2 nêu trên.

Trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc trường hợp đã lập hợp đồng, văn bản chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được công chứng, chứng thực trước ngày ban hành thông báo quy định điểm 2c nêu trên thì nộp thêm văn bản, giấy tờ về việc chuyển quyền theo quy định của pháp luật về dân sự.

4- Nhà đầu tư, chủ đầu tư nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và pháp luật liên quan.

5- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện:

a) Cấp giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

b) Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục hành chính để thực hiện các quy định trên; trong đó quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong các bước thực hiện trình tự, thủ tục, thời gian tối đa thực hiện trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ phải nộp.

Hướng dẫn xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với dự án được điều chỉnh mục đích sử dụng đất sang đất ở

Nghị định quy định thời điểm xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp khi được điều chỉnh mục đích sử dụng đất sang đất ở quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 29/2026/QH16 là thời điểm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định cho phép điều chỉnh mục đích sử dụng đất hoặc quyết định cho phép điều chỉnh mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất trong giấy chứng nhận không đúng quy định.

Số tiền cần phải thu từ phần chênh lệch tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại thời điểm điều chỉnh giấy chứng nhận được cấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 29/2026/QH16 được xác định như sau:

$$T_{BS} = T_1 - T_2$$

Trong đó:

T_{BS} là tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp bổ sung.

T_1 là tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm Nhà nước điều chỉnh giấy chứng nhận được cấp.

T_2 là tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo mục đích sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận không đúng quy định được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm Nhà nước điều chỉnh giấy chứng nhận được cấp. Trong đó:

Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định theo quy định của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và giá đất.

Trường hợp giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại thời điểm cấp giấy chứng nhận không đúng được xác định căn cứ vào tỷ lệ so với đất ở thì nay cho áp dụng tỷ lệ đó để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Nghị định quy định trường hợp số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp lớn hơn số tiền tính theo giá đất ở tại thời điểm trước đây đã cấp giấy chứng nhận không đúng quy định thì Nhà nước không hoàn trả số tiền chênh lệch.

Đối với phần diện tích của dự án không phải diện tích đất được điều chỉnh sang đất ở theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 29/2026/QH16 mà thực hiện điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết thì việc xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thực hiện theo pháp luật về đất đai, pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và pháp luật khác có liên quan.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2026 đến ngày các quy định về cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 hết hiệu lực thi hành.

Trường hợp các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo Nghị quyết số 29/2026/QH16 mà đến hết ngày 01 tháng 5 năm 2031 chưa kết thúc và được tiếp tục triển khai theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì tiếp tục được áp dụng quy định tại Nghị định này.

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị định này thì việc áp dụng cơ chế, chính sách do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Nguồn: baohinhphu.vn

TINH GIẢN BIÊN CHẾ ĐỐI VỚI NHỮNG CÁN BỘ NĂNG LỰC YẾU KÉM, THIẾU TINH THẦN TRÁCH NHIỆM

Đó là một trong những nội dung tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới vừa được Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký ban hành.

Chỉ thị nêu, triển khai vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, công tác sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cấp xã của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện nghiêm túc, đúng nguyên tắc của Đảng, quy định của Nhà nước. Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã cơ bản được kiện toàn, từng bước thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới; năng lực lãnh đạo, điều hành được nâng lên; phương thức làm việc bước đầu đáp ứng mục tiêu, yêu cầu kiến tạo, phát triển và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

Tuy nhiên, hiện nay đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu rất cao, chức năng của cấp cơ sở đang và tiếp tục mở rộng, đặt ra yêu cầu tăng trưởng cao, phát triển bền vững, đồng thời đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ phương thức làm việc theo hướng chủ động, kiến tạo, phát triển. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp cơ sở được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, chiến lược, có ý nghĩa

quyết định đối với năng lực quản trị, điều hành, thực hiện nhiệm vụ chính trị của đất nước.

Triệt để điều động cấp phó vượt số lượng quy định từ cấp tỉnh về cấp xã

Thực hiện Thông báo số 21-TB/VPTW ngày 07/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương về giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các Bộ, ngành, địa phương tập trung, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nghiêm túc quán triệt, triển khai quyết liệt, đồng bộ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác cán bộ. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương theo Thông báo số 21-TB/VPTW ngày 07/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng (thực hiện thường xuyên).

Khẩn trương chỉ đạo xây dựng kế hoạch, giải pháp nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã phù hợp với đặc thù của địa bàn, vùng, miền, khu vực, đáp ứng yêu cầu linh hoạt trong tổ chức thực thi công vụ, hoàn thành trong tháng 5/2026.

Rà soát, đánh giá tổng thể chất lượng, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã; hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí theo yêu cầu vị trí việc làm được quy định tại các văn bản của Bộ Chính trị về công tác cán bộ, Luật Cán bộ, công chức, các Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, hoàn thành trong tháng 6/2026.

Tham mưu cấp ủy cùng cấp bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã bảo đảm “đúng người, đúng việc, đúng thời điểm, đúng địa bàn” và phát huy năng lực thực tiễn, sở trường và kinh nghiệm công tác; triệt để phân công, điều động đối với các lãnh đạo, quản lý cấp phó đang vượt quy định của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, thành ủy, ủy ban nhân dân cấp tỉnh về cấp xã.

Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức cấp xã theo yêu cầu vị trí việc làm, gắn với thực tiễn địa bàn

Ưu tiên bố trí cán bộ, công chức có bản lĩnh, khả năng chịu áp lực và kinh nghiệm xử lý tình huống về công tác tại các địa bàn phức tạp, khối lượng công việc lớn, nhất là các lĩnh vực đòi hỏi năng lực, trình độ chuyên môn chuyên sâu, như đất đai, xây dựng, dân tộc, tôn giáo, khiếu nại, tố cáo,... Kiên quyết không để xảy ra tình trạng phân công cán bộ, công chức không phù hợp với năng lực, sở trường công tác, hoàn thành trong Quý III/2026.

Tổ chức triển khai việc đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã trên cơ sở tiến độ, chất lượng xử lý công việc, năng lực

phối hợp, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; thực hiện tinh giản biên chế đối với những người năng lực yếu kém, thiếu tinh thần trách nhiệm, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (thực hiện thường xuyên).

Thực hiện việc tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực cho các cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương cấp xã, ưu tiên người có tài năng và kinh nghiệm công tác đáp ứng ngay yêu cầu công việc (thực hiện thường xuyên).

Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã theo yêu cầu vị trí việc làm, gắn với thực tiễn của địa bàn. Chú trọng bồi dưỡng năng lực thực thi công vụ, năng lực phát triển, năng lực xử lý tình huống; tăng cường hướng dẫn tại chỗ. Thực hiện chế độ, chính sách và tạo điều kiện để cán bộ, công chức vừa học, vừa làm, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của cơ quan, đơn vị (thực hiện thường xuyên).

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp giai đoạn 2026 - 2031 (theo lộ trình của Đề án).

Nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ và trách nhiệm giải trình của cán bộ

Nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ và trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã; siết chặt kỷ luật lao động, thực hiện nghiêm quy trình xử lý hồ sơ, thời hạn trả kết quả trên môi trường điện tử; ngăn chặn biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, chậm trễ trong giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp (thực hiện thường xuyên).

Bố trí kinh phí, đầu tư bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng số, trang thiết bị làm việc của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã theo quy định (thực hiện thường xuyên).

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; rà soát, đánh giá tính khả thi của việc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định cho phù hợp, nhất là các nội dung phân cấp, phân quyền cho cấp xã, hoàn thành trong Quý II/2026.

Rà soát, đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; ban hành các quy định, hướng dẫn về hồ sơ, quy trình nghiệp vụ, thủ tục hành chính, xử lý các tình huống... đã phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền cho cấp tỉnh, cấp xã, phù hợp với trình độ, năng lực cán bộ, công chức, yêu cầu thực tiễn khi vận hành tổ chức bộ máy mới, hoàn thành trong Quý II/2026.

Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành bảo đảm liên thông, kết nối đồng bộ từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã; khẩn trương rà soát các hệ thống

thông tin, phân mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý nhằm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc bảo đảm thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng (thực hiện thường xuyên).

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý cán bộ và thực thi công vụ

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý cán bộ và thực thi công vụ, số hóa quản lý cán bộ (hồ sơ điện tử, theo dõi quá trình công tác, đào tạo, đánh giá, cảnh báo thiếu chuẩn vị trí việc làm); nâng cao kỹ năng số trong thực thi công vụ (văn bản điện tử, dịch vụ công, họp trực tuyến, khai thác cơ sở dữ liệu, bảo mật thông tin, nghiên cứu điều hành dựa trên dữ liệu). Gắn chuyển đổi số với công tác cán bộ, bảo đảm cân đủ năng lực làm việc trong môi trường số, sử dụng dữ liệu, nâng cao tốc độ xử lý công việc, tính minh bạch và khả năng phối hợp liên thông để phục vụ người dân, doanh nghiệp (thực hiện thường xuyên).

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp giai đoạn 2026 - 2031 (theo lộ trình của Đề án).

Xây dựng chính sách nhà ở xã hội đối với cán bộ có khó khăn về nhà ở trong Quý III/2026

Bộ Xây dựng tập trung xây dựng các chính sách nhà ở xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở, hoàn thành trong Quý III/2026.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hướng dẫn, bố trí kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, chế độ, chính sách và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã theo quy định (thực hiện thường xuyên).

Bộ Nội vụ hướng dẫn các hình thức đặc thù tuyển dụng để kịp thời bổ sung nguồn nhân lực cho cấp xã, hoàn thành trong Quý II/2026.

Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp giai đoạn 2026 - 2031 (theo lộ trình của Đề án).

Xây dựng hệ thống học liệu số dùng chung toàn quốc trong tháng 12/2026

Xây dựng hệ thống học liệu số dùng chung toàn quốc cho cán bộ, công chức cấp xã trên nền tảng “Bình dân học vụ số”, hoàn thành trong tháng 12/2026.

Phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức cấp xã thuộc trách nhiệm quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức và khoản 2 Mục VII Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp giai đoạn 2026 - 2031 (theo lộ trình của Đề án).

ĐẾN NĂM 2045, VIỆT NAM LÀ TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ HÀNG ĐẦU KHU VỰC

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045 (gọi tắt là Chương trình).

Lấy doanh nghiệp làm trung tâm để phát triển công nghiệp công nghệ số

Quan điểm phát triển công nghiệp công nghệ số là phát triển một ngành kinh tế - kỹ thuật, ngành công nghiệp nền tảng, giữ vai trò động lực then chốt để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tạo nền móng vững chắc cho chuyển đổi số quốc gia; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số; đóng vai trò quyết định trong việc hiện thực hóa khát vọng đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045.

Lấy doanh nghiệp làm trung tâm, xác định khu vực kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất để phát triển công nghiệp công nghệ số, trong đó, chú trọng huy động các doanh nghiệp lớn, đặc biệt là các tập đoàn tư nhân lớn chuyển dịch, đầu tư, phát triển ngành công nghiệp công nghệ số. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, xây dựng hành lang pháp lý, quy hoạch hạ tầng công nghiệp công nghệ số và tạo lập thị trường thông qua việc định hướng, đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

Phát triển công nghiệp công nghệ số với tinh thần “Make in Viet Nam”

Phát triển công nghiệp công nghệ số với tinh thần “Make in Viet Nam” - sáng tạo tại Việt Nam, làm ra tại Việt Nam để dẫn dắt; doanh nghiệp Việt Nam làm chủ công nghệ, chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu, thiết kế, sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, làm chủ thị trường trong nước và nâng cao năng lực cạnh tranh, dẫn dắt để vươn ra toàn cầu. Kết hợp hài hòa giữa tự chủ công nghệ với hợp tác quốc tế sâu rộng; chủ động tham gia và tiến tới dẫn dắt ở một số khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút, trọng dụng nhân tài là yếu tố then chốt, đột phá bảo đảm đồng bộ với phát triển hệ sinh thái ngành, gắn kết chặt chẽ theo mô hình “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” trong đào tạo và sử dụng nhân lực công nghiệp công nghệ số; phát triển công nghiệp công nghệ số phải gắn liền với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; chú trọng hỗ trợ nghiên cứu, cải tiến và chuyển đổi hoạt động sản xuất để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thân thiện với môi trường...

Việt Nam phấn đấu làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược

Mục tiêu tổng quát của Chương trình là phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao, với các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược

và giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn của quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số. Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, đưa Việt Nam trở thành một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Nâng cao vị thế và thương hiệu “Make in Viet Nam” trong khu vực và quốc tế.

Đến năm 2030 doanh thu ngành công nghiệp công nghệ số đạt tối thiểu 300 tỷ USD

Chương trình phấn đấu đến năm 2030 doanh thu ngành công nghiệp công nghệ số đạt tối thiểu 300 tỷ USD; tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành trong giai đoạn 2026 - 2030 đạt mức từ 12% trở lên; doanh thu xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ công nghệ số của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đạt tối thiểu 55 tỷ USD/năm, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt tối thiểu 30%/năm.

Phấn đấu đạt 100.000 doanh nghiệp công nghệ số; đào tạo và phát triển đội ngũ trên 03 triệu nhân lực công nghiệp công nghệ số.

Hình thành tầm 20 khu công nghệ số tập trung

Chương trình cũng đặt mục tiêu doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có khả năng làm chủ công nghệ để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; phấn đấu mỗi địa phương thực hiện tối thiểu 01 hoạt động cấp phép và triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số phù hợp điều kiện thực tiễn phát triển công nghiệp công nghệ số nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hoàn thiện khung pháp lý về công nghiệp công nghệ số.

Hình thành 16 - 20 khu công nghệ số tập trung, trong đó tối thiểu có 01 khu công nghệ số tập trung quy mô lớn, phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển của vùng kinh tế trọng điểm; hình thành ít nhất 01 Trung tâm tính toán hiệu năng cao dùng chung để giải quyết nhiệm vụ, bài toán lớn, hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm...

Đến năm 2045, Việt Nam trở thành quốc gia có ngành công nghiệp công nghệ số phát triển

Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành quốc gia có ngành công nghiệp công nghệ số phát triển, là trung tâm công nghiệp công nghệ số hàng đầu khu vực và vươn lên nhóm dẫn đầu thế giới; công nghiệp công nghệ số trở thành ngành kinh tế chủ đạo, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và thịnh vượng quốc gia.

Phát triển đội ngũ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh toàn cầu, làm chủ công nghệ lõi, dẫn dắt xu hướng phát triển và khẳng định vị thế, thương hiệu "Make in Viet Nam" trong chuỗi giá trị toàn cầu; bảo đảm tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển, hình thành tối thiểu 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến và thu hút thêm ít nhất 05 dự án mới của các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Để đạt được mục tiêu trên, Chương trình đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau: Tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số; thúc đẩy nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; phát triển doanh nghiệp công nghệ số; phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số hiện đại, đồng bộ; thúc đẩy, xúc tiến đầu tư cho hoạt động công nghiệp công nghệ số; phát triển thị trường và chuỗi cung ứng công nghiệp công nghệ số; phát triển bền vững công nghiệp công nghệ số; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số; hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn.

Để thúc đẩy nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, Chương trình hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; triển khai các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn theo quy định pháp luật; hỗ trợ, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm...

Đồng thời, Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số áp dụng các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến theo chuẩn quốc tế để nâng cao uy tín sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam"; triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra thị trường quốc tế...

Để phát triển thị trường và chuỗi cung ứng công nghiệp công nghệ số, Chương trình thúc đẩy sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam"; tổ chức thường niên Diễn đàn quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam và Giải thưởng "Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam" để tôn vinh, quảng bá các sản phẩm xuất sắc, tạo uy tín và niềm tin cho người tiêu dùng trong nước; hỗ trợ đưa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số vươn ra thị trường toàn cầu...

Về hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn, Chương trình triển khai hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp thiết kế chip thực hiện; phát triển chuỗi cung ứng và sản xuất thiết bị điện tử nhằm tạo thị trường cho công nghiệp bán dẫn; phát triển và vận hành Trung tâm quốc gia hỗ trợ sản xuất thử chip bán dẫn để hỗ trợ sản xuất thử nghiệm và đo kiểm chip bán dẫn thông qua hoạt động...

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 842/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Lê Công Lý, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ

- Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 bổ nhiệm ông Ngô Văn Tuấn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính kiêm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội, thay ông Nguyễn Văn Thắng, nguyên Bộ trưởng Bộ Tài chính đã đảm nhiệm công tác khác.

- Quyết định số 856/QĐ-TTg, điều động, bổ nhiệm ông Trần Anh Tuấn, Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương giữ chức Trợ lý của đồng chí Lê Minh Hưng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 859/QĐ-TTg, điều động, bổ nhiệm ông Phan Văn Trọng, Thư ký của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương giữ chức Trợ lý của đồng chí Lê Minh Hưng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 857/QĐ-TTg, ông Lê Hoàng Tùng, Trợ lý của đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Chính phủ, nguyên Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ giữ chức Trợ lý của đồng chí Phạm Gia Túc, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

- Quyết định số 866/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Đỗ Anh Tuấn, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hà Nội.

- Quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 29/4/2026 thành lập Tổ Công tác của Chính phủ về phát triển công nghệ chiến lược (Tổ Công tác)

Theo Quyết định, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng làm Tổ trưởng tổ Công tác.

Tổ phó Tổ Công tác là Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Vũ Hải Quân.

Các thành viên Tổ Công tác gồm: Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn; Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng; Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoàng Minh Sơn; Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh; Bộ trưởng Bộ Y tế Đào Hồng Lan; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Thượng tướng Nguyễn Văn Hiến; Thứ trưởng Bộ Công an Trung tướng Đặng Hồng Đức; Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Minh Hằng; Cục trưởng Cục Chuyên đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng Ngô Hải Phan.

*** Tỉnh Bắc Ninh**

- Ông Phạm Văn Tạo, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh, được điều động, bổ nhiệm giữ chức Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng.

- Ông Trần Viết Năng, Tỉnh ủy viên, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh, được điều động, bổ nhiệm giữ chức Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Ông Đoàn Anh Phương, Tỉnh ủy viên, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, được điều động, bổ nhiệm giữ chức Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Ông Mai Anh Tài, Tỉnh ủy viên, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, được điều động, bổ nhiệm giữ chức Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

*** Tỉnh Đồng Tháp**

- Điều động, chỉ định ông Nguyễn Văn Vũ Minh - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nội vụ tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Đảng ủy phường Sa Đéc nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Điều động, chỉ định ông Huỳnh Tất Đạt - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy phường An Bình nhiệm kỳ 2025 - 2030 và giới thiệu bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Bình, nhiệm kỳ 2026 – 2031;

- Điều động, bổ nhiệm ông Đỗ Thị Thanh Trang, Phó Giám đốc Sở Nội vụ giữ chức Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Điều động, chỉ định ông Huỳnh Văn Tài, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Bình tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Tân Thành nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Tiếp nhận, bổ nhiệm ông Huỳnh Trung Hiếu, Thư ký nguyên Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang cũ, giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn